VĂN HỌC

tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Nguyễn Đông

số 86. tháng 6 năm 1993

VĂN HỌC

Tạp chí sáng tác nhận định văn nghệ

Phát hành mỗi đầu tháng

Chủ nhiệm: Trịnh Y Thư

Phụ tá chủ nhiệm: Lê Thọ Giáo

Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác

Tổng thư ký: Cao Xuân Huy

Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện

15 Place Souham, 75013 Paris, France

Phone: 45-831-912

Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú

14 Lester Rd, Padstow, NSW 2221 Australia

Tel: (02) 771-1770

Thư từ tiền bạc xin gửi về:

Văn Học

P.O. Box 1359

Garden Grove, CA 92642-1359, USA

Tel: (714) 894-8535

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

TRONG SỐ NÀY:

thư tòa soạn VĂN HỌC 2
vũ bằng VÕ PHIẾN 3
bài cộng hưởng HOÀNG XUÂN SƠN . . . 17
ngợi ca nàng HOÀNG XUÂN SƠN . . . 17
tình quê NGỰ THUYẾT 18
về đây HOÀNG XUÂN GIANG . . 23
chợt cảm kiều ĐẶNG PHÚ PHONG 24
robert olen butler:
tâm hồn việt nam
trong văn chương mỹ THẠCH HÃN 25
sonata tháng 5 ĐỊNH NGUYÊN 40
thảm đỏ cho người về ĐINH PHỤNG TIẾN 43
nhận diện nó TRẦN SA 51
mối tình thơ SĨ LIÊM 54
nhìn gương HÀN SONG TƯỜNG 70
bèo giạt LÊ THỊ THẤM VÂN 71
chuyện kể HÀ TRUNG 81
bảo sơn kỳ hương ROBERT OLEN BUTLER
"a good scent from
a strange mountain" THẠCH HÃN dịch 83
chị em MAI KIM NGỌC 96
GHI NHẬN ĐÓ ĐÂY . . . 112
THƯ BẠN ĐỌC 118
TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC 121

thư tòa soạn

Văn Học số 86 tháng này đến với bạn đọc miền Tây Hoa Kỳ một tuần trước ngày đầu tháng 6-1993, và hy vọng bạn đọc các miền xa hơn nhận Văn Học đúng vào đầu tháng. Đây là kết quả cố gắng của Ban chủ biên Văn Học, sửa chữa lại một khuyết điểm kéo dài từng làm phiền lòng nhiều bạn đọc.

Văn Học cũng đang khắc phục một khuyết điểm nữa, là liên lạc lỏng lẻo giữa Tòa soạn với các văn hữu, với bạn đọc bốn phương. Từ nay, Tòa soạn sẽ thông báo kịp thời bài vở nhận được để quí văn hữu cộng tác khỏi lo thư từ thất lạc. Ngoài ra, khi có những ý kiến phê bình hay nhận xét xây dựng của bạn đọc đối với các sáng tác và biên khảo đã đăng trên Văn Học, Tòa soạn xin phép được trích đăng để tạo nhịp cầu cảm thông giữa người viết và người đọc. Dĩ nhiên Văn Học chỉ trích đăng những ý kiến trình bày một cách khách quan, tôn trọng đối thoại, lời lẽ điềm tĩnh trang nhã, và nhất định không đăng tải những đả kích cá nhân hay phỉ báng chụp mũ.

Ngoài các sáng tác như thơ, truyện ngắn, tùy bút cùng những nhận định phê bình văn chương, Văn Học cũng bắt đầu loạt bài giới thiệu những nhà văn nhà thơ hiện đại có tầm vóc lớn trên khắp thế giới, đặc biệt là những nhà văn nhà thơ nói lên được những khát vọng tương tự khát vọng của dân tộc chúng ta, hoặc tâm trạng của những người lưu vong vì lý do chính trị. Cánh cửa mở ra văn chương thế giới rộng mênh mông, tìm hiểu tiếng nói của các dân tộc khác cũng là một cách nhận diện chính mình, chúng tôi nghĩ vậy.

Văn Học

VÕ PHIẾN

vũ bằng

Trong đời Vũ Bằng, có nhiều say mê lớn.

Chẳng hạn cái mê làm báo. Đang học ngon lành, tự dưng ông nổi lên mê báo tới nỗi bỏ học ngang xương, đeo dính lấy nghiệp báo chí suốt bốn chục năm trường. Mà làm báo như Vũ Bằng không phải là ngồi làm ông chủ chỉ tay năm ngón, hay làm như Phạm Quỳnh, Nhất Linh, Tản Đà v.v... mỗi người mỗi lần chỉ chủ trương một tờ đâu. Vũ Bằng có lúc tay này một tờ báo của Vũ Đình Long, tay kia một tờ khác của Nguyễn Doãn Vượng; có lúc một mình trông nom cả ba tờ báo ở Sài Gòn (*Đồng Nai, Sài Gòn Mai* và *Tiếng Dân*)[1]; lại có lúc vừa viết cho *Dân Chúng*, làm tổng thư ký báo *Tin Điện*, lại vừa hợp tác với người thứ ba làm báo *Vịt Vịt* v.v...

Tô Hoài kể lại cảnh Vũ Bằng làm báo hồi tiền chiến nghe mà khiếp. Mỗi lần đến nhà Vũ Bằng: "*Ngoài chiếc giường lớn còn là chồng đống các thứ báo tây báo ta mà khách lên gác vừa vượt thoát qua con chó béc giê to như con bê nhưng dữ dằn có số, nhô đầu lên lúc nào dường như cũng thấy anh hí hoáy quỳ phục giữa nhà. Như một ông thợ nấu cực thành thạo, tay dao tay thớt, mắt để vào món vừa chín, mắt nhìn món bưng ra. Những chồng báo ấy là thức ăn nuôi bài. Vũ Bằng làm báo, viết báo, thầu báo cai đầu dài ba bốn tờ một lúc. Anh viết đủ thứ, thượng vàng hạ cám, từ cái hộp thư, cái tin vặt, cái vui cười, cái "biết ai tâm sự" đến truyện ngắn, truyện dài đăng từng kỳ. Một nhà báo kiệt hiệt. Vũ Bằng ký rất nhiều bút danh. Cách làm báo khỏe nhưng phần tâm ấy đã hủy hoại khả năng và khát vọng của người viết mà anh không tự biết*"[2].

Về già, kể lại *Bốn mươi năm nói láo* xong, Vũ Bằng kết thúc cuốn hồi ký: "*Nếu một ngày kia, Trời xử phiên án cuối cùng, hỏi tôi*

nếu cho trở lại làm người thì sẽ làm gì, tôi cũng sẽ không cần suy nghĩ gì hết và chỉ trả lời một câu (...) nếu trở lại làm người, con cứ xin làm báo!" Thế thì phải gọi là một say mê chứ gì nữa?

Lại chẳng hạn cái say mê tiểu thuyết. Vũ Bằng ham đọc truyện, ham viết truyện, ham nghĩ về truyện.

Tô Hoài cho rằng sau giai đoạn Tự Lực Văn Đoàn, nền văn xuôi Việt Nam chuyển sang giai đoạn của một lớp mới gồm những Vũ Trọng Phụng, Vũ Bằng, Nguyễn Tuân, Nguyễn Công Hoan v.v... và Tô Hoài nhận là bấy giờ truyện của Vũ Bằng đã lôi cuốn mình và Nam Cao, đã ảnh hưởng rõ rệt đến hai người bạn này. "*Chính chúng tôi cũng vẫn thường vui vẻ tự nhận xét với anh Vũ Bằng như thế*"[2]. Ối, được một nhà văn cùng thời "*vui vẻ tự nhận*" cái ảnh hưởng của mình đã là hân hạnh, huống hồ đến những hai người.

Ấy là cái viết, lại còn cái đọc của Vũ Bằng cũng nhiệt liệt lắm. Ông sục sạo tìm sách mới, những sách Tây phương khó tìm ở Hà Nội. Có cuốn đọc xong, ông cao hứng dúi cho bạn, dặn: "*Ba hôm phải trả nhé*". Ba hôm sau, ông phái người lên tận làng của bạn đòi sách về ngay: sách hiếm mà![2] Ham đọc truyện của người, khoái quá, ông mang cả chữ nghĩa của người vào truyện mình, bị Vũ Ngọc Phan vạch kẽ, ông cười xòa.

Ở ta trước Vũ Bằng chưa có ai vừa viết tiểu thuyết vừa suy nghĩ về bộ môn tiểu thuyết. Họa chăng có nhà học giả là Phạm Quỳnh viết một bài "*Bàn về tiểu thuyết*" trên tạp chí *Nam Phong*. Vũ Bằng là người văn nghệ sáng tác đầu tiên "*Khảo về tiểu thuyết*" (Phạm Văn Tươi, 1955); sau đó Nhất Linh mới có cuốn *Viết và đọc tiểu thuyết* (Đời Nay, 1961).

Say làm báo, say viết truyện là những cái say mê dễ thú nhận. Vũ Bằng không ngần ngại thú nhận đôi ba say mê khác: "*Tôi hút. Tôi uống rượu, tôi chơi đĩ bợm*"[1].

Riêng một chuyện hút của ông, thật đáng nể: "*Thời kỳ này, tôi hút quên chết: buổi sáng, làm việc xong về hút. Hút xong, ăn qua loa một tí xôi hay mẩu bánh mì, tôi lại hút luôn một mạch đến năm giờ, tạt đến nhà báo một chốc, rồi từ bảy giờ lại hút đến hai, ba giờ sáng*"[1] "*Trong óc, trong lòng, trong phổi, trong ruột, trong gan tôi chỉ còn có một cái bàn đèn và mấy thanh sái cắc. Trừ hai ba giờ làm việc ở tòa soạn, tôi hút, tôi lấy đêm làm ngày, lấy ngày làm đêm*"[3].

Cái hút om sòm như thế, cái thôi hút càng om sòm hơn. Cuốn

Cai ba trăm trang của ông lời lời tâm huyết, giữa cuộc chiến tranh khốc liệt đã được tái bản cả trong Nam lẫn ngoài Bắc. Cả nước biết ông Vũ nghiện thuốc, cả nước biết nông nỗi cai thuốc của ông Vũ.

Vẫn chưa hết. Vũ Bằng còn một say mê khác nữa: ăn.

Ăn thì mọi người vẫn ăn - ăn hằng này, đều đều, mỗi ngày nhiều bữa - mà không thể bảo ai nấy đều "say mê". Không phải cái ăn nào cũng là cái say mê. Không những mọi người, mà vạn vật đều ăn thường xuyên: con chim, con cá, con kiến, con voi... đều thế cả. Vạn vật cùng ăn, cùng lặp đi lặp lại một hoạt động sinh lý, chỉ có một số ít người ăn như một say mê, nâng cái ăn lên hàng nghệ thuật.

Cái say mê ăn uống ở Vũ Bằng đã đưa đến ba tác phẩm nghệ thuật: *Miếng ngon Hà Nội* (1957), *Món lạ miền Nam* (1970) và *Thương nhớ mười hai* (1972).

Trong giới văn nghệ sĩ Đông Tây kim cổ, suốt một đời mà dành riêng cho chuyện ăn uống được lấy một tác phẩm đã kể là hiếm người. Viết mà phăng phăng đến những ba cuốn thì phải chịu là quá lắm, là một tay quán quân.

Nhưng đem cái mê sách, mê văn, mê báo chí ra kể lẫn lộn với những mê phiện, mê phở v.v..., thế có phải là hồ đồ chăng? Một bên "tinh thần" một bên "vật chất", sao dám trộn xà ngầu, sao dám đặt ngang hàng ngang chiếu?

Thật ra, như trên đã nói, ăn hút cũng có ba bảy đường ăn hút. Ăn để đáp ứng một nhu cầu sinh lý, ăn lấy no lấy béo mới là cái ăn vật chất; còn ăn lấy thơm lấy tho đâu phải thế? Ăn để sống thì vật chất; còn sống để ăn thì cái ăn nọ e nó thuộc về... tinh thần, về... nghệ thuật không chừng.

Có lần, sau khi bỏ hút, chợt nghĩ đến những trường hợp rủi ro của lắm người bạn đã bỏ được rồi mà tự dưng "*hút lại nhiều khi vì những cớ không đâu. Một con chim kêu chiêm chiếp ở đầu hồi vào một đêm gió lạnh; một ngọn gió heo may đổi chiều báo tin thu đã trở về lúc đêm khuya hay một tiếng hát ru con của cô hàng xóm tả nỗi buồn của người con gái xa chồng tiếc công cha mẹ sinh thành... Những cái không đâu đó cũng có thể làm cho người cai thuốc tự nhiên sầu tủi, chán chường, tìm cách để đi hút lại*"[3]. Thấy không? Đòi hỏi khói thuốc đâu phải luôn luôn là cái mồm cái lưỡi? Hút lại như thế, hút đi cũng thế; hút như thế, ăn cũng thế thôi. Hút với ăn, lắm khi nó cũng là một chuyện tâm tư, tình cảm. Cũng có thể do một tiếng chim kêu

chiêm chiếp ở đầu hồi, một niềm sầu tủi vương vấn trong lòng. Vậy mà không tinh thần sao?

Cho nên say mê là say mê, bất tất phân biệt cao thấp làm chi. Mà một con người sống say mê, sống hết mình, khi làm việc thì say việc, khi hưởng thụ thì say hưởng thụ, một người mà ngũ quan thao thức tinh nhạy, tình cảm lại cực kỳ dào dạt, tâm hồn luôn luôn tha thiết đắm đuối..., một người như Vũ Bằng nói đến cái gì lại không lôi cuốn được người ta?

Nhưng có lẽ Vũ Bằng nói cái ăn là thích nhất.

Thực ra, đó không phải ý kiến "độc đáo" của riêng tôi. Thiên hạ chán vạn người đã nghĩ thế. Mà có lẽ chính Vũ Bằng, trong thâm tâm ông cũng cho là thế. Nếu không, tại sao ông lại viết về cái ăn nhiều vậy? lại dành cho nó đến những ba cuốn sách? Viết qua chưa hả, ông còn viết lại, mà viết ra lần nào thiên hạ cũng xuýt xoa. Không những người viết "đã", mà người đọc cũng thấy "đã" quá chừng. Viết nhiều cuốn về cái ăn, mà mỗi cuốn đều viết một cách đặc biệt, đặc biệt kỹ lưỡng, đặc biệt trìu mến. *Miếng ngon Hà Nội* bắt đầu từ mùa thu năm 1952, rồi sửa chữa, rồi viết thêm cho đến 1957 mới cho in, xong lại sửa thêm cho đến 1959. Tất cả bảy năm trời! Đến như cuốn *Thương nhớ mười hai* thì còn hơn thế nữa: bắt đầu từ đầu năm 1960, vào tháng giêng, mà mãi tới 1971 mới xong. Mười hai năm.

Thấy Vũ Bằng làm báo, hằng ngày viết phăng phăng đủ mọi thứ, viết thượng vàng hạ cám, viết như mưa sa gió táp, Tô Hoài đã lo cái viết ấy "*hủy hoại khả năng và khát vọng*" của ông Vũ. Đâu có! Viết cũng tùy cái mà viết chứ. Viết về cái ăn có phải đâu như viết mọi thứ khác trên đời! Lo thế là không hiểu lòng nhau. Quà Hà Nội ngon, ai chả biết. Thạch Lam đã khen rồi. Tản Đà đã thưởng thức kỹ để làm gương từ lâu rồi. Nguyễn Tuân đã tán tụng dông dài rồi. Thế mà đến lượt Vũ Bằng, không ai thấy ông đến muộn chút nào. Ông cứ xuất hiện như một Kha-luân-bố, tung ra toàn khám phá mới lạ. Khi nói về cái ăn, Vũ Bằng vượt người, và vượt cả chính ông. Cái ông nói sau càng hay hơn cái ông nói trước.

Còn nhớ khi cuốn *Miếng ngon Hà Nội* ra đời, ông Hy Hoàng (tức thi sĩ Hà Thượng Nhân) đã kêu: "*Vũ Bằng viết văn gần ba mươi năm, xuất bản trên dưới hai mươi cuốn sách, nhưng quả tình chưa tác*

phẩm nào làm tôi rung động bằng Miếng ngon Hà Nội" (Nhật báo *Tự Do*, số 289, ngày 23-12-57).

Thi sĩ có cao hứng mà quá lời chăng? - Không đâu. Cũng trong dịp ấy, một tác giả khác, liên tiếp hai lần trong bài viết, xác nhận rằng mình đọc *Miếng ngon Hà Nội* mà rung cảm đến muốn khóc. (*Nắng Sớm* số 27, ra ngày 28-10-57).

Rồi đến *Thương nhớ mười hai*. Tô Hoài bảo đã đọc những bài thương nhớ ấy từ lúc còn đăng từng kỳ trên các báo Sài Gòn, và: "*Từng câu tha thiết đã làm cho đến người đương ở giữa Hà Nội cũng phải yêu lây*"[(2)]. Nói về Hà Nội mà rung động lòng người xa Hà Nội thì cũng dễ hiểu; chí như mình ở tận Sài Gòn nói về Hà Nội mà đến nỗi rung động ngay cả người đang sống chình ình giữa lòng Hà Nội, bắt người ta phải bám riết theo từng kỳ báo, thì có phải là kỳ lạ không chứ?

Đọc *Miếng ngon Hà Nội* mà muốn khóc? Khóc vì miếng ngon chăng? Ở đời có ai ngồi trước bữa tiệc ngon quá mà đến khóc? trông thấy những món ăn quý quá mà phát khóc? đọc sách gia chánh hay quá mà phát khóc? Vậy Vũ Bằng đã làm gì về *Miếng ngon Hà Nội*, ông lén lút bỏ thuốc phiện vào đó chăng?

Không có thế. Thực ra "miếng ngon" là một cái cớ. Chính yếu là "Hà Nội". Cũng như trong *Thương nhớ mười hai*, cái chính yếu là "thương nhớ". Tràn ngập hai tác phẩm ấy là một tình hoài niệm về quê hương, là một nỗi nhớ quê quay quắt. Vũ Bằng suy nghĩ về lòng mình: "*Lòng người xa nhà y như thể là khúc gỗ bị mối ăn, mục nát từ lúc nào không biết. Trông bề ngoài thì không có gì khác lạ, nhưng cầm một cánh hoa khẽ đập vào thử mà xem: tiếng gỗ kêu nghe mệt mỏi, u buồn, mà nếu gõ mạnh thêm một chút nữa, ta sẽ thấy gỗ vỡ tan, để lộ ra những tảng mục lỗ chỗ như tổ ong, tiết ra một thứ bụi vàng hanh hao, nhạt nhẽo*".[(4)]

Lòng người-xa-nhà họ Vũ đã thế thì cái gì mà không khơi dậy xúc động, không gây sóng gió, hà tất phải đến món ngon? Cứ xem cái lần nọ ông ngồi tiệm ở Tân Thuận thì biết: "*đang ngồi trong một tiệm ăn hẻo lánh ở trên sông Tân Thuận, trận mưa đầu mùa trút nước xuống phố phường. Những người Bắc Việt ngồi ở những quán ăn gần đó nhìn mưa mà thấy thẫn thờ, mà thấy bơ vơ, tưởng chừng như không thể chịu đựng nổi bầu không khí nặng nề lúc đó, bèn kiếm một câu gì để nói.*

Một người bảo:

"Ở Bắc, có lẽ bây giờ cũng mưa đầu hè đấy nhỉ".

Một người khác:

"Thế nhưng mưa ở Bắc, nó khác kia, bà ạ".

Một người khác nữa:

"Cái gì cũng khác hết. Thôi, đừng nói nữa, tôi muốn khóc đây"[4].

Đó, thấy chưa? Vào quán, mới nhìn mưa đã khóc. Huống hồ khi ngồi vào bàn xơi được món ngon, hay khi da diết nhớ tới món ngon.

Cảnh tượng một ông Vũ sụt sùi như thế có thể làm cho lắm bà con lưu vong ngày nay mỉm cười: "Người nước Việt ngồi ở nước Việt mà nhớ nước Việt! Gớm, sao yếu vậy? Mới từ Bắc vào Nam mấy năm, một đất nước cả, làm gì mà nhớ lắm thế?"

Phải, chúng ta thuộc một thế hệ lưu vong bi đát, chúng ta đã vượt đại dương trong hoàn cảnh hãn hữu, chúng ta đã gửi hàng sáu trăm nghìn hài cốt thân nhân xuống lòng biển Thái Bình, chúng ta có quyền nhún vai, bĩu môi trước sự sụt sùi của người lữ thứ ngồi ở quán ăn bên Sài Gòn.

Nhưng cổ lai vẫn có cái oái oăm: những văn thơ nổi tiếng từ nghìn xưa đề cập tới niềm thương nhớ quê hương hầu hết đều được sáng tác ngay trên quê hương cả đấy. Nào "*hương quan hà xứ thị*", nào "*Ba sơn dạ vũ*", nào "*chị có một em em một chị; trời làm xa cách mấy non sông*", nào "*thu dạ lữ hoài*" vân vân và vân vân... đều là những kẻ lữ thứ trên đất mẹ cả. Gặp lúc vé máy bay bán "xeo", chỉ móc ví chi ra một đôi trăm bạc, ngồi một vài giờ trên phi cơ, thế là tới quê, thế là tha hồ ríu rít với gia đình, tha hồ ôm bạn bè vỗ lưng bồm bộp, đấu hót tưng bừng.

Thế mà chưa về được thì vẫn ai oán, thê thiết không chịu được. Cho nên gần xa không thành vấn đề; tấm lòng là vấn đề.

Ở Vũ Bằng, món ngon là phương diện của cuộc sống quê hương. Cũng như gió thổi chim kêu ngoài vườn, mây bay sếu bay ngang trời..., là một phương diện khác. Cũng như những đêm trăng tháng giêng "*hai đứa*" dắt nhau trên đường Giảng Võ đi xem chèo, như một đêm đầu tháng hai "*hai đứa*" ăn chung một quả vú sữa rồi đánh tam cúc cho tới nửa đêm về sáng, như lúc hai vợ chồng mới gặp nhau, mới yêu nhau, cùng ngồi trên một bãi cỏ ven hồ Bảy Mẫu thả chân xuống nước và cùng ngây ngất vì hương gió ngát mùi sen thơm

dội về ban đêm v.v... lại là một phương diện khác nữa. Tất cả những cái đó quấn quít lấy nhau. Cái hạnh phúc của đêm thả chân xuống nước, cái hay ho của tuồng chèo, cái đẹp của đất trời cây cỏ chim muông, cùng với cái ngon của miếng trầu ngày xuân ăn với cau "*tiên đầm*", của những trái vải ăn trong vườn cây ở Vụ Bản trong không khí buổi mai trong văn vắt... cái này gợi lại cái kia, cái kia nhắc đến cái nọ, chúng cùng bổ túc cho nhau, cùng tôn nhau lên.

Vũ Bằng cảm nhận rất tinh tường từng thay đổi của thời tiết, từng nét đẹp của mỗi mùa; trong *Thương nhớ mười hai* có nhiều trang thật đẹp về cảnh vật và thời tiết. Và đối với một người đã thấu đáo nó thì cái đẹp của trời đất nắng mưa không phải chỉ dàn ra để ta trơ mắt ngắm nghía một cách vô vị. Vũ Bằng hiểu ngay một buổi trưa tháng tám rõ ràng như thế nó đòi hỏi gì, một đêm trăng tháng ba mát mẻ thế kia nó muốn ta làm gì. Tất nhiên ông đáp ứng kịp thời. Hoặc ăn uống, hoặc rong chơi, hoặc tình tự tỉ tê v.v..., đó đều là những phương cách đáp ứng thích hợp của con người đối với tiếng gọi kêu mơ hồ phát ra từ hội sống quanh mình, đáp ứng thích hợp tùy thời tùy cảnh. Người biết sống nên thế. Hãy xem một thí dụ: "*Những ngày như thế, trời vào buổi trưa sáng mờ mờ như lọc qua một dải lượt nõn nường. Có người thấy trời đẹp nõn nường như thế cảm thấy rạo rực không ngủ được. Tôi nhớ có nhiều khi giữa buổi trưa, có những anh bạn gõ cửa vào ngồi đòi uống rượu "nhắm với bất cứ cái gì cũng được". Gió đập vào lá cây hoàng lan trồng ở giữa sân kêu rào rào. Một vài cánh hoa tím ở trên giàn hoa rơi vào cái chén rượu: anh em uống cả hoa và cứ như thế uống cho đến xế chiều rồi tất cả dắt nhau đi - lang thang bất cứ đâu, vì tuy rằng không ai nói ra lời, nhưng ai cũng cảm thấy trong sâu thẳm cõi lòng rằng gặp những ngày trời đất thế này mà không đi ra ngoài thì uổng quá. Đi quanh hồ Gươm nhìn lên cây gạo ở Ngõ Hồ nghe những con sếu báo tin rét sắp về; đi lên Ngọc Hà ở đằng sau Bách thú xem hoa và tán tỉnh chuyện tầm phào với mấy cô nàng trắng ngà trong ngọc; đi ra Nghi Tàm mua mấy cây thế rồi rẽ ra ngõ Quảng Lạc tìm nhà một ông bạn già để ngắm lại cái tượng "Mạnh Mẫu gánh sách cho con đi học"... Đi như thế trong một bầu không khí vừa vừa lạnh, hiu hiu gió, biêng biếc sầu, kể đã là thú đấy; nhưng chưa thấm với cái thú của người đàn ông được vợ chiều, vào buổi tà huân dắt tay vợ đi chơi ở ngoại ô nhìn trăng dãi trên ruộng lúa và nghe tiếng hát trống quân theo gió vàng heo hút ở làng bên kia sông vọng lại*".

Đã tinh tế đối với từng chuyển biến của vạn vật, từng "*chuyển mình của sông hồ đồi núi*" (theo cách nói của ông), Vũ Bằng lại tinh đối với cái ngon trong từng miếng ăn. Lắm khi ở những miếng ăn rất tầm thường, quả nhót chẳng hạn: "*Có một vài lúc, tôi muốn kêu trời lên một tiếng để xem Trời có cách gì cho tôi được ăn một quả nhót, và chỉ một quả thôi, để cho đỡ thèm thuồng, nhớ tiếc (...) tiếc nhớ cả một thuở thiếu thời xanh mướt mộng thần tiên, đi học về, mua nhót đầy hai túi áo, lấy ra từng quả, xoa vào cái tay áo "ma-ga" cho hết bụi phấn rồi bóp cho mềm, chấm muối ớt, mút sì sà sì sụp. Đó là nhót chín. Nhót xanh thì lại nhớ cách khác, nhớ là cứ vào cái khoảng cuối tháng tư, đầu tháng năm, vợ mua nhót xanh về nấu canh ăn sướng quá, sướng không biết thế nào mà nói. Cái trái cây gì gớm ghiếc: trông như quả trám màu bạc ố, bóp hơi mềm mà đem nấu canh thì không thể có cái gì ăn với thịt thăn hơn (...). Ăn như thế mới là hợp với... lẽ Trời, sai đi thì hỏng kiểu*".[4]

Khi nói đến cái ngon, ông kêu trời kêu đất, ông lại có những tiếng những chữ thật hay ho, độc đáo: *nhần nhần, nhận nhận...* Chẳng hạn về chuyện ăn cà cuống thịt: "*Bỏ cánh đi rồi, anh nhần nhần sáu cái chân nó, lấy cái đầu, xé ra nhấm nhót cái ức trước, rồi cái đuôi sau, anh sẽ thấy nó có một vị ngon khác hẳn các món ăn ngon nào khác: nó nhần nhận, bùi bùi, beo béo mà lại thanh thanh, một người tục có thể ăn cả trăm con không biết ngán*".[4]

Từ những con cà cuống với những trái nhót, từ những buổi trưa trời sáng mờ mờ đẹp đến rạo rực con người... Chúng ta bắt gặp cái gắn bó nồng nàn của Vũ Bằng với cuộc sống miền Bắc; lại từ đấy nghĩ đến cái gắn bó của một số tâm hồn đối với cuộc sống nói chung.

Có thế. Cái lòng da diết của một người địa phương nhớ về một địa phương, cái đó bất quá chỉ làm xúc cảm những người khác cùng địa phương mà thôi; đằng này, lòng da diết địa phương ấy đánh động đến một cái gì rộng lớn hơn. Người Bắc tiếc nhớ cảnh Bắc thèm thuồng món Bắc, thì người Nam cũng thương cảnh Nam thèm món Nam chứ... Da diết địa phương ấy khơi động đến nỗi niềm con người nhớ cả đất trời, nhớ một ngọn dây leo quất quơ trong gió, một tiếng cười hàng xóm giữa đêm khuya, nhớ tiếng gió khua lá, nhớ ánh nắng nhấp nháy trên mặt sông, bóng tre mát một khoảng đường làng v.v... Nỗi niềm mật thiết giữa con người với cuộc sống.

Cho nên hãy quên đi khía cạnh địa phương: *Miếng ngon Hà Nội* cũng có thể hiểu là Miếng ngon trần gian.

Không nhất thiết phải là người Hà Nội hay người miền Bắc mới thưởng thức Vũ Bằng.

Vũ Bằng nói "*nhận nhận nhần nhần*", đó không phải là vì ông nhiều chữ nghĩa mà tung loạn ra như thế. Ông nói đến mưa tháng giêng nó "*riêu riêu*"; ông nói đến cái đêm tháng hai có mưa phùn "*gió thổi se se trên lộc đào, nhánh mai*", "*ngồi trong nhà mà nghe thấy từng cái lá rụng ngoài vườn*"; ông nói về những đêm mưa tháng bảy, "*mưa suờn sượt nghe thấy tiếng van xin của những người ăn mày ở đằng xa vọng tới, hay tiếng guốc lê sền sệt trên đường khuya (...) mình tự nhiên thấy chán chường cho kiếp sống*"; ông nói chuyện tháng chín "*tiếc những buổi chiều mưa rơi hai đứa dắt nhau đi trên những con đường vắng ẩm ướt có hoa sấu rụng thơm lên trong không khí một mùi hương dìu dịu, man mát mà lại chua chua*"[(4)] v.v... đó cũng không phải là vì ông mỏng tai nghe xa, ông thính mũi ngửi giỏi, ông thừa thì giờ để nghe kỹ nhớ kỹ, mà khéo ghi lại cho nên nó đậm đà phong phú như thế.

Ở đời, khó lòng có những cái ngộ nghĩnh như cái khiếu tả cảnh, cái khiếu tả mùa (!), hay cái khiếu tả người v.v... E không có từng cái khiếu như thế, cũng e không có phương pháp huấn luyện những kỹ thuật như thế. Khó tin vào chuyện tài năng của những người có khiếu mồm, vẽ có hoa tay. Chuyện viết chuyện vẽ không chỉ là chuyện riêng của bàn tay, của các giác quan cần tập luyện kỹ bằng dăm mười phương pháp.

Xưa nay tháng tháng vẫn có trăng tròn, bất cứ ở xứ nào cũng nhìn ra trăng, bất cứ hạng người nào cũng được phép trông trăng; nhưng mấy ai bắt gặp những đêm trăng như đêm trăng của Hàn Mặc Tử (*Chơi giữa mùa trăng*) hay của Yến Lan (*Bến My Lăng*). Xưa nay đã hẳn chúng ta ai nấy đều được phép tự do trông người, ngắm người, tự do dòm ngó đồng loại. Nhưng khi kể chuyện về người, trong sách Lỗ Tấn có những con người như A Q., như ông lão Khổng Ất Dĩ, như mụ Tường Lâm, như thằng Nhuận Thổ v.v..., trong *Tam quốc chí* có những kẻ như Tào Tháo, Trương Phi..., từ hình dạng cốt cách cho tới lời ăn tiếng nói cứ nổi rõ mồn một, người đọc sách bỏ sách đã lâu vẫn bị những nhân vật nọ bám lấy trí óc. Còn chúng ta? Ối, chúng ta, có khi trong một đời cầm bút mỗi người dám tung ra

đến hàng trăm hàng nghìn nhân vật, hàng đại đội tiểu đoàn nhân vật rầm rập, dám dựng lên đến hàng muôn hàng vạn buổi sáng và buổi chiều, đêm trăng và ngày mưa ngày nắng; nhưng tháng ngày vụt đến vụt đi như bóng câu qua cửa sổ chẳng người đọc nào kịp chú ý, nhân vật thì nườm nượp xôn xao, những nhân vật nhạt nhẽo rông khắp các tác phẩm, múa may nói năng vô vị, những nhân vật không biệt sắc, thậm chí gần như không nhân không dạng. Hoặc giả nếu có được một nhân dạng thì lại là cái nhân dạng của... chính tác giả. Tác giả lùn thì nhân vật lùn (và dễ thương), tác giả lòng nhòng thì nhân vật dong dỏng cao (và đáng yêu muốn chết), tác giả béo thì nhân vật đẫy đà (và hấp dẫn quá trời), tác giả làm nghề cầm bút thì nhân vật cứ phun ra tưng bừng chuyện sáng tác suy tư này nọ, tác giả có tập tễnh cầm cọ thì nhân vật cứ xổ liên miên nhắng nhít những chuyện màu sắc đường nét, những Matisse với Picasso v.v... Tức loại nhân vật sản phẩm của những kẻ hoặc không yêu ai hoặc chỉ thiết tha yêu mình.

Phải yêu cảnh, bị cảnh thu hút, mới nhận ra cái biệt sắc của cảnh; phải cực lực yêu người, bị người thu hút mới cảm nhận ra biệt sắc từng người mà tạo ra nhân vật sống động. Ấy là chuyện của tâm hồn, không phải chuyện của giác quan, của phương pháp.

Tả người như thế tả cảnh như thế, thì tả món ăn cũng thế thôi. Không phương pháp ngắm người phương pháp nhìn cảnh, thì cũng không nên mơ tưởng đến cái phương pháp thấu triệt món ngon. Một món ngon cho vào mồm, một hớp trà hớp rượu trút vào cuống họng, nó cũng có nét đặc điểm của nó, có cái biệt vị, cái cá tính của nó. Phải yêu nó mới hiểu được nó, phải hiểu nó mới nói được về nó một cách hay ho thấu đáo.

Hoặc có kẻ không sẵn lòng tin, lấy làm thắc mắc: "Hiểu một cơn mưa trận gió, một miếng ăn ngụm nước, cũng oan khiên đến thế sao? phải yêu mới được à?" Quả có thế. Một cái "*nhần nhần, nhận nhận*" nào đó, muốn thấu đạt ý nghĩa; một giọt mưa trên lá, muốn nhận ra cái thần của nó, không thể đè nó ra tra khảo một cách có phương pháp mà được.

Một người đẹp chỉ mở lòng và mở người, chỉ trao lòng và trao thân cho kẻ thực bụng yêu mình. Có như thế mới là thực sự hiến dâng. Còn như chưa yêu (một người, một cảnh, một món ăn món uống nào) mà cứ nằng nặc đòi căng ra, dùng phương pháp để hạch

hỏi tra khảo, thấu đạt tận cái hồn, cái tinh túy, cái chỗ thâm thiết nhất! Sao được?

Người nào, người hèn mọn đến bậc nào - như thằng Nhuận Thổ, như mụ Tường Lâm - cũng có cá tính riêng của người ấy. Mùa nào, tháng nào cũng có cái cá tính của mùa ấy tháng ấy. Trận mưa ngắn mưa dài mưa lớn mưa nhỏ nào cũng có cái đặc thù riêng biệt của nó. Mình không gần gũi, không tha thiết, không "yêu", thì trông ra người nào nắng mưa nào cũng cứ "xêm xêm", cũng đại khái như nhau cả. Mà một khi đã thích đã yêu, đã gần gũi thiết tha thì tha hồ "hiểu" cái nét ngộ nghĩnh riêng, cái tâm sự riêng của từng cảnh từng mùa từng tháng, từng miếng ăn miếng uống. Lúc bấy giờ tha hồ tả, tha hồ viết, ý ý lời lời tha hồ độc đáo.

Bởi vậy cho nên thấy cái cách ông Vũ Bằng nói về cái nọ cái kia, từ cái thật lớn đến cái thật nhỏ, từ bầu trời đến ngọn rau, mà ta mê ở chỗ cái tình của ông đối với cuộc sống nó nồng nàn quá. Đối với mọi dạng thức biểu hiện của cuộc sống đều nồng nàn.

Hãy để cái "mê" ấy, cái cảm tình ấy đánh bạt mối bất bình về đôi chỗ không vừa ý.

Phải nói ngay rằng đã nhiều lần tôi suýt bất bình với ông Vũ. Nhiều lần, ông không ngại ngùng chê bai hoa quả miền Nam, món ăn món uống miền Nam, ông chê luôn... cả cái nắng cái mưa ở miền Nam; tóm lại là ông chê cái bầu trời miền Nam đã che trên đầu ông mấy chục năm trường! Thái độ ông, chịu được không? Tôi là người miền Nam, ông làm mích lòng tôi quá chừng.

Vậy mà rốt cuộc tôi cũng bỏ qua. Nghĩ đi nghĩ lại trường hợp của ông Vũ chẳng qua cũng như trường hợp ông Khó Tính của Nguyễn Bá Trạc khi tuột giày gãi nách vừa ngáp vừa kêu: "*Nước mưa ở Mỹ, uống vào đắng cả mồm!*" (Ngọn Cỏ Bồng).

Ông Khó Tính nhận định như thế là hỏng kiểu, nhưng nếu có người Mỹ nào nghe được mà cự nự thì chắc chắn bị tôi chê ngay: Hẹp hòi lắm. Có những lúc không nên xét lý mà hạch tội, chỉ nên lấy lòng mà cảm thông, mà thương hại người ta thôi. Kẻ Bắc người Nam, kẻ trắng người vàng, khi gặp vận rủi ro, bị đày vào hoàn cảnh tha hương vất vưởng, sinh ra tâm lý lệch lạc, nên thương họ.

Vả lại trời đất là của chung, có được cái nhìn rộng rãi toàn diện là nhất. Nếu không, ai đó chỉ bắt được cái đẹp của một mảnh trời một khoảnh đất nhỏ thì hãy tha hồ ôm lấy mảnh hạnh phúc ấy mà

yêu, mà ca ngợi. Cuộc sống là của chung, đấng triết nhân có nhãn quan bao quát đành là nhất. Nhưng ai đó hèn mọn, chỉ bắt gặp được một vài khía cạnh hay ho rất phiến diện, cũng hãy để cho họ mạnh dạn reo vui hả hê về sự phát giác của mình.

Ông Vũ, phiền một nỗi, không phải là ông chỉ làm mích lòng người riêng về một chuyện nặng tính địa phương, lại còn cái thiên kiến chính trị của ông nữa. Phải nói rằng ông lờ mờ lầm lỗi quá lắm. Ông mù mờ về cái lẽ phải trái của cuộc chiến quốc cộng. Ông lo cho quả bom rơi xuống đầu Bắc quân xâm lược mà ông quên khuấy mất những đạn súng cối nã vào đô thành Sài Gòn, những hầm chôn người ở Huế v.v... Đại khái thế. Phải chịu rằng ông thật tệ.

Nhưng thôi, chuyện đã qua rồi. Ở miền Nam lúc bấy giờ không hiếm kẻ bị gạt gẫm, lầm lạc. Và chính ông Vũ, chắc chính ông, sau tháng 4-75, ông đã có đủ thì giờ để suy ngẫm hối tiếc về thái độ của mình trước 75. Hãy tưởng tượng cái tâm trạng của ông trong thời gian ông ngồi cặm cụi viết những trang "*Cái tai rách của thằng cùi phương Bắc*" để gửi ra hải ngoại đăng báo!

Kể ra nếu muốn giận ông Vũ thì còn lắm cái cớ để giận. Trong đó phải kể đến giọng văn của ông.

Vũ Bằng có văn phong riêng. Lời văn có khi khinh bạc mỉa mai, có khi bóng bẩy kiêu kỳ, có khi lại giản dị thân mật. Có chỗ ông thậm xưng, ngoa ngữ; có chỗ ông vắn tắt, cụt lủn. Ông đùa nghịch đấy, ông thê thiết ngay đấy. Ông hư đấy, ông thực đấy. Có lúc hoặc ông bảo người này dại thì không phải thực ông muốn chê dại. Lại có khi hoặc ông nổi lên khen món ngon nọ cả thế giới không bì được thì trong bụng ông lại không hề thực sự có cái ý suy tôn lên cao đến thế. Lần này ông kêu ăn nhãn thì "*sướng không gì bằng*"; lần khác ông lại bảo nhấm nháp một vài chén rượu với chả nhái thì "*rung đùi tưởng chừng như có thể gãy cả thang giường vì ngon quá thể là ngon, ngon có thể chết ngay đi được*" v.v... những ai muốn có một bảng xếp hạng nghiêm chỉnh sẽ cuống cả tay, không biết đường nào mà mò, mà so sánh!

Trong lối văn của ông như thế, cái sai quấy nhỏ bị phóng ra to, một chút thiên kiến chủ quan có thể bị giọng khinh bạc làm cho đáng ghét.

Tội nghiệp, ông là nạn nhân của chính ngay cái duyên dáng tài hoa của ông. Lại đáng thương nữa.

Nhưng đó là do ông. Còn chỗ này, tôi cứ ngại là có người sẽ trách là do tôi: Vũ Bằng đã viết nhiều, từng viết về bao nhiêu là đề tài, tại sao lại cứ xoắn vào chuyện ăn uống? Như thế có phải muốn mượn cớ khen ngợi để trói buộc ông dính liền vào miếng ăn, là miếng tồi tàn? Để cho ông mang tiếng là nghệ sĩ chuyên về... ăn?

Chỗ ấy tôi phải biện bạch.

Tôi nhận rằng giá ai có ác ý trói thi sĩ Lamartine vào với món bíp-tếch, thi sĩ Verlaine vào với miếng phó-mát "*Bò cái cười*", thì những đấng anh tài nọ sẽ phải dẫy nẩy lên, kêu trời như bộng; có ai đó vu cáo rằng hoặc triết gia Descartes, hoặc triết gia Bergson là tác giả ẩn danh của một cuốn sách dạy nấu ăn nào đó thì nhất định các bậc hiền triết ấy phải sống mái tử chiến với kẻ gian manh đã hạ nhục mình cách thâm độc. Nhưng đó là chuyện Tây phương.

Ở Á châu không có thế. Ở Á châu, các bậc hiền nhân quân tử tao nhân mặc khách không kiêng kỵ sự ăn uống. Ối, chẳng những không kiêng kỵ, họ còn xán đến các miếng ngon với tất cả sự hăm hở cao cả. Lý Lạp Ông mà nói đến chuyện ăn cua thì nói say sưa. Ngài nói đến những nỗi bồn chồn trong dạ ngay từ tháng sáu; bấy giờ ngài thú thật đã tơ tưởng đến ăn cua, đã nhịn tiêu dành dụm tiền nong như thế nào, đã viết thư đến bạn bè tri kỷ bàn tính chu đáo như thế nào (ai có phận sự mua vịt muối Nam Kinh thứ thượng hảo hạng đem về yểm trợ, ai có sứ mệnh mang thứ dấm Tân Cương đặc biệt về đóng góp, ai có nhiệm vụ mang mấy bình rượu từ đâu về trợ hứng v.v..., ngài cũng đã đề cập đến những vấn đề quan trọng như chọn nơi cảnh trí xứng đáng với việc ăn cua, chọn thời điểm thích hợp với việc ăn cua, tức đêm trăng tròn giữa mùa thu, nghĩa là ít ra phải hai tháng sau). Cứ đọc những văn chương ấy, có thể tưởng tượng khi Lý Lạp Ông vung tay phóng bút viết, ngài đang nhỏ giãi ròng ròng vì cua.

Mặc chứ! Ai muốn tưởng tượng thế nào mặc. Ngài đâu thèm bận tâm? Lý Lạp Ông đang bận tâm đến cái khác bận viết về cách nấu các món chay và món mặn cực ngon v.v... Trong khi ấy một thi sĩ và học giả đại danh khác của Trung Hoa là Viên Mai thì viết hẳn cả một cuốn sách dạy nấu nướng, và những thiên tiểu luận tuyệt vời về món ngon. Trong khi ấy một văn hào lừng danh kim cổ là Tô Đông Pha thì đem chính cái tên của mình ban cho một món ăn bằng thịt heo, một văn nhân khác ban tên cho một món đậu v.v... (Món heo

Tô Đông Pha là món nấu như thế nào, tôi tò mò quá, ấm ức quá, nguyền có ngày phải tìm thử xem sao).

Đó, danh nhân của một dân tộc Á Đông có một trong mấy nền văn minh lâu dài nhất lịch sử nhân loại họ là như thế.

Có ai nghe nói đã bao giờ có người Tàu nào đòi leo tới tận đỉnh núi Hy-mã-lạp-sơn không? Có người Tàu nào đóng thuyền vượt bể đi tìm tân thế giới không? Người Tàu không có những nỗ lực như thế: Hy-mã-lạp-sơn bên cạnh nước họ, mà họ không bao giờ nảy ra cái ý leo thử, cái ý ngông cuồng chỉ làm họ bật cười thôi. Nỗ lực thám hiểm, họ không từng. Họ chỉ từng có cái nỗ lực ăn cua. Và cứ thế họ lặng lẽ duy trì một nền văn minh dài lâu bền vững nhất, trong tinh thần nhân bản hết sức thực tiễn. Lâm Ngữ Đường lấy làm hãnh diện về truyền thống dân tộc mình. Bên cạnh một dân tộc như vậy, nhiều văn nghệ sĩ của ta trước đây không nề hà viết về ăn uống, tại sao Vũ Bằng lại áy náy? Và tại sao chúng ta áy náy? Cho nên mở sách của ông Vũ ra, gặp chỗ nào thích ý thiết tưởng cứ nên vừa đọc vừa cười toe, không chút mặc cảm nào. Bất luận chỗ ấy nói về chuyện gì.

Võ Phiến
02-1992
(Trích Ký, Bút, Kịch Miền Nam, tập I)

Chú Thích:

(1) Bốn mươi năm nói láo, Sống Mới tái bản ở Hoa Kỳ, trang 218.

(2) Tạp chí Văn Học, Hà Nội, số 1-1991

(3) Cai (Từ lần tái bản năm 1968 được đổi tên là Phù dung ơi, vĩnh biệt)

(4) Thương nhớ mười hai. Cánh hoa đập vỡ gỗ? Ông Vũ, ông ngon trớn quá đấy nhé!
(các chú thích trên đây là của VP)

HOÀNG XUÂN SƠN

bài cộng hưởng

Đã nghe rồi âm hưởng
Thơ chàng truyện ngắn em
Sáng trên trời, mưa thấp
Cuốn đi những bực thềm.

Sấm sét trong vườn khuya
Chim gù nghe lạc lõng
Còi xe rúc qua xóm
Cỏ hoa động lòng từ.

Dải đất buồn sân đứng
Nhìn nhau thuở vịt gà
Nghe rồi nghe cộng hưởng
Mộng mị người, giấc ta.

ngợi ca nàng

Nàng ở trên am miếu vô thường
Áo lục xiêm hồng ngát ngát nương
Nàng ở trên cây bòng cây khế
Nàng. Bông thùy hạnh của nghìn phương.

Nàng ở đâu ta chưa hề gặp
Mà trăng sáng quá buổi sinh từ
Đàn xanh biển thúy trầm châu ngọc
Tuồng chữ bay rời trên ý hư.

HOÀNG XUÂN SƠN

NGỰ THUYẾT

tình quê

Chúng tôi đến thăm chùa Tây Lai thuộc quận Cam miền Nam Cali, đi cùng có mấy người bạn từ Canada qua thăm.

Buổi sáng hôm đó cuối mùa đông, mỗi ngày đã có vài ba cơn nắng, chợt đến chợt đi, và trời còn lành lạnh. Ngôi chùa tòa ngang dãy dọc, đường bệ, lộng lẫy, chiếm hẳn một khu núi đồi rộng lớn.

Hoàn trầm trồ: "Đẹp quá, mấy anh ơi". Nhữ tiếp lời: "Em lại khen phò mã tốt áo. Chùa này nghe nói đẹp nhất nước Mỹ mà". Mọi người hăm hở chụp mấy tấm hình, bước vội lên chánh điện khấn khấn vái vái, vòng nhanh ra nhà ngang ngắm các bức tượng chạm trổ tinh vi. Rồi nhìn nhau... đòi về. Đấng Từ bi ở nơi này dường như không chịu cầm chân chúng tôi lại. Sự ràng buộc ở nơi này còn lỏng lẻo quá, vì chúng tôi cảm thấy thiếu cái gì đây. Thật ra thiếu nhiều thứ lắm.

*

Tôi hình dung con suối lòng cát trắng nước trong xanh cho tôi nhìn thấy tận đáy tảng đá tròn trịa to bằng cái nia sảy lúa để tôi xắn ống quần đứng lên đó lắng nghe bầy cá nhỏ lăn tăn rỉa vào kẽ ngón chân, nhắc tôi đừng có nhìn theo cô nàng Phật tử áo dài yểu điệu màu khói hương đang nhón gót đỏ như son hái trộm của chùa mấy bông hoa bưởi trắng muốt còn ngậm sương mai. Và bắc ngang dòng suối là chiếc cầu nhỏ ván gập ghềnh, chân cầu rêu phong mọc dài thành từng chòm màu xanh phất phơ theo dòng nước chảy mãi, trên cầu có vị sư già đứng quên thời gian, đón mưa nắng qua nhiều hơn người vãn cảnh.

Giá mà những thứ đó được mang qua đây hẳn đã cầm chân chúng tôi lại? Không, không phải chỉ có thế. Chúng tôi còn muốn thấy những cánh đồng thay đổi màu quanh năm, hoặc có khi nằm khô cằn dưới nắng hè thiêu đốt, hoặc ngập nước mênh mông cuối

mỗi mùa thu; những cồn mồ tấp nập người đi tảo mộ tiết thanh minh của những thời thanh bình ngắn ngủi, hoặc hoang vắng như bãi chiến trường sau cơn binh lửa; những lũy tre ríu rít chim ca hay xác xơ quần quại; những cây cau, cây dừa cao vút lấp loáng nắng ấm ban mai, ướt đẫm trăng rằm nửa khuya, hoặc đứng thành hàng dài ma quái như đoàn tử tội cụt đầu vì tấm thân lỗ chỗ vết đạn đen sì không còn đủ sức giữ lại một tàu lá hay ngọn cây của mình.

Và còn gì nữa? Còn giọng nói, tiếng cười, tiếng khóc, còn chiếc nón lá tròng trành, còn những giọt mồ hôi thấm ướt thân áo lụa mỏng, còn tiếng chày giã vào cối muối mè, còn mùi đậu rán... nghĩa là còn thiếu nhiều thứ quá, thiếu cả một quê hương. Vậy thì làm sao chúng tôi có thể ở lại chùa từ sáng cho đến chiều như ngày xưa, có khi còn muốn ở lại qua đêm.

Mà quê hương là gì? Tình quê là gì?

Có người yêu nhau, nhớ nhau, bảo quê hương là những cơn mưa, cơn nắng:

Nắng có về cho tôi hỏi thăm...
Mưa có về cho tôi nhắn thêm...

Những người quyến luyến xóm làng, thôn ổ nhìn quê hương qua chùm khế ngọt, qua những con đò dọc, đò ngang, hoặc mơ những buổi trưa có tiếng chim cu gáy bồi hồi, có bướm vàng rập rờn trong kỷ niệm, như Huy Cận chẳng hạn:

Một buổi trưa không biết ở thời nào
Như buổi trưa nhè nhẹ trong ca dao
Có cu gáy, có bướm vàng nữa chứ...

Nhưng đâu phải chỉ có thế, đâu phải chỉ tìm thấy quê hương nơi thôn xóm mà thôi. Quê hương còn hiện lên trên mỗi góc phố, mỗi lối đi, trong bầu không khí đang ấp ủ người yêu, trong ngôi nhà bên kia vườn hoa mà nhà thơ chúng ta thường tìm đến và hẳn là thường được tiếp đón bằng nụ cười có chất nam châm, bằng đôi mắt có men rượu. Thế mà rút cục người thơ phải ra đi một mình khi đất nước bị chia cắt. Những vần thơ thương nhớ của Thanh Tâm Tuyền thời trẻ - vâng, thuở ấy Thanh Tâm Tuyền còn trẻ lắm - có lẽ để ghi lại những ngày sắp xa Hà Nội, xa người yêu, những ngày tháng cuối cùng lưu luyến ấy, đi không dứt, ở không xong, tìm đến rồi lủi thủi quay về một mình, không về nhà, ngồi nán trên ghế đá công viên nhìn ngoái lại, gặm nhấm nỗi cô liêu, những vần thơ đó nghe ngậm

ngùi, áo não như tiếng lá rơi lác đác buổi chiều tà, nghe lẻ loi, hoang vắng như tiếng kêu cô đơn của con chim lạc đàn:

Anh nhớ em cùng một lúc với thành phố
Với những con đường anh đi qua một lần
Để đến nhà em anh băng ngang vườn hoa nắng
Và lần trở về anh thường ngồi xuống ghế dài
Nếu là buổi chiều quạnh hiu mây lá phủ mùa thu...

Cho nên vắng bóng người yêu, không chỉ một mình nhà thơ đó đau khổ, mà cả một thành phố, cái thành phố quê hương nằm sâu trong tim trong máu, cũng xúc động theo:

Sự vắng mặt của em và bãi biển mùa đông
Thành phố đau lên từ mỗi cột đèn
Mỗi bậc thềm cửa đóng...

*

Tình quê, "tấc lòng cố quốc tha hương", đầy ắm ắp trong thi văn Việt Nam, kể làm sao cho xiết. Nghe đâu ngày xưa Nguyễn Du đi sứ sang Tàu, chỉ một vài năm rồi trở về mà đã:

Kinh niên khứ quốc tâm như tử
Nhất lộ phùng nhân diện tẩn sinh...

Tạm dịch:

Suốt năm xa đất nước cõi lòng như đã chết
Ra đường gặp người lạ diện mạo hết sinh khí

huống hồ phải bỏ quê hương mà đi không biết đến ngày về.

Quê hương sống mãi trong hoài niệm, điều đó không ai có thể chối cãi được, nhưng quê hương còn mang nhiều cách thế, dáng dấp, cung bậc khác. Đó là tiếng kèn ra trận, tiếng trống thúc quân. Đó là ngọn cờ chiến thắng bay hiên ngang, lẫm liệt trên kỳ đài, là ngọn cờ mệt nhoài "đau dấu đạn" được dựng trở lại trên cổ thành Quảng Trị những ngày sắp mất nước, là ngọn cờ khổ ải không bao giờ phai trong lòng người đi còn muốn quay về, hay cho dù đi mãi.

Có người lại bảo quê hương có bao giờ mất đâu, chỉ có chế độ thay đổi, thì cứ để cho nó thay đổi, việc gì mà phải tự đọa đày thảm não như thể mất cha mất mẹ như thế. Nhưng một đất nước chính thống có kỷ cương, có văn hóa, xứng đáng làm kế tục cho truyền thống lâu đời của tổ tiên, không thể nào bị "sổ toẹt" bằng họng súng và bạo lực. Lòng dân ly tán, quê hương xác xơ. Có những thứ xúc

phạm có thể bỏ qua, nhưng sự chà đạp lên tình cảm thiêng liêng của con người là điều tối kỵ.

Vâng, quê hương mang nhiều sắc thái khác nhau, không chỉ thu gọn trong niềm thương nỗi nhớ. Quê hương có thể là con bướm trắng lung linh của Nhất Linh, là bài thơ dạt dào tình quê của Hàn Mạc Tử.

Nhân vật chính của cuốn *Bướm Trắng*, trước cái chết đang đe dọa từng tháng từng ngày, đâm ra liều lĩnh, tuyệt vọng, nhiều lúc đứng ngấp nghé bên bờ vực thẳm của tội lỗi, và phải chăng từ tận đáy tiềm thức, từ trong vô thức của anh ta, con bướm trắng của mảnh vườn xưa của người mẹ đã nổi lên khi thì như một nuối tiếc khôn nguôi, khi lại là nguồn an ủi giúp anh ta có thêm chút nghị lực để tiếp tục cuộc sống, và có lúc có thể đó là một hình ảnh trong trắng rất hiếm hoi còn sót lại cảnh tỉnh nhân vật sống trong đau khổ, giằng co, và bế tắc này đừng làm điều ác: *"...Tưởng đến một ngày chủ nhật nắng - một ngày đã xa lắm chàng đứng nhìn con bướm trắng bay trên một luống cải lấm tấm hoa vàng, và nhớ lại cả cái ngạc nhiên của mình khi nhìn cảnh rất thường ấy". "...Lòng chàng lắng xuống và từ thời quá vãng xa xăm nổi lên một hình ảnh yêu quý của tuổi thơ trong sáng: khu vườn rau của mẹ chàng với những luống rau riếp xanh thẫm, những luống thìa là lá nhỏ như sương mù và hôm nào trời nắng, những mầm đậu hòa lan tươi non nhú lên qua lần rơm ủ dột. Rồi đến khi luống đậu nở hoa trắng có những con bướm rất xinh ở đâu bay về...".*

Hãy lắng nghe hồn thơ mênh mang của Hàn Mặc Tử trong *Tình Quê*.

Thời gian là buổi chiều mùa thu. Không gian là toàn cảnh trời mây, núi đồi, khe suối, cho đến ngàn lau hiu hắt, rặng tre tủi hờn, bờ liễu xanh, cành lê thắm, tóm lại, toàn cảnh của vùng quê yêu dấu, và phả vào đó là cõi lòng man mác của thi nhân.

Suốt sáu câu đầu của bài thơ là những chuyển động miên man, bất tận: nước chảy, mây trôi, chim bay, gió thổi, trong đó con người cô đơn đi thơ thẩn một mình đăm đăm nhìn đàn chim nhạn bay về:

Trước sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhạn về
Mây chiều còn phiêu bạt
Lang thang trên đồi quê

Gió chiều quên ngừng lại
Dòng nước luôn trôi đi...

Cảnh vật "vần vũ luân lưu" đó quả đã không cho phép nhà thơ níu kéo lại trong giây lát để hỏi han hoặc nhắn gửi đôi điều; thiên nhiên cứ câm nín và vô tình trước tiếng lòng đang xao xuyến, đê mê:

Ngàn lau không tiếng nói
Lòng anh dường đê mê

Thế thì hãy để mọi chuyện trôi qua, việc chi mà phải nhớ đến lời thề xưa, vầng trăng cũ, khi không gian bao la đã chia cách hai người:

Cách nhau ngàn vạn dặm
Nhớ chi đến trăng thề

Phải rồi, nhớ làm chi, đừng nhớ nữa, quên đi cho rồi, còn gì nữa đâu, cứ tiếp tục nói đi, toàn là những tiếng than van, oán trách, nhưng những tiếng nói "giả ngộ" đó làm sao che đậy nổi cái dày vò, ray rứt của một mối tình được nuôi dưỡng bằng muôn vàn kỷ niệm, không mang nó cũng cứ tới, không lắng nghe nó cũng cứ réo bên tai. Đó là tiếng dội trong sương mù, tiếng vang trong lũy tre, tiếng ngàn năm lan tỏa khắp núi sông:

Dầu ai không mong đợi
Dầu ai không lắng nghe
Tiếng buồn trong sương đục
Tiếng hờn trong lũy tre
Dưới trời thu man mác
Bàng bạc khắp sơn khê

Đó là "trên bờ liễu" ngày xưa đôi lứa đứng ngắm trăng, đó là "dưới cành lê" hai người ngồi trốn nắng, đó là những hè, những chái, những ngõ, những sân, đã làm cho lòng một đấng quân vương thương nhớ nàng cung phi không bao giờ nguôi:

Mưa hè nắng chái oanh ăn nói
Sớm ngõ trưa sân liễu đứng ngồi

Nghĩa là cả một quê hương đứng ra làm chứng nhân thì ai mà có thể quên lời thề xưa được:

Dầu ai trên bờ liễu
Dầu ai dưới cành lê
Với ngày xanh hờ hững
Cố quên tình phu thê

Trong khi nhìn mây nước
Lòng xuân cũng não nề...

Đọc hết bài thơ, ta không khỏi nghĩ đến hai câu đầu và cảm thấy ngờ ngợ:

Trước sân anh thơ thẩn
Đăm đăm trông nhạn về

"Thơ thẩn" mà lại "đăm đăm". Mâu thuẫn chăng? Nhà thơ lại giả ngộ rồi. Nhà thơ không vẩn vơ, lan man một cách không có mục đích đâu, nghĩa là không thơ thẩn chút nào cả, trái lại đang trông, trông chứ không phải nhìn, trông chờ những con chim nhạn. Có lẽ phải hiểu "nhạn" ở đây như trong *Chinh Phụ Ngâm:*

Thấy nhạn luống tưởng thư phong

hoặc như trong *Cung Oán Ngâm Khúc:*

Ngày sáu khắc tin mong nhạn vắng

hoặc gần ta hơn nữa, như trong Tản Đà:

Sương mù mặt đất người theo mộng
Nhạn lẳng chân trời kẻ đợi thư

Nói một cách khác, nhà thơ đang mong thư của người yêu ở "cách xa ngàn vạn dặm", nỗi mong nhớ dâng lên cuồn cuộn trong bài thơ độc vận, với những đạo láy đi láy lại (Nào ai... Nào ai... Tiếng buồn... Tiếng hờn...), những câu nói không có dấu chấm dứt, toàn bộ đã tạo nên âm hưởng của những đợt sóng trùng trùng điệp điệp vỗ mãi vào tâm hồn người đọc. §

Ngự Thuyết

HOÀNG XUÂN GIANG

về đây

Về đây ngồi đốt đêm ngày
Đốt khan nửa, cuộc đời dày phong sương
Đốt cho tan những dặm trường
Cho vàng mơ ước những đường quạnh hiu
Đốt cho mau cháy cho đều
Cho bay thành khói những điều viễn vông.

HOÀNG XUÂN GIANG

ĐẶNG PHÚ PHONG

chợt cảm kiều

Cơm áo cho đau người lỡ vận
Tay run không khỏi thoáng chau mày
Cuộc chơi thế cũng nhiều cay đắng
Bình đã nghiêng rồi tỉnh với say!

Nếu chẳng cam tâm đu với lửa
Dễ đâu nước mắt chảy khi say
Đêm đêm chăn chiếu buồn trơ mặt
Cười với ai và khóc với ai?

Cơn mộng nào ru người viễn xứ
Mửa máu mà cam với nợ đời
Trăng ngã về non người quay mặt
Lòng đau cứ để vậy mà chơi.

Chẳng tiếc chẳng thương màu khói biếc
Sợ động thời gian vốn lạnh lùng
Mà gẫm rằng em không có tuổi
Muôn đời phận bạc vẫn là chung.

Xoắn tay đấm mặt Hồ Tôn Hiến
Đạp phắt chàng Kim ở mép rào
Một cõi Hải Tần cho em đó
Cung đàn bạc mệnh tuyệt âm hao.
ĐẶNG PHÚ PHONG

THẠCH HÃN

robert olen butler: tâm hồn việt nam trong văn chương mỹ

Viết về chiến tranh Việt Nam, văn chương Mỹ không thiếu. Có thể nói là có rất nhiều, so với số lượng các tác phẩm văn chương, hoặc biên khảo viết về những cuộc chiến tranh khác trong lịch sử cận đại của Hoa Kỳ nói riêng và của thế giới nói chung, như chiến tranh Triều Tiên chẳng hạn. Riêng trong địa hạt văn chương, từ đầu thập niên 1970 cho đến nay, văn giới Hoa Kỳ đã xuất bản rất nhiều tác phẩm, khai thác nhiều khía cạnh khác nhau của cuộc chiến, nhìn những diễn biến của chiến tranh dưới nhiều góc độ khác nhau. Nói chung, những tác phẩm này phần lớn ghi lại những trận đánh sinh tử, những tác hại của chiến tranh lên những người lính Mỹ đang lâm trận, hay những biến đổi tâm lý của một số lính Mỹ sau khi hồi hương. Hẳn nhiên, những tác phẩm này đều lấy Việt Nam làm nền, từ những chi tiết địa lý cho đến những hình ảnh đời sống của người Việt Nam qua các thôn xóm, làng mạc, đến nơi thị tứ trong khung cảnh xô bồ của một xã hội bị chiến tranh tàn phá về vật chất và băng hoại về tinh thần.

Cũng có những hình ảnh của người lính vào sinh ra tử nơi trận mạc với lòng dũng cảm, tình yêu thương đồng đội, nhưng cũng không thiếu những hành động bắn giết, tàn phá các thôn xóm không nương tay bởi vì đối với họ, thật khó phân biệt được ai là bạn, ai là thù. Đọc *Platoon, Hamburgers Hill, Chickenhawk, Friendly Fires* hay *Messages from Nam* chẳng hạn, người ta chỉ thấy những cảnh chết chóc kinh hoàng, những gương mặt thất thần của những người lính Mỹ tuổi đời chỉ mới xấp xỉ đôi mươi, những cơn say thuốc chất ngất trong khung cảnh phố phường Sài Gòn tấp nập những cô gái Việt Nam bán bar, làm điếm sống gửi nhờ vào những giây phút dưỡng quân của đám lính mệt mỏi. Giữa những cái nhìn về chiến tranh Việt Nam không mấy tốt đẹp như thế, Robert Olen Butler đã đến với văn giới Hoa Kỳ bằng những tác phẩm viết về chiến tranh Việt Nam, về người Việt nước Việt với những cái nhìn nhân bản và

đôn hậu hơn. Và ngày 14 tháng 4 năm 1993 vừa qua, hội đồng chấm giải Pulitzer đã trao tặng giải thưởng Văn chương 1993 cho Butler, với tác phẩm *A Good Scent from a Strange Mountain*, Henry Holt and Company xuất bản năm 1992.

Robert Olen Butler năm nay bốn mươi tám tuổi, đã từng phục vụ trong Lục quân Hoa Kỳ tại Việt Nam với tư cách là một chuyên viên Việt ngữ, làm việc trong ngành phản gián. Từ năm 1981 cho đến nay, ông đã xuất bản sáu cuốn truyện dài, đó là *The Alleys of Eden*, (1981), *Sun Dogs* (1982), *Countrymen of Bones* (1983), *On Distant Grounds* (1985), *Wabash* (1987), *The Deuce* (1989), và một tuyển tập gồm 15 truyện ngắn mang tựa của truyện ngắn sau cùng *A Good Scent from a Strange Mountain*. Ngoài giải Pulitzer, Robert Olen Butler cũng đã được giải thưởng Tự Do Chính Kiến năm 1987 vì đã có những đóng góp xuất sắc vào nền văn hóa Mỹ với tư cách một cựu chiến binh.

Truyện ngắn của ông đã đăng trên các tạp chí văn chương như *The Sewanee Review, The Hudson Review, The Southern Review, New England Review* và *The Virginia Quarterly Review*, nơi ông đã đoạt giải Emily Clark Balch, và còn được chọn đăng trong tuyển tập các truyện ngắn nhay nhất của Mỹ trong năm 1991 và 1992. Ông hiện dạy môn sáng tác tiểu thuyết và lý thuyết phim ảnh tại Đại học McNeese State University, Lake Charles, Louisiana và cùng sống với vợ Maureen và con trai Joshua ở đó. Trong sáu cuốn tiểu thuyết, có ba cuốn dùng Việt Nam làm đề tài: *The Alleys of Eden* (Hành Lang Eden), *On Distant Grounds* (Trên miền đất lạ), và *The Deuce* (Thằng Hai).

Cuốn đầu tiên, *The Alleys of Eden*, được nhà Horizon Press, New York xuất bản năm 1981 sau khi đã bị 21 nhà xuất bản khác từ chối, viết về chuyện một quân nhân Mỹ đào ngũ sau khi chứng kiến cái chết bất ngờ của một tù binh Việt cộng lúc đang thẩm vấn, sống lén lút với một cô gái bán bar Việt Nam trong một ngõ hẽm ở Khu Eden. Câu chuyện bắt đầu vào những ngày cuối cùng của Việt Nam, trong cái không khí ngột ngạt và kinh hoàng, nhốn nháo của thành phố Sài Gòn vào những giờ phút trước khi rơi vào tay Cộng quân. Clifford Wilkes, nhân vật chính, đang thuyết phục Lanh, cô gái bán bar mà chàng đang chung sống, tìm cách để cả hai cùng được di tản ra khỏi nước. Thế nhưng Lanh, tuy là một cô gái bán bar,

cũng đã thấy được thân phận của mình khó có thể sống được trong một xã hội hoàn toàn xa lạ như xã hội Mỹ, đã không nghĩ đến chuyện ra đi. Cliff trong khi đó không thể rời Việt Nam nếu phải bỏ Lanh ở lại, và vì thế chàng đã cảm thấy mình bí lối. Bí như Cliff đã từng sống bốn năm ở Việt Nam, lén lút trong những ngõ hẹp quanh khu Eden, bí như Lanh, một thôn nữ hiền hòa trở thành một gái bán bar sau khi bị tình phụ, quanh quẩn trong những khung cảnh xô bồ của những quán rượu, của những đêm đem thân xác đổi lấy tiền mưu sinh. Cuối cùng, Lanh cũng đã thuận theo Cliff, chỉ cốt cho Cliff rời được Việt Nam để khỏi lọt vào tay Cộng sản khi họ tràn vào thành phố, đã đến chen chúc ở tòa Đại sứ Mỹ. Ngay khi Cliff vừa gần lọt được vào bên trong khuôn viên sứ quán, Lanh đã lẻn đi, khi nàng nghĩ là đến đó rồi Cliff chẳng thể nào trở ra lại được. Nhưng khi quay lại không thấy Lanh đâu, Cliff phóng ra khỏi đám người nhốn nháo đi tìm Lanh. Họ đã gặp lại nhau cách đó không xa, và Lanh đành phải chịu theo Cliff di tản. Trước khi chia tay nhau trên tàu hải quân ngoài biển Nam Hải, Cliff đã dặn Lanh là sau khi đến Mỹ, nàng phải đăng báo theo một ám hiệu mà hai người đã định sẵn để Cliff có thể liên lạc với nàng khi trở về Mỹ, vì Cliff là quân nhân đào ngũ đang bị truy nã, nên chàng phải tìm cách thay tên đổi họ để trốn tránh. Sau khi nhận được tin Lanh đăng trên báo như đã hẹn, Cliff tìm về tiểu bang Illinois, nơi Lanh đang được một nhà thờ trong thị trấn nhỏ ở vùng phụ cận Chicago bảo trợ. Với căn cước mới, Cliff đã tìm cách gầy dựng một đời sống bình thường cho hai người, và chàng đã thành công.

Trong lúc đó, Lanh càng ngày càng cảm thấy khổ sở khi sống với những người Mỹ chung quanh xa lạ, không cùng ngôn ngữ, tập quán, nên đã đâm ra sợ hãi và lại thấy mình bí lối như một số phận nghiệt ngã. Trước khi được gởi sang Việt Nam, Cliff đã có vợ, lúc hai người còn theo học đại học ở Chicago, nhưng trong thời gian ở Việt Nam, Francine, vợ của Cliff đã ly dị chàng. Lúc sống với Lanh, Cliff tìm cách liên lạc với mẹ Francine, chàng chỉ cần biết tin Francine nay ra sao. Sau khi tiếp được điện thoại của Cliff, mẹ Francine đã gọi cho nàng ở Chicago. Cliff cũng lại tìm cách đến gặp Francine, nhưng chàng không ngờ rằng sau khi nói chuyện, mẹ Francine đã báo cho con gái mình biết và họ đã báo cho quân cảnh. Lúc Cliff đến thăm, Francine hững hờ nhưng rồi cũng đã để cho Cliff vào nhà để thoát qua cửa sổ khi bên ngoài khu cư xá đã có

tiếng còi inh ỏi của xe quân cảnh. Băng qua các ngỏ hẽm của Chicago, Cliff lại thấy mình một lần nữa bí lối. Ở những ngõ hẹp của khu Eden, Sài Gòn hay ngay trong thành phố Chicago tráng lệ, Cliff thấy mình cứ mãi đi vào ngõ bí. Cũng như Lanh đang sống thu mình trong căn nhà nhỏ hai người mướn ở ngoại ô, Cliff cuối cùng quyết định gởi Lanh sống với gia đình một người Việt Nam vừa mới dọn đến gần nơi chàng ở, và thoát qua Canada để sống lây lất với những thanh niên Mỹ chống chiến tranh đã ẩn náu ở đó từ nhiều năm qua.

Nếu cuốn tiểu thuyết đầu tiên lấy khung cảnh Sài Gòn trong những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa làm bối cảnh, *On Distant Grounds* cũng khởi đi từ những giờ khắc đó, nhưng ở trên nước Mỹ. Nhân vật chính là David Fleming, (Cliff Wilkes trong *The Alleys of Eden* là quân nhân dưới quyền của anh), một đại úy bộ binh phục vụ tại Việt Nam hiện đang bị truy tố ra tòa án quân sự về tội trợ giúp địch quân.

Số là lúc còn phục vụ tại Việt Nam trong ngành tình báo, David Fleming một hôm đã đến thẩm vấn một tù binh Cộng sản hầu tìm tin tức về một quân nhân Mỹ thuộc đơn vị của anh bị bắt trong lúc họ đang mang quà đến giúp cho một cô nhi viện trong vùng giữa Biên Hòa và Sài Gòn. Sau khi thẩm vấn, Fleming đã đi quan sát những phòng chứa tù binh trong trung tâm thẩm vấn. Bất ngờ anh bước vào một phòng trống, chưa được dọn dẹp, có nghĩa là đã có một tù nhân giam giữ ở đó mới chuyển đi. Tò mò, anh muốn xem có dấu vết gì của người tù này không. Trong lúc đó, anh tìm thấy hàng chữ ghi lại trên tường: "Vệ sinh là khỏe" [sic] nên đã có thiện cảm với người tù. Anh cho rằng bất cứ người tù nào đã từng bị giam cầm mà đầu óc vẫn tỉnh táo để ghi lại những gì mình nghĩ vào tường, vào bàn ghế, là một người can đảm. Dò hỏi tông tích, anh được người ta cho biết là tù nhân đã được giải giao về Sài Gòn, và sau đó đưa ra Côn Đảo.

Vì muốn tìm gặp người tù mà anh đã có thiện cảm đó, Fleming đã dùng áp lực với các giới quân sự để lấy một xe jeep và một chiếc trực thăng ra Côn Đảo. Khi đến nơi, quản đốc trại giam cho biết là người tù, tên Phạm Văn Tuyên, đã vượt ngục mới hồi sáng. Anh nghĩ là có vượt ngục cũng chẳng thể nào rời khỏi đảo, nên đã thuyết phục được với ông quản đốc để cho một toán lính cùng anh truy tầm tù nhân. Cuối cùng anh đã tìm gặp Tuyên đang trốn trong một góc

rừng dọc theo suối, và đã thuyết phục được Tuyên đi theo anh. Khi trở lại bãi đáp, chiếc trực thăng chở anh ra Côn Đảo một giờ trước đó đang nổ máy và chuẩn bị cất cánh, vì viên phi công đã có hẹn là sau một giờ, Fleming có trở lại hay không, máy bay vẫn phải bay. Fleming đã cố gắng đưa được Tuyên lên máy bay, trở về nội địa. Khi trực thăng bay ngang vùng núi Long Khánh, Fleming đã dí súng vào đầu viên phi công, ra lệnh cho anh đáp xuống núi, và trả tự do cho Phạm Văn Tuyên. Vì thế anh đã bị kết tội trợ giúp địch quân, và đưa về Mỹ để truy tố.

Trong thời gian xử án, vợ Fleming đã sanh cho chàng đứa con đầu lòng. Cùng lúc đó, những hình ảnh cuối cùng của Việt Nam cứ tiếp diễn trên máy truyền hình, cảnh chạy loạn nhốn nháo, cảnh quân lính tan hàng, nhưng hình ảnh đập vào mắt Fleming nhiều nhất là việc di tản các trẻ mồ côi. Khi hình ảnh chiếc vận tải cơ C-5A nổ tan giữa không trung, rồi tử thi các em bé tung tóe trên những thửa ruộng loáng nước, Fleming không còn tâm trí nào nghĩ đến chuyện biện hộ cho hành động của mình trước tòa án quân sự. Thêm vào đó, đứa con sơ sinh đã khiến cho chàng nhớ lại một mối tình ngắn ngủi với một người đàn bà Việt Nam chỉ kéo dài trong sáu tháng. Tuy thế, hai người đã có cơ hội gần gũi nhau, và biết đâu chàng đã có một đứa con với người thiếu phụ đó trước khi hai người chia tay. Từ ý nghĩ đó, chàng băn khoăn không biết có thật là mình đã có con với nàng, và liệu con mình có ở trong số những đứa bé tử nạn phi cơ kia không. Cũng là con, nhưng đứa sơ sinh ở Mỹ đang được cha mẹ thương yêu, còn con chàng ở Việt Nam có ai săn sóc cho nó không? Một ý nghĩ thoáng qua đầu là chàng phải trở lại Việt Nam tìm con, và nhất là để kiểm chứng sự thể có thật là mình đã có con với Sương hay không, và nếu có thì phải tìm cách đem nó ra khỏi Việt Nam để chàng có cơ hội nuôi nấng.

Phiên tòa tiếp diễn nhiều ngày, trong không khí ngột ngạt của pháp đình cũng như những xôn xao về tình hình chiến sự ngày càng tồi tệ ở Việt Nam. David Fleming cũng đã thố lộ với vợ là mình đã có một mối tình ngắn ngủi với một người đàn bà Việt Nam, và rất có thể là chàng đã có một đứa con với người ấy. Sau khi phiên tòa kết thúc, bồi thẩm đoàn kết tội Fleming, chàng đã bị giáng chức trước khi bị sa thải vì thành tích bất hảo. Fleming trong lúc đó đã nhờ một người bạn trước đây đã từng làm việc cho CIA ở Việt Nam cung cấp cho chàng một thẻ thông hành mang tên và quốc tịch Gia

Nã Đại, giúp chàng trở về Việt Nam tìm con. Lý do dùng thông hành Gia Nã Đại để trong trường hợp chàng không thể rời Việt Nam trước khi rơi vào tay Cộng sản, chàng hy vọng mình có thể nhờ căn cước giả tránh khỏi sự bắt bớ hoặc giam cầm. Khi trở lại Việt Nam, chàng không còn tìm ra tung tích Sương. Khi đến căn nhà cũ của nàng, Fleming chỉ thấy nhốn nháo vô số dân di tản từ các vùng khác về trú ngụ. Dò hỏi mãi, chàng mới tìm được nơi mẹ của Sương đang ẩn náu.

Khi đến gặp bà Trung, mẹ của Sương, Fleming đã thấy có một đứa bé Việt Nam, tuổi trạc chừng tuổi đứa con mà chàng có thể có với Sương. Bà Trung cho Fleming biết là Sương đã bị cảnh sát của ông Thiệu bắt giam hơn một năm trước, vì tội chống tham nhũng nhưng không biết là hiện còn sống hay chết ở đâu, chỉ biết nơi giam cuối cùng ở góc Hồng Thập Tự. Với một lý lịch giả của một nhân viên Công đoàn thanh niên quốc tế, một tổ chức Cộng sản trá hình, và quốc tịch Gia Nã Đại, Fleming (lúc này có tên là Crowley) đã đánh bạo đến nhà giam tìm cách gặp Sương. Sau một hồi tra hỏi, cán bộ canh gác đã đưa Fleming vào gặp giới chức có thẩm quyền ở tòa Đô chánh cũ. Khi đến nơi, Fleming đã ngạc nhiên khi thấy người tra hỏi chàng về đầu đuôi câu chuyện tìm thăm Sương không ai khác lại là Phạm Văn Tuyên.

Mới hôm trước đây, lúc từ nhà bà Trung trở về khách sạn, chàng đã có dịp đi ngang qua tòa nhà Quốc hội cũ lúc chính quyền Cộng sản ra mắt Ủy ban quân quản thành phố. Tò mò khi thấy đám đông người tụ họp Fleming cũng đã đứng lại xem, vừa lúc đoàn xe của phái đoàn thành viên ủy ban trờ đến. Một trong những người đi qua mặt chàng lại là Phạm văn Tuyên, được loa phóng thanh giới thiệu là Giám đốc công an thành phố. Hai người đã chạm mặt nhau, nhưng Tuyên vẫn giữ nét mặt lạnh lùng như chưa bao giờ gặp Fleming, rồi cất bước đi theo phái đoàn vào bên trong tòa nhà Quốc hội. Bây giờ, người ngồi trước mặt và đang tra hỏi lý lịch của Fleming lại chính là Tuyên. Cuộc hội ngộ đã làm cho Fleming phân vân, không hiểu thái độ của Tuyên như thế nào để chàng xử lý. Nhận quen Tuyên, có nghĩa là chàng phải nói đúng lý lịch của mình. Giả vờ làm một công dân Gia Nã Đại, trong khi Tuyên đã biết rõ tung tích, chắc chắn là chàng sẽ bị lột mặt nạ ngay. Cuối cùng Fleming quyết định đánh liều, khăng khăng mình là Crowley, một công dân Gia Nã Đại. Tuyên hứa là sẽ điều tra sự việc về Sương,

hôm sau sẽ trả lời. Sáng hôm sau chàng trở lại nhà giam, được một cán bộ trao cho một cái hũ nhỏ, người ta bảo đó là tro cốt của Sương, và một ít vật dụng cá nhân còn sót lại. Như vậy có nghĩa là Sương đã chết trong tù từ lâu, và thân nhân Sương chưa hề hay biết. Thất vọng, Fleming đành mang những di vật về giao lại cho bà Trung.

Khi tìm ra được đứa con, Fleming đã có những câu hỏi lớn trong đầu, khi thấy thằng bé chỉ giống mẹ mà không có nét nào giống cha, một đứa bé hầu như Việt Nam hoàn toàn. Có thể nào đây là đứa con của người khác, và vì bà Trung muốn cho đứa bé được ra khỏi nước nên đã nói đó chính là con chàng? Bà Trung cũng đã nhận ra những câu hỏi lớn trong đầu Fleming, và bà đã minh xác là con chàng, chính lời Sương đã nói với bà đó là giọt máu của hai người sau đêm ân ái trong căn nhà nghỉ mát của gia đình Sương tại Nhà Bè, vả lại Fleming là người tìm đến để kiếm đứa bé, chứ chẳng phải bà Trung đi tìm chàng. Fleming chấp nhận đứa bé là con mình, và cũng đã được bà Trung chuẩn bị để Fleming đưa đứa bé thoát khỏi Việt Nam bằng cách đi ghe từ sông Sài Gòn ra biển trong lúc tàu Hải quân Mỹ vẫn còng lảng vảng ngoài hải phận Việt Nam. Nhưng khi đến điểm hẹn, hai cha con đã bị công an vây sẵn, vụ vượt biển bằng ghe đã bị vỡ lở, và Fleming đã bị bắt.

Khi mang về nhà giam, Fleming lại một lần nữa đối đầu với Tuyên. Lần này, Tuyên đã chuẩn bị kỹ lưỡng để hai người có thể nói chuyện với nhau mà không có cán bộ khác bên cạnh. Tuyên đã nói với Fleming rằng hắn đã nhận ra chàng ngay từ khi thấy chàng ở nhà hát lớn, lúc trình diện ủy ban quân quản. Hiểu ra, Fleming tức giận, muốn nói cho Tuyên biết chính vì đã trả tự do cho Tuyên mà Fleming đã bị tòa quân sự cách chức rồi sa thải, để đến nay phải trở lại Việt Nam tìm con trong điều kiện khó khăn như thế. Nhưng Tuyên vẫn lạnh lùng, vẫn giữ thái độ của một người Cộng sản không tình nghĩa. Cuối cùng, Tuyên đã sắp đặt cho Fleming, dưới danh nghĩa một thành viên Công đoàn lao động quốc tế, rời Việt Nam trên chuyến máy bay ngày hôm sau đưa nhân viên các sứ quán ngoại quốc còn sót lại qua Bangkok. Fleming vì thế đã trở về Mỹ an toàn, mang theo đứa con mà vì nó chàng đã bỏ qua tất cả những hiểm nguy cho tính mạng để trở lại Việt Nam tìm kiếm.

Trong khi *The Alleys of Eden* và *On Distant Grounds* lấy khoảng thời gian những ngày cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa làm bối

cảnh và thành phố Sài Gòn ngay trước và sau khi lọt vào tay Cộng sản làm nền, *The Deuce* lại mô tả cảnh đời của một trẻ lai sống bụi đời trong khung cảnh sầm uất của trung tâm thành phố New York. Võ Đình Thanh, tên của một trẻ lai Mỹ, được Kenneth Hatcher, một cựu chiến binh hiện là biện lý cư ngụ tại thành phố Jersey Shore, mang về Mỹ sau khi đã ăn ở với mẹ nó, Võ Thị Xuân Nghi, một cô gái bán bar hiện còn ở Việt Nam. Thanh còn có tên Mỹ là Tony, do cha nó đặt, và khi sống lây lất bụi đời ở New York, còn có tên The Deuce, do một cựu chiến binh Mỹ khác sống vất vưởng trên những đường phố của New York đặt cho.

Đến Mỹ lúc nó được sáu tuổi, Thanh sống với Kenneth và mẹ nuôi, nhưng không bao giờ quên được người mẹ đẻ còn ở lại Việt Nam. Đối với Thanh, đó là một đời sống tuy không có gì êm đềm nhưng cũng không đến nỗi nào, nhưng rồi đến khi Thanh lên chín, gia đình Kenneth đổ vỡ, vợ Kenneth ly dị chàng vì lý do chàng bận bịu công việc, rồi giờ rảnh rỗi còn để tâm săn sóc cho Thanh. Thanh tiếp tục sống với người cha nuôi, được cho đi học, và học rất giỏi. Nhưng rồi trong cảnh độc thân, Kenneth đã mang những người bạn gái về nhà, khiến cho Thanh cảm thấy khó chịu. Vả lại, trong những năm đi học ở trường, Thanh đã gặp những cái nhìn từ thầy, cô giáo, từ bạn bè cùng lớp cùng lứa đã khiến cho Thanh nghĩ nhiều về thân phận của một đứa con lai, và khi Kenneth cưới Tracy, Thanh quyết định bỏ nhà ra đi.

Lúc ban đầu, Thanh có ý định tìm cách lên Montréal, sống với cộng đồng người Việt, để Thanh có thể cảm thấy mình là một người có gốc gác. Thanh nghĩ là sống cạnh những người Việt Nam, Thanh có thể tìm lại được chính cái căn cước của mình, vì đã nhiều lần Thanh đọc đi đọc lại lá thư ngắn mẹ Thanh đã viết lúc Thanh theo cha về Mỹ. Nghi, mẹ Thanh, bảo rằng cho dù có ai nói con là gì đi nữa, con hãy luôn luôn nhớ rằng con là người Việt Nam. Sau một chuyến quá giang với người lạ, Thanh đã đến bến xe chính ở trung tâm thành phố New York, mua vé xe để đi Montréal. Trong lúc chờ đợi, Thanh đã bị một tên du đãng đánh và lấy hết tiền và vé xe. Thế là đành tứ cố vô thân, nhưng nhất quyết không trở lại sống với cha.

Lang thang bắt đầu một cuộc bụi đời, trên tay còn lại chỉ một chiếc xách vải nhỏ đựng ít áo quần và bức hình cùng lá thư của mẹ. Đến tối đang phân vân chưa biết phải ngủ nơi nào, Thanh gặp một

lão già ăn xin ra dấu bảo đi theo ông ta. Sau một hồi loanh quanh qua các ngõ ngách, các đường phố, hai người đến một lề đường bên xa lộ, nơi có một cái hang nhỏ và ngủ qua đêm ở đó. Sáng hôm sau, trở lại bến cảng, tìm cách xin đủ tiền để mua vé lên tàu qua Montréal như dự định, Thanh đã gặp Joey Cipriani, một cựu chiến binh Việt Nam, Thanh nhận ra ngay khi thấy hắn còn mặc bồ đồ lính tả tơi trên người, áo còn bảng tên, ngồi bên đường ăn xin. Khi đi ngang qua hắn Thanh đã đứng lại gợi chuyện, rồi bỗng nhiên Joey nói với một người bộ hành là xin cho cha con tôi tiền để đủ tiền xe buýt về nhà. Tức giận, Thanh đã nói thẳng với người bộ hành hắn không phải là cha của Thanh, và đừng cho hắn tiền. Nhưng sau đó, Thanh đã có cảm tình với Joey, rồi quyết định theo Joey lang thang kiếm sống. Trong cảnh sầm uất và phồn thịnh của những đường phố New York, Thanh đã được Joey đặt tên The Deuce, lấy từ tiếng lóng dân địa phương dùng để gọi đường 42, nơi Thanh và Joey lảng vảng. Ban ngày cùng nhau đi ăn xin, ban đêm hai người về một căn nhà bỏ trống ngủ qua đêm.

Cuộc sống kéo dài như thế trong khoảng hai tháng, cho đến một hôm Joey quyết định đi California, và rủ Thanh đi cùng. Joey bảo qua đó hắn có thể kiếm được việc làm, và cả hai khỏi cần phải sống cuộc đời ăn xin nữa. Trong lúc chuẩn bị đi, Joey phải đi gặp một người quen để đòi một món tiền nợ đủ để trả tiền xe cho hai người, và dặn sẽ gặp lại Thanh ở một điểm hẹn. Thanh chờ mãi, không thấy Joey trở lại. Đến tối, sau khi chờ đợi đã quá lâu mà không thấy, Thanh quay trở lại khu bến xe để tìm, gặp viên cảnh sát thường hay gác ở đó và cũng đã quen mặt Thanh và Joey. Người cảnh sát báo cho Thanh biết là Joey đã bị đâm chết trong bậc cấp của khu phố. Khi được tin, Thanh đã nghĩ ra là ai đã giết Joey, nhưng phân vân chưa biết phải làm gì, đành phải trở về căn nhà bỏ trống để ngủ qua đêm. Sáng hôm sau, Thanh quyết định sẽ trở lại bót cảnh sát, khai báo cho họ biết ai là kẻ đã giết Joey. Khi đến trạm, cảnh sát đã nhận ra Thanh là đứa bé bỏ nhà ra đi mà Kenneth đã báo và đang bị cảnh sát truy lùng. Thanh vẫn giữ kín tung tích mình khi nói chuyện với cảnh sát, nhưng không biết rằng cảnh sát đã nhận ra và báo cho Kenneth biết. Một lúc sau, Kenneth đã đến bót để lãnh Thanh về. Thanh đem chuyện nói với người cha nuôi, nhưng vì không đủ bằng cớ cho nên cảnh sát đã không làm được gì.

Thanh nhất quyết phải tìm cách để trả thù cho Joey, nếu cảnh

sát không làm gì được kẻ sát nhân thì Thanh sẽ ra tay. Kẻ sát nhân không ai khác là tên chủ quán sandwich gần bến xe, một người đàn ông đồng tính, và rất khoái trai trẻ cỡ như Thanh. Thanh tìm đến, giả vờ hẹn với người đó gặp Thanh vào buổi tối. Khi thấy tên sát nhân đến gặp Thanh như đã hẹn, hắn giả vờ bỏ chạy. Tên kia đuổi theo, trong khi Thanh cứ chờn vờn như vừa khiêu khích, vừa dụ dỗ. Thanh len lỏi qua các đường phố, các ngõ hẽm, rồi chạy về hướng xa lộ. Chạy một lát, Thanh đã trở lại đúng nơi mà nó đã ngủ qua đêm đầu tiên sau khi đã bỏ nhà đi. Thanh nhớ ra là nơi đó có một lỗ đất, với một tấm vỉ xi măng đã vỡ, có những cây sắt lòi ra ngoài. Thanh dụ cho tên sát nhân chạy đến gần đó, xong né người qua một bên khi hắn gần bắt được Thanh. Tên sát nhân đã té xuống vực, và bị hai cọng sắt đâm lòi ruột. Thế là Thanh đã thực hiện đúng nguyện ước trả thù cho Joey, rồi hắn trở về lặng lẽ sống tiếp những ngày còn lại với cha ở Jersey Shore, chấm dứt một cuộc bụi đời tuy chỉ có hai tháng ngắn ngủi nhưng cũng đủ dài để dạy cho Thanh những bài học về tình người, về nguồn gốc, về tình yêu, cũng như về thân phận của những kẻ sống bên lề một xã hội giàu có đến thừa mứa.

Mười lăm truyện ngắn trong tập *A Good Scent from A Strange Mountain* là những mẩu chuyện kể do những người Việt Nam hiện đang sống trong vùng New Orleans hay những cùng phụ cận, tiểu bang Louisiana thuật lại, qua ngòi bút của Butler ở ngôi thứ nhất, đề cập đến nhiều khía cạnh khác nhau của đời sống người Việt định cư tại Mỹ và những hoài niệm của họ về một nếp sống với những phong tục, tập quán và văn hóa đặc thù Việt Nam trước khi họ định cư tại Mỹ. Có truyện nhẹ nhàng, dễ thương và vô tư như truyện "Crickets (Đá Dế), về một người Việt Nam muốn cho đứa con sinh ra ở Mỹ biết đến thú chơi dế mà anh ta hồi nhỏ đã say mê, có truyện dí dỏm như "Love" về một người Việt Nam có vợ đẹp đã phải khổ sở như thế nào để xua đuổi những người đàn ông háo sắc mon men tán tỉnh, tìm cách dùng bùa phép để rồi khi thực hiện việc bỏ bùa như các thầy bùa mách bảo, đã té từ trên cây xuống gãy chân. Có truyện nói đến những tin tưởng kỳ bí của người Việt vào hồn ma như truyện "A Ghost Story", có truyện mô tả tình bạn giữa hai người con gái bạn với nhau thuở còn đi học cho đến khi về già như truyện "Preparation", có truyện đề cập đến lòng tin mù quáng vào một ý thức hệ như "Open Arms". Khi nói đến tình mẫu tử thiêng liêng trong đời sống người Việt, Butler đã viết "Mid-Autumn", hay liên

hệ huyết thống, hiếu đạo như truyện "The Trip Back", hay lòng mong ước một đời sống gia đình bình thường của một người đàn bà Việt Nam như "Fairy Tales" v.v...

Qua mười lăm truyện ngắn này, Butler đã chứng tỏ mình không những chỉ có khả năng tiếng Việt, mà còn thấu hiểu một cách khá rành mạch về tập tục, đời sống tinh thần, đời sống văn hóa và tín ngưỡng khi mô tả những cảnh đời của một người lính, của một phụ nữ, một thanh niên, một lão niên, tiếp tục truyền thống văn hóa của mình trong lúc hội nhập mưu sinh trong một xã hội mới. Viết về Việt Nam, chiến tranh và đời sống của người Việt, Butler đã làm đúng vai trò của một nhà văn. Ông chú trọng vào những giá trị nhân bản nơi con người, không cứ đó là một người thuộc hàng thứ nào trong xã hội. Bậc thang giá trị trong tác phẩm của Butler không đặt ở chỗ phù phiếm bên ngoài, ở chỗ xa hoa của chốn thị tứ hay nơi danh vọng địa vị của cá nhân. Tất cả những nhân vật trong tác phẩm của Butler, Việt cũng như Mỹ, đều là những nhân vật có tính người, có hồn, biết rõ được vị trí của mình trong đời sống, không giả dối mà cũng chẳng kênh kiệu.

Khi viết về những cô gái bán bar ở Sài Gòn trong thời Mỹ tham chiến, Butler đã thông cảm được cái bế tắc của chiến tranh, cái thảm kịch đưa đẩy những thôn nữ hiền hòa, đang sống với khung cảnh hồn nhiên bên nương rẫy, bỗng phải bán thân nuôi miệng. Bề ngoài họ là những người bán phấn buôn hương, sống nhờ vào những trận truy hoan mà người lính Mỹ vung tiền mua sau những tháng ngày lặn lội trong rừng sâu, đối diện với cái chết sẽ đến bất ngờ nơi xứ lạ, nhưng bên trong họ là những người phụ nữ Việt Nam chân chất, những người lương thiện, hiếu thảo, biết trọng tình trọng nghĩa.

Như Lanh trong *The Alleys of Eden*, biết rõ một người Việt Nam không thể nào chung vai thích cánh với những người Mỹ mà ngay nhân dáng của họ cũng đã làm cho Lanh cảm thấy mình quá nhỏ bé để rồi chẳng còn biết được mình là ai, nên đã dứt khoát không chịu rời Việt Nam trước sự khẩn khoản của Cliff. Nhưng khi thấy quyết định đó có thể làm cho Cliff không chịu rời Việt Nam, và một khi Cộng sản đến, chắc chắn Cliff sẽ bị giết, đã đồng lòng ra đi. Lanh đã nghĩ đến người, và đã dẹp bỏ những chọn lựa riêng của mình để giúp người. Sương trong *On Distant Grounds*, một người có học, giàu có, nhưng không kênh kiệu, yêu thương David Fleming chỉ vì

tình yêu, không đòi hỏi gắn bó, sống thực với cảm xúc của mình. Nghi trong *The Deuce*, tuy cũng là một cô gái bán bar, nhưng vẫn mong muốn con luôn luôn nghĩ rằng mình là một người Việt Nam, cho dù có mang hai dòng máu, và phải biết trân quý nguồn gốc của mình. Đời sống thường ngày của họ cũng không thiếu những giờ phút dành tưởng vọng đến cha mẹ ông bà đã qua đời, hay dành nguyện cầu đấng thiêng liêng vì họ tin có đấng thiêng liêng che chở. Nhân vật chính của truyện "Fairy Tales", một cô gái bán bar từ Việt Nam, đến khi sang Mỹ sống ở New Orleans, tuy vẫn tiếp tục hành nghề vũ nữ khỏa thân trong những quán rượu ở đường Bourbon (một đường phố nổi tiếng đầy những quán rượu có vũ thoát y ở New Orleans) vẫn mong mỏi có được một đời sống vợ chồng và gia đình bình thường như những người đàn bà bình thường khác; hay nhân vật kể chuyện "Snow" cũng là một phụ nữ, tuổi trung niên, đã thông cảm được những khổ đau của một người Mỹ gốc Do Thái đã phải lìa xa cha ở Warsaw, Ba Lan theo mẹ sang lánh nạn ở Anh quốc trong thời Đệ Nhị Thế Chiến để rồi chẳng bao giờ gặp lại người cha.

Những nhân vật Mỹ trong các truyện của Butler cũng thế. Họ là những người Mỹ bình thường, tham dự chiến tranh Việt Nam một cách tự nguyện hay bắt buộc đều đã có những phản ứng tâm lý rất cân bằng, vừa phải, không thái quá như những nhân vật trong các tiểu thuyết viết về chiến tranh Việt Nam khác. Cliff Wilkes trong *The Alleys of Eden* đào ngũ sau khi tận mắt chứng kiến cái chết của một tù binh Cộng sản, tuy bị chết vì một cơn bệnh đau tim đã có từ trước, không do việc tra tấn hay hành hạ gây nên, cũng đã thấy được kiếp sống mong manh như thế nào. Cũng như nhiều thanh niên Mỹ khác đồng lứa, Cliff cũng đã có những nhận định riêng của mình về việc Mỹ tham chiến ở Việt Nam, nhưng khi có lệnh động viên, anh đã không nghe theo bạn chạy lên trốn ở Canada, ra trình diện để rồi cuối cùng được gởi sang Việt Nam. Sống với một cô gái bán bar, làm điếm, nhưng Cliff đã tôn trọng những cảm xúc cũng như những tình cảm của Lanh, và mặc dù sống trốn chui trốn nhủi trong các ngõ bí của thành phố Sài Gòn, Cliff vẫn tìm được một ý nghĩa sống cho mình. Sài Gòn đối với Cliff còn an toàn hơn bất cứ một thành phố nào khác ở Mỹ, vì đã có Lanh ở bên cạnh, nhất là khi Cliff nhận ra Lanh rất hiểu anh. Trong khi đó, vợ chàng Francine đã không chịu được cảnh vợ chồng xa cách, đành phải ly dị. Khi ra đi, Francine chỉ để lại một thư ngắn, sau đêm Cliff về Mỹ thăm và hai

người cùng trọ trong một khách sạn nhỏ ở Carmel, California. Tình yêu của hai người bắt đầu từ lúc còn là sinh viên, và họ đã làm đám cưới với nhau trước khi Cliff đăng lính. Bao nhiêu năm tình cảm gắn bó đến thành vợ thành chồng để rồi dứt áo ra đi như chưa bao giờ có một sự ràng buộc nào. Trái lại, Lanh không đòi hỏi ở Cliff điều gì, nàng chỉ biết sống và biết thông cảm. David Fleming, trong *On Distant Grounds*, trong lúc đang thất điên bát đảo vì bị truy tố ra tòa án quân sự, vẫn nghĩ đến trách nhiệm của mình khi nghĩ rằng mình có thể đã có con với Sương, dù rằng sự liên hệ của Fleming với người thiếu phụ chỉ kéo dài không quá sáu tháng, và chính David cũng đã thú nhận với Jennifer, vợ chàng, là chàng không yêu Sương. Nhưng khi thấy hình ảnh những trẻ mồ côi, trẻ con lai xác thân tung tóc khi chiếc C-5A di tản chúng ra khỏi Việt Nam ngộ nạn, Fleming nghĩ đến chuyện là biết đâu trong số đó có thể có đứa con của mình. Fleming bị dày vò bởi ý tưởng đó, và trong lúc tinh thần bấn loạn khi thấy một ngày nào đó rất có thể chàng sẽ bị vào tù, làm sao để giúp được đứa con rơi, nếu thật sự là Sương đã có con với chàng. Ý nghĩ này càng ngày càng dày vò lương tâm của Fleming, nhất là khi thấy đứa con trai đầu lòng vừa mới sinh bụ bẫm, sống trong sự bảo bọc và thương yêu của Fleming và vợ chàng. Quyết định trở lại Việt Nam tìm con, Fleming đã hành động theo lương tâm con người.

Cũng trong tác phẩm này, Butler đã tỏ ra mình hiểu rành rõi tâm lý của người Cộng sản khi mô tả Tuyên, từ lúc còn là một tù binh cho đến sau ngày chiếm Sài Gòn, trở thành giám đốc Công an thành phố. Bao giờ cũng lạnh lùng, sắt đá, dửng dưng. Ngay cả khi tình cờ thấy Fleming trong đám đông người tụ tập xem buổi ra mắt của Ủy ban Quân quản, khi đối diện với Fleming tại tòa đô chánh cũ, và trong lần gặp sau cùng khi Fleming bị bắt lúc tìm đường thoát ra khỏi Việt Nam, Tuyên vẫn giữ một bộ mặt lạnh lùng. Giá như Fleming đã không dùng căn cước giả, liệu Tuyên có nghĩ đến ơn cứu tử để giúp Fleming không? Khi tự ý thả Tuyên xuống núi Long Khánh bốn năm về trước, Fleming không nghĩ là có ngày sẽ gặp lại Tuyên, nhưng khi đã gặp lại, Fleming mới thấy Tuyên không phải như Fleming đã nghĩ khi chàng mường tượng ra lúc bước vào nhà lao có bốn chữ nguệch ngoạc trên tường "Vệ sinh là khoẻ". Tuyên không can đảm như chàng nghĩ, và chính Tuyên cũng đã thú nhận là mình không viết những chữ đó.

Thanh, hay Tony, hay The Deuce, trong The Deuce là hiện thân nỗi bi đát chiến tranh đã cướp mất tuổi thơ, rồi đẩy đưa nó vào trong một xã hội mang nhiều thành kiến, đố kỵ nghiệt ngã. Thân phận của những trẻ con lai Mỹ, dù được nuôi nấng trong một gia đình trung lưu như gia đình Kennetth, hay bị hất hủi sống lây lất đây đó cũng chẳng khác gì nhau. Thanh chỉ thấy là tuổi thơ của mình đã bị cướp mất, chỉ thấy nguồn gốc của mình bị mờ nhạt trong một xã hội vốn nổi tiếng là đất dung thân cho người tứ xứ. Chính trong lúc Thanh tìm về một nơi có đông người Việt để tìm một đời sống có căn cơ, hắn đã bị kéo hút vào một cuộc sống lây lất, bụi đời trên những đường phố của New York. Bối cảnh sầm uất, giàu có của đời sống vật chất chỉ làm rõ nét đời sống vất vưởng của những người ăn xin, những kẻ vô gia cư, đĩ điếm trước sự dửng dưng của xã hội. Nhưng đời sống bụi đời cũng đã dạy cho Thanh nhiều điều. Thanh đã tìm được tình bạn nơi Joey Cipriani, một cựu chiến binh Mỹ sống lây lất trên đường phố, tìm được sự bảo bọc và cảm thông thực sự nơi anh qua những ngày hai người kết bạn. Thanh cũng đã tìm được tình yêu, tìm được ý nghĩa thật sự của tình cảm trai gái nơi Norma, cũng là một cô gái bụi đời. Khi Norma trở thành Nicole làm điếm, Thanh đã thấy hụt hẫng và đớn đau.

Tuổi thơ Việt Nam trong tác phẩm của Butler cũng đã có những lúc hồn nhiên dễ thương không khác mấy với những tác phẩm của các nhà văn Việt Nam viết về tuổi thơ. Lúc Thanh sống với Kenneth ở Jersey Shore, trong một đêm hè, bỗng nghe được tiếng ve sầu văng vẳng trong vườn. Thanh nhận ra ngay tiếng ve, và những kỷ niệm của Thanh lúc còn ở Sài Gòn hiện về rõ nét. Thanh đã từng lấy cao su ngâm xăng làm mủ rồi dùng một cây sào để bắt ve, và có lần mẹ Thanh đã cho Thanh mang ve về nhà, giữ nó như là một biểu tượng cho sự may mắn. Đêm nay, khi tiếng ve văng vẳng trở lại trong vườn cây ở Mỹ, Thanh đã không ngăn được nỗi nao nức, thế là hắn đi bắt ve. Nhưng chưa bao giờ bắt được một con ve chưa thoát xác, và lần nầy Thanh định tâm phải tìm cho được. Sống 17 năm dưới đất, để rồi khi chui lên khỏi mặt đất, thoát xác và cất tiếng hát trong vòng một tuần lễ, ve lại trở về với cát bụi. Bắt được ve con, Thanh mang vào phòng, để nó lên chóa đèn đầu giường ngủ. Chẳng mấy chốc, Thanh thấy lưng nó nứt một đường dài, rồi từ kẽ hở đó, một con ve hai con mắt đỏ rực như máu, với đôi cánh mỏng từ từ bò ra, cất tiếng hát. Tiếng ve đã đánh thức mẹ ghẻ

của Thanh. Bà đã bước vào phòng ngủ của Thanh, lấy chiếc dép mà Thanh đã mang theo từ Sài Gòn, đập chết con ve đang hát vang trên chóa đèn. Lúc đó, Thanh cảm thấy như thể lưng mình cũng đang bị nứt, đau đớn, chỉ biết cong người lại rồi khóc. Từ đó trở đi, Thanh đã bắt đầu cảm thấy có một không khí ngột ngạt trong gia đình.

Trong tuyển tập truyện ngắn được giải, Butler viết về những hoài niệm quá khứ của một số người Việt. Nhưng hoài niệm ở đây không là những tiếc nuối về một thời xa mã nghênh ngang, về quyền cao chức trọng hay đời sống trưởng giả trong một xã hội giàu nhờ chiến tranh, mà là những hoài niệm của những người thường việc thường. Hoài niệm về một đời sống thanh bình bên dòng Cửu Long, giữa rẫy khoai nương lúa, về những kỷ niệm của tuổi ấu thơ, hay về tình đồng đội của những người lính trong những ngày hành quân trong rừng sâu. Những ký ức của một đời sống cũ đã tương phản những kinh nghiệm hội nhập vào đời sống của họ ở Mỹ, như thử cố tìm thấy một sự cân bằng trong đời sống tinh thần của những người Mỹ gốc Việt. Với một kỹ thuật viết độc đáo, Butler đã làm nhòa hẳn lằn ranh giữa quá khứ và hiện tại, xóa bỏ biên giới địa lý giữa hai vùng đất xa nhau đến vạn dặm, cô đọng lại trong một khoảng không gian và thời gian trong một đôi ngày của đời sống thường nhật của những người Mỹ gốc Việt trong một thành phố hay một thị trấn, mà không làm cho người đọc cảm thấy bất chợt, choáng váng.

Butler thực sự đã làm cho nền văn chương Hoa Kỳ phong phú thêm nhiều qua những tác phẩm của ông, và lúc loan tin giải thưởng văn chương, nhật báo The New York Times số ra ngày 14 tháng 4 đã viết: "Bị ám ảnh bởi quá khứ và vô cùng hoang mang về thái độ của những người Mỹ đã đón tiếp họ, những cư dân hư cấu này tìm kiếm một sự thỏa hiệp giữa những vấn nạn cá nhân của họ, và những câu chuyện của họ đã nâng văn chương viết về chiến tranh Việt Nam lên một hàng thứ mới, nguyên thủy và vô cùng riêng tư" (*Haunted by the past, and highly ambivalent about their American hosts, these fictional immigrants seek truces in their various personal wars, and their stories raise the literature of the Vietnam conflict to an original and highly personal new level.* - The New York Times, April 14, 1993). §

Thạch Hãn

ĐỊNH NGUYÊN

sonata tháng 5

1.
Tháng 5
Xanh lá me chưa?
Sáng Cali
Vội nhớ trưa Sài Gòn
Sài Gòn
Mưa chửa ướt sân
Cali
Nắng đã tần ngần thương cây

2.
Tháng 5
Mùa Hạ đầy tay
Môi Cali
Lại thèm vai Sài Gòn
Tủi thân vai chẳng được tròn
Môi se rượu đắng
Chết mòn lửa mê

3.
Tháng 5
Son phấn Cali
Thương đêm lưu lạc
Buồn khuya Sài Gòn
Tóc khô mật
Má thôi hồng
Xa nhau
Chỉ cũng hao mòn khăn thêu

4.
Tháng 5
Một cõi buồn hiu
Hỏi Cali
Có còn yêu Sài Gòn?
Thôi thì
Lấy héo làm hon
Cố thương cho được
Vuông tròn kiếp sau

5.
Tháng 5
Chim sẻ gọi nhau
Cali mang nặng nỗi đau Sài Gòn
Mưa bay
Trên mảng cờ hồng
Lơ ngơ đường phố
Người không thấy người

6.
Tháng 5
Tình cũng qua đời
Cali sa mạc
Đọc lời kinh câm
Sài Gòn mưa
Lá có xanh?
Con đường hò hẹn
Chạy quanh cuộc tình?

7.
Tháng 5
Bàn ghế lặng thinh
Cali
Hạ trắng
Buồn tênh nỗi buồn
Cũng may
Còn chút Sài Gòn
Cho thơ anh mượt
Một dòng tóc em

8.
Tháng 5
Ngày lẫn vào đêm
Đôi môi nhật nguyệt
Chẳng tìm thấy nhau
Sài Gòn
Chết tự hôm nao
Cali
Tang chế
Kiếp nào mới nguôi!

ĐỊNH NGUYÊN

ĐINH PHỤNG TIẾN

thảm đỏ cho người về

Chúng tôi nhận được tờ fax của anh Tân từ Mỹ đánh về, báo rằng gia đình anh sẽ về Sài Gòn để... thăm lại quê hương. Phi cơ sẽ đáp xuống phi trường Tân Sơn Nhất vào lúc 17 giờ 15 phút, ngày thứ năm tuần tới.

Tin ấy như một chấn động, loan truyền rất nhanh trong họ hàng. Thế là đã trên mười sáu năm gia đình anh Tân lìa xa quê hương. Anh Tân đã ra đi vào đêm 29 tháng Tư, trên một trong những chuyến bay cuối cùng từ nóc tòa Đại sứ Mỹ ở đường Thống Nhất.

Trong họ hàng, có lẽ tôi là người gần gũi với anh nhiều nhất. Bởi chúng tôi không những chỉ là anh em cột chèo với nhau, mà anh Tân còn là cấp chỉ huy trực tiếp của tôi. Ngay khi còn phục vụ dưới cờ, anh Tân bao giờ cũng tỏ ra quan tâm tới tôi nhiều hơn cả. Bởi theo anh, thì tôi là một người chỉ huy cấp dưới biết tôn trọng kỷ luật.

Vào khoảng đầu tháng Tư năm 75, anh Tân được phong cấp bậc Đại tá. Và do tình hình khẩn trương lúc ấy, anh được giao chức vụ Trung đoàn trưởng Bộ Binh. Tôi là một trong những Tiểu đoàn trưởng dưới quyền điều động trực tiếp của anh.

Anh Tân là một con người ngay thẳng. "Máu mhà binh" trong người, nên nói một là một, hai là hai. Tôi quý mến và cảm phục anh vì sự thẳng thắn ấy.

Chúng tôi ra phi trường Tân Sơn Nhất đón gia đình anh Tân trước giờ phi cơ hạ cánh khoảng bốn mươi phút. Đó là một buổi chiều đầu mùa hạ. Thỉnh thoảng lác đác có những cơn mưa nhỏ. Trời rất oi nồng khó chịu. Tôi bỗng nghe những tiếng reo hò cùng lúc với lời loan báo của trạm hàng không. Một chiếc phi cơ phản lực đang chuẩn bị đáp xuống phi đạo. Sau đó, chúng tôi thấy gia đình

anh Tân, từ trong phòng kiếng, đang làm thủ tục với công an hải quan. Họ làm việc khá lâu. Anh Tân trong bộ đồ veste mầu xanh dương đậm, dáng mập nhưng nhanh nhẹn. Chị Tân mặc một bộ đồ đầm mầu đỏ tươi, với chiếc áo khoác ngoài trắng mỏng. Còn một người nữa, mà tôi độ chừng là cháu Mai. Khi gia đình ra đi thì cháu mười tuổi. Nay phải ngoài hai mươi. Đó là một thiếu nữ rất duyên dáng, khỏe mạnh. Vẫn trong cái gia đình ấy, tôi còn thấy một bé trai khoảng mười tuổi. Có lẽ đó là cháu Dick mà anh Tân thường nhắc tới trong mỗi lá thư gởi về. Dick sanh tại Mỹ. Và đây là lần đầu tiên trong đời, cháu về một nơi được gọi là quê hương.

Khi mọi người trong gia đình anh Tân vừa thoát ra khỏi cổng số 3, lập tức anh bị bao vây bởi những người đi đón. Anh Tân đã nhanh chóng nhìn thấy tôi trong đám đông ấy. Anh dơ một bàn tay, nhoài người về phía tôi. Tôi nắm chặt tay anh. Và ngay sau đó, chị Tân nhẩy một bước rất dài về phía tôi, chị ôm lấy tôi mừng rỡ. Chúng tôi cùng lên xe. Đó là một chiếc xe microbus mà chúng tôi đã thuê của công ty hàng không Việt Nam. Những người còn lại, đi bằng xe Honda về nhà.

Gia đình anh Tân sẽ ở lại quê nhà ba tuần rồi lại trở về Mỹ, anh nói thế. Gia đình nhà vợ đã chuẩn bị sẵn cho những người trong nhà anh Tân một căn phòng từ tuần trước. Những cô em vợ, đã chở bằng xe ba gác về, một bộ nệm Kim Đan mua ở Ngã Bẩy. Mọi người đều rất hào hứng, trong số ấy có lẽ cô út là người hào hứng nhất. Vì, hình như qua những thư từ trước đây với chị Tân, cô út vẫn nuôi một hy vọng rằng chị Tân sẽ mai mối cho cô một ông Việt kiều. Và như thế, việc đi Mỹ của cô đã trở nên nằm gọn trong tầm tay. Cô út trước đây có quen với một cậu sinh viên đang học trường đại học bách khoa Phú Thọ. Mối tình của họ hết sức thơ mộng và, họ dự định năm tới sẽ tổ chức lễ kết hôn sau khi người con trai này ra trường. Thế nhưng, một khúc quanh rất gắt đã đưa con thuyền tình ái ấy rẽ ở một dòng sông. Vì, chẳng biết chị Tân đã hứa hẹn những gì mà cô út thấy nẩy trong lòng một so sánh, và một ước mơ.

Hình như cái lần cuối cùng cô út đến thăm người con trai ấy trong ký túc xá, thật sự đã đánh gục mối tình ấy, giống như một cú đấm bất ngờ đã đánh ngã đối thủ trên võ đài. Lần ấy, cô đã trả lại người yêu... "con đường học trò"... trả lại những lời thề thốt, trả lại căn phòng đầy bụi mà sinh viên cứ tám người ở chung, ngủ trên

những manh chiếu rách với những bữa ăn chỉ có "canh toàn quốc" và... "nước chấm đại dương". Chuyện ấy mau chóng lùi vào dĩ vãng để trở thành... một kỷ niệm. Và cô út hướng về tương lai. Tương lai được gặp một "Việt kiều yêu nước" về thăm quê hương...

Gia đình anh Tân chỉ ngủ một đêm trong căn nhà ấy, và trưa hôm sau, họ lên đường đi Đà Lạt về thăm bên nội như chương trình đã định sẵn. Tối đầu tiên anh Tân trở về, chúng tôi đã thức rất khuya quanh bàn ăn để hàn huyên về đủ thứ chuyện. Dù rất mệt, nhưng mọi người đều tỉnh như sáo. Những đứa con anh Tân không ăn uống gì cả. Có lẽ phần vì thức ăn lạ miệng, nhiều mỡ quá. Chúng cũng không thể ngủ được, có lẽ vì việc thay đổi múi giờ, mặc dù sau hai chục giờ bay rất mệt mỏi.

Khi tôi tiễn chân anh Tân và gia đình lên chiếc xe microbus thuê của công ty du lịch thành phố, anh Tân nói riêng với tôi, "Mình sẽ nói chuyện với nhau nhiều. Tôi biết cậu đã thiệt thòi nhiều quá. Đó là một điều không may...". Tôi nói, "Vâng. Vâng. Cám ơn anh...".

Anh Tân ở lại Đà Lạt tới hơn một tuần lễ để thăm mọi người bên nội. Khi anh trở lại Sài Gòn, vẫn ở nơi căn phòng mà các cô em vợ đã dành sẵn. Thời gian ấy, anh chị cũng lại đi thăm họ hàng bên ngoại. Rồi thì khách khứa liên miên khiến tôi không thể nào gặp anh được. Anh Tân bận đến nỗi, tôi cứ nghĩ là cho đến ngày đi của anh, chưa chắc gì tôi đã có dịp gặp anh một lần nữa. Phần tôi, quả thật cũng hết sức bận vì việc sinh kế hàng ngày. Nhà tôi không thể nào bỏ được một buổi chợ. Quanh năm, cứ mười hai giờ trong một ngày. Đủ bẩy ngày trong một tuần. Và ba mươi ngày trong một tháng như thế. Làm việc cật lực vẫn chưa đủ sống. Tôi cứ quay cuồng trong cái vòng gạo, củi, nước mắm... như thế mà quên mất cả sự có mặt của anh Tân, một biến cố rất lớn trong họ hàng, nếu như vào một buổi chiều nọ, anh chị Tân và các cháu không đến nhà tôi.

Chiều hôm ấy, tôi đang phụ với nhà tôi bán hàng ở ngoài chợ, thì đứa con gái lớn của tôi đạp xe trên mười cây số đến, hớt hải loan báo, "Bố ơi, bố về ngay. Nhà mình có Việt kiều tới thăm...". Chúng tôi vội vã dọn dẹp ngay hàng quán để trở về, gặp anh Tân. Đó là dịp hiếm có để chúng tôi có can đảm nghỉ một nửa ngày chợ.

Anh chị Tân và các cháu chờ chúng tôi hơi lâu nhưng không ai tỏ lộ sự buồn phiền. Anh nói ngay, "Chúng tôi không báo trước cho

cô cậu được vì bận quá. Chiều nay thấy có dịp là chúng tôi đến thăm cô cậu ngay, ngày mốt chúng tôi đi rồi."

Tôi bàng hoàng hỏi lại, "Ngày mốt anh đi? Tiếc quá, chúng ta không có dịp nói chuyện với nhau nhiều hơn." Tôi hối nhà tôi làm cơm để mời anh chị và các cháu nhưng chị Tân gạt đi ngay, "Đừng. Đừng nhé. Chúng tôi mời cô cậu đi ăn chiều nay, mình khỏi phải làm, để thì giờ nói chuyện với nhau thích hơn." Đó là ý kiến hay, tôi nói thế.

Chúng tôi cùng lên chiếc xe microbus mà anh Tân vẫn thuê, đến một nhà hàng nổi ở trên sông Sài Gòn.

Cái nhà hàng này, trước đây không xa lạ gì với chúng tôi. Ban đầu, nó ở trên bờ sông, nơi tụ tập tán dóc của những tay thủy thủ và khách giang hồ. Sau, có thêm một chiếc tầu cũ được sửa chữa thành nhà hàng. Sau 75, một thời gian dài nó được liệt vào thành phần phục vụ cho tàn dư văn hóa đồi trụy mà bị đóng cửa. Bây giờ nó được phục sinh.

Chúng tôi chọn một bàn có thể ngồi ngó ra sông. Mai và Dick rất khoái món tôm hùm. Chị Tân nói với chúng tôi:

- Vui quá cậu ạ. Gần hai chục năm tôi mới về, Sài Gòn vui quá.

Rồi chị nói tiếp, như thể mong chúng tôi cũng được chia xẻ với niềm vui của chị:

- Đi đến đâu chúng tôi cũng được người ta tiếp đón ân cần. Người ta lại còn hứa sẽ trả lại căn nhà của chúng tôi ở Đà Lạt đấy...

Chúng tôi cùng chia xẻ với chị Tân về niềm vui ấy. Xa nhau đã lâu, tôi thấy anh Tân chỉ đậm nét hơn chứ không thấy già hơn. Một con người của sương gió cũ, bây giờ trở nên một người lịch lãm, yêu đời. Còn chị Tân thì hình như trẻ hơn, đẹp hơn.

Lúc ấy, tôi nghĩ rằng hình như thời gian không phải là người bạn tốt với những người thiếu thốn. Chị Tân hỏi chúng tôi về chuyện làm ăn, sinh sống. Nhà tôi cũng đã thành thật nói cho chị nghe về những nỗi vất vả trước đây mà gia đình chúng tôi đã chịu đựng. Đó là thời gian sau khi gia đình anh Tân đã ra đi. Đó là thời gian mà tôi ngồi trong khe núi đập đá ở Hoàng Liên Sơn thì những người còn lại trong gia đình chúng tôi đã bị lùa đi những nơi được gọi là những "vùng kinh tế mới". Ở đó, mọi người đã phải bằng mọi cách, tự moi lấy lương thực từ dưới bùn đất với hai bàn tay không để sống sót. Đó là thời gian mà ở Kampuchea, Pon Pot đang chà đạp, khinh bỉ trí

thức cũng như quần chúng ở đó, khiến cho cả thế giới lên án. Những người cộng sản Việt Nam, hình như muốn rút tỉa kinh nghiệm đó, trong những bước đi vừa học vừa làm của họ nên họ đã kín đáo hơn, khôn ngoan hơn. Họ đã xô đẩy đồng bào của họ vào nơi khốn cùng, điều mà chính họ, trong quá khứ đã nhân danh để lôi kéo những người lao động đứng lên đi theo họ. Một chủ nghĩa Mao Trạch Đông đã được du nhập vào những nơi mà những chiếc xe vận tải Hồng Kỳ lăn bánh tới. Khi nó tới Kampuchea, nó nhuộm thêm mầu Kampuchea, và khi nó tới Việt Nam, nó nhuộm thêm mầu sắc Việt Nam. Những người cộng sản địa phương ấy đã làm những điều mà họ gọi là "vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh thực tiễn của mỗi nơi".

Anh Tân hỏi rằng, suốt mười năm tôi bị cầm giữ trong các trại giam, tôi đã phải làm những công việc gì, và ở đó chúng tôi đã sinh sống ra sao. Điều ấy, tôi trả lời anh rằng thật là khó nói một cách ngắn gọn được. Nhưng đại để là nó cũng giống như những nhà giam của những thế kỷ trước đó ở những nước Á châu. Tuy nhiên, về hình thức thì có vẻ nhẹ nhàng hơn nhưng về phương pháp thì khắt khe hơn. Anh Tân không hiểu. Tất nhiên, anh đã không thể hiểu được, nếu chỉ nói ngắn gọn như thế. Hình như anh Tân tỏ ra quan tâm tới tôi nhưng anh ít quan tâm tới những năm tháng mà tôi đã bị cầm giữ cho nên tôi cũng không muốn nói thêm về điều này. Vả lại, hôm đó là ngày vui, ngày hội ngộ. Hơn thế, chúng tôi còn được gặp lại chị Tân, gặp cháu Mai và Dick. Mai và Dick không có cái quá khứ ấy. Về thăm quê hương lần này, Mai và Dick cảm thấy vui và bỡ ngỡ khi được đặt chân tới một nơi xa xôi mà mẹ các cháu vẫn thường nhắc tới. Đối với Mai và Dick, cái gì cũng mới mẻ. Dick thích nhất là những chiếc thuyền con bơi trên sông, và những chiếc xe Cyclo chở khách trong thành phố.

Anh Tân nhắc lại những kỷ niệm của chúng tôi khi còn ở trong quân ngũ. Tôi cảm động vì những điều đó nhắc lại cho chúng tôi một tình cảm có thật, đó là tình đồng đội. Tình đồng đội giữa tôi và anh, giữa tôi và những người bạn mà bây giờ, rất nhiều người đã không còn nữa. Họ đã ngã xuống từ Bắc chí Nam. Ở biển Đông. Ở vùng xình lầy ngập nước. Ở rừng sâu. Ở những ngọn đồi không tên, không tuổi. Ở những lò vôi. Ở những đồi chè... những người còn lại, trong đó tất nhiên có cả tôi và anh, rồi sẽ không còn nữa. Mai và Dick sẽ lớn lên, cuộc đời của các cháu sẽ có những vấn đề mới đặt

ra. Thời gian vẫn đi và, hình như thời gian, một lần nữa không phải là một người bạn tốt đối với chúng tôi.

Tôi nhớ, chiều ngày 28 tháng Tư. Trung đoàn trưởng của tôi đã chỉ thị cho chúng tôi phải giữ vững phòng tuyến. Trước đó, vị Tổng Tham mưu trưởng Quân Lực, trong một lời hiệu triệu rất ngắn cũng đòi hỏi chúng tôi như thế. Chúng tôi đã chiến đấu trong một hoàn cảnh khó khăn mà, trước đó chưa bao giờ chúng tôi gặp phải. Đạn dược thiếu thốn. Tản thương hoàn toàn không có. Xăng dầu đã cạn. Lương thực dặm vá. Và, hoàn toàn không có sự yểm trợ nào của phi cơ hoặc pháo binh. Nhưng chỉ ít giờ sau đó, vị Tổng Tham mưu trưởng của chúng tôi đã ra đi, có lẽ trên một chuyến phi cơ trực thăng nào đó cùng với gia đình. Tổng Tham mưu trưởng mới lên thay, sau 24 giờ, chưa kịp đọc một lời hiệu triệu dù rất ngắn, cũng đã ra đi.

Cú điện thoại cuối cùng mà anh Tân, vị chỉ huy trực tiếp của tôi gọi, đã chỉ thị một cách hết sức cứng rắn, rằng bằng bất cứ giá nào chúng tôi cũng phải giữ vững phòng tuyến vì vùng đồng bằng sông Cửu Long vẫn là nơi chúng tôi phải giữ.

Ngay sau đó, tôi không còn liên lạc được với anh nữa. Mãi sau này tôi mới được biết rằng anh đã ra đi ngay sau khi gọi điện thoại cho tôi. Lá thư đầu tiên anh Tân gởi về từ Mỹ, có hỏi thăm tôi. Lúc ấy tôi đang ngồi đập đá ở tỉnh Hoàng Liên Sơn. Những ngày mùa đông giá rét, tôi nhớ đến anh nhiều. Một người anh em. Một người bạn. Một người đồng đội. Một cấp chỉ huy. Vậy mà hình bóng của anh cứ theo đuổi tôi suốt những chặng đường trong quá khứ.

Mười năm sau tôi trở về như một câu chuyện hết sức hoang đường. Một gia đình tan nát. Một đất nước tiêu điều. Bạn bè, đồng đội không còn thấy nữa. Không còn ai. Tôi đã trở về trên con tầu xuyên Việt bắc nam. Con tầu cũ chạy trên đường ray, tà vẹt gỗ lắc lư đưa tôi trở về một thời trai trẻ lúc lên đường. Ôi, những sân ga như bóng mẹ già đang đứng ngóng đợi con về. Ngày xưa tôi đã lên đường với súng, đạn, ba lô và tình cảm của một người chiến sĩ. Con tầu ấy dừng lại ở mỗi sân ga. Ga xép, lửa đèn của những ngọn đèn hiu hắt trong bóng tối mù sương đang vây bủa những tiếng còi như hồi chuông chiêu hồn tử sĩ. Tiếng chuông ấy đang gọi hồn tôi. Một linh hồn cô quạnh bơ vơ với nỗi buồn đã chín.

Anh Tân lại hỏi tôi về cuộc sống. Thì đấy, cũng nhì nhằng như

thế, tôi đã trả lời anh như vậy. Anh bảo rằng, tôi thật không may mà kẹt lại. Đáng lẽ tôi không phải trả bằng một cái giá quá đắt như thế, nếu tôi khôn ngoan hơn. Chị Tân bảo tôi, cậu thấy không, chúng tôi bây giờ là những Việt kiều yêu nước... và đi đến đâu, người ta cũng đón tiếp chúng tôi nồng hậu. Người ta nói rằng, giờ hãy quên đi quá khứ để xây dựng lại quê hương. Tôi nói với chị rằng, vâng thưa chị, quá khứ là quá khứ. Rồi cũng phải quên. Mình không quên nó thì nó cũng quên mình.

Tôi nói với chị Tân như thế, nhưng làm sao tôi có thể quên cái cú điện thoại cuối cùng mà anh Tân đã gọi cho tôi. Làm sao tôi có thể quên những nấm mồ của người thân, của bạn bè đã nằm xuống. Làm sao tôi có thể quên một quê hương điêu tàn và giờ đây đã trở nên xác xơ nhiều lắm.

Cuộc chiến tranh đã qua đi gần hai mươi năm. Nhưng dấu chân mà nó để lại vẫn còn hằn sâu trên mỗi chặng đường. Tôi vẫn gặp những người thương binh. Những người thương binh ở mỗi ga tầu từ Bắc đến Nam. Những người thương binh ấy, một thời đã là những anh hùng. Ngày trở về của tôi, khi rời trại giam Hỏa Lò, tôi lên tầu trong sân ga Hàng Cỏ, tôi đã gặp người thương binh ấy. Anh ta đưa chiếc nón cối ra. Tôi bỏ vào trong chiếc nón trống rỗng ấy một đồng. Đó là đồng bạc cuối cùng mà tôi có khi rời trại giam. Đó là đồng bạc tôi đã nhận lại của số tiền mà tôi ký gửi trước đó mười năm. Khi xuống tầu ở sân ga Bình Triệu, tôi đã gặp người thương binh đang đứng trên đôi nạng gỗ. Đây là đồng đội. Đây là chiến hữu của tôi. Tôi không còn gì để giúp anh nữa. Tôi ôm lấy anh, và nước mắt là quà tặng để chia xẻ với nhau một niềm đau.

Có lẽ anh Tân đã đúng, khi bảo rằng đáng lẽ tôi đã không phải trả một cái giá đắt như thế, nếu tôi khôn ngoan hơn. Điều đó cho tôi hiểu rằng, đáng lẽ lúc ấy tôi nên yêu cầu những cấp chỉ huy dưới quyền và những đồng đội của tôi hãy giữ vững tuyến phòng thủ, và tôi theo anh. Sự khôn ngoan ấy chắc chắn sẽ tránh cho tôi mười năm tù đầy. Sự khôn ngoan ấy sẽ tránh cho tôi cảnh gia đình tan nát và ngày nay đỡ phải quay cuồng trong những lo toan gạo, củi, nước mắm... hàng ngày. Hơn thế, tôi cũng đã trở về. Tôi trở về trên tấm thảm đỏ dành cho những Việt kiều về thăm quê hương và nghe bài ca hãy quên đi những niềm đau quá khứ. Một quá khứ lầm lỡ mà không có ai là người trách nhiệm.

Rồi anh chị và các cháu lại đi, sau ba tuần lễ về thăm nhà. Căn phòng dành cho anh đã được dọn lại như cũ như muốn xóa bỏ những dấu vết của ngày vui qua mau. Anh Tân đã về, mang theo một làn không khí mới. Anh đi, để lại những dư hương của những miền đất lạ. Tấm nệm Kim Đan dành cho cô út. Cô sẽ ru những giấc mơ nồng với một mối tình chưa đến để quên người tình học trò trong một ký túc xá nghèo nàn. Từ đó, tôi thấy cô út thường hay mặc chiếc quần soọc mà chị Tân để lại. Cô út đang chuẩn bị lên đường để rồi sẽ về thăm quê hương trên những tấm thảm đỏ đã được dành sẵn.

Hôm gia đình anh Tân lên đường, vợ chồng tôi ra sân bay tiễn anh trong buổi sáng tinh mơ hôm ấy. Chúng tôi chia tay trong niềm vui. Khi anh chị quay trở vào phòng cách ly, bất chợt anh Tân ôm lấy tôi và anh nói nhỏ bên tai, "Tôi thông cảm với cậu. Cậu thật không may mà bị kẹt lại. Bằng ấy năm trời, lúc nào tôi cũng nhớ tới cậu. Mình vẫn là anh em. Vẫn là đồng đội." Tôi đáp, "Vâng. Vâng. Cám ơn anh. Chúc anh chị luôn luôn gặp nhiều may mắn." Khi ấy, chị Tân dúi vào tay tôi một bao thư. Tôi gấp chiếc bao thư ấy, nhét vào túi quần. Tôi vẫy chào anh chị. Chào cháu Mai và chào Dick.

Khi chúng tôi quay trở ra khỏi phòng đợi thì trời đã sáng rõ. Lại bắt đầu một buổi chợ đang chờ chúng tôi. Bầu trời đục báo hiệu một cơn mưa sắp đến. Những cành cây lay động như múa vẫy. Gia đình anh Tân trong con tầu đã khuất ở chân mây. Như một vùng dĩ vãng đã khuất ở cuối chân trời. Những con tầu đến và đi. Những trạm hàng không. Những bến cảng của một mùa hè, tôi bị ấn xuống boong hàng hóa ngộp thở để đi ra miền Bắc. Những đoàn tầu trở về Nam. Và qua những sân ga. Qua những sân ga. Những sân ga với những người thương binh đã bị bỏ quên...

Tôi chợt nhớ tới lá thư mà chị Tân đã dúi vào tay tôi. Tôi vội bóc ra để xem chị có ý dặn dò điều gì kín đáo. Bên trong chiếc bao thư ấy là một tờ giấy năm mươi đô la phẳng phiu. Không có gì khác. §

Đinh Phụng Tiến

TRẦN SA

nhận diện nó

Nó rất đáng sợ
Em phải tránh né nó!
Hãy nhớ
Tránh xa nó!

Rất dễ dàng nhận ra nó
Nếu ngày nào nó chọn em và hiện ra trước mặt
Có thể nó chỉ đơn giản dịu dàng
như một chiếc hoa mầu nhạt
hoặc rực rỡ huy hoàng như một vòng hoa hỗn sắc
Có thể nó ấm áp như nắng xuân
Mềm như lụa như nhung
Quyến luyến em như nước
Hỡi em, đó có thể là hình ảnh nó ban đầu!

Đừng dang tay ra đón nó, điều ấy sẽ là một lầm lỡ nặng nề
(Vâng, biết là khó cưỡng, nó vô cùng cuốn hút)
Chiếc hoa mầu nhạt lập tức sẽ đậm mầu
Vòng hỗn sắc sẽ ngàn lần lộng lẫy
Như tín đồ tuyệt đối tin lời dị giáo,
chúng vội vàng tiết hết hương đam mê
Nắng nóng dần lên, em choáng váng hoa mắt gần bốc cháy
Chất dược phiến thấm vào mỗi chân lông,
phủ bóng toàn thân
Mọi giác quan bị xâm nhập, lảo đảo và ngây ngất
Nhưng, hỡi em, đó chỉ là hình ảnh nó ban đầu!

Hãy tận sức đẩy nó ra không ngần ngại
Bởi em sẽ mộng du tiến sâu vào ảo cảnh
Sẽ cười to như một người say
Sẽ kêu lớn rằng mình hạnh phúc
Chẳng còn giống ai, ôi em bướng bỉnh buồn cười tội nghiệp
Có người ganh tị, hay thương hại,
xem em như một người điên
Dù thế, hỡi em, đó cũng chỉ là hình ảnh ban đầu!

Cũng dễ dàng nhận ra nó về sau
Dễ như ngày nào nó chọn em và lộ diện
Khi em bắt đầu mở mắt choàng tỉnh ra sau cái hôn dài
Nó đứng trước mặt em
Chính nó
Không một bông hoa, không chút nắng,
không cả một giọt sương
Lúng túng, trần truồng và buồn bã:
Nó chỉ là một con người!
Em có thể nhìn nó rất rõ ràng trong một chiếc gương soi
Vâng, sau khi hồi tỉnh, hỡi em,
hãy nhìn vào một chiếc gương soi lớn
Đó là hình ảnh nó, về sau!

Nó rất đáng sợ
Em phải tránh xa nó!
Hãy nhớ
Tránh né nó!
Bởi em sẽ thật là đau đớn
Sẽ vô cùng nhớ nhung
Nó-của-thuở-ban-đầu
Như vết thương ăn sâu

Những cái cắn của nó song hành với thời gian
tưởng sẽ làm hàn gắn
Trên con đường mù sương giữa khuya hiu hắt
hay buổi chiều mưa trút mãi không ngừng
Em sẽ muốn gào lên như loài sói tru trăng
Hoặc giam mình trong căn phòng tối tăm đóng kín
Em sẽ gục đầu ngồi bất động
Môi mím lại và mắt rưng rưng
Nào biết gọi tên ai
Khi những đoá hoa kia không hề có thực
Chỉ có em
Và giấc mộng không còn,
Nó rất đáng sợ
Em phải tránh né nó!
Hãy nhớ
Tránh xa nó!
Tốt hơn em hãy như bao người khác
Rất thực tế
họ chỉ sống với những gì cụ thể
nhún vai trước những giấc mơ
vỗ tay cho những tiếng cười
lắc đầu với những giọt lệ
Nhất là những giọt lệ riêng tư khó ai chia sẻ

Nếu không muốn như tôi
lạnh lẽo
nhớ nhung
đơn chiếc
buồn rầu
trống
trống
trống
rỗng...
Và ước vọng quên mình.

TRẦN SA

SĨ LIÊM

mối tình thơ

Một tuần lễ đi qua thật lẹ. Còn hai ngày nữa đã đến hẹn. Mặt trận cũng được hai bên chuẩn bị khá chu đáo. Bãi chiến trường sẽ diễn ra ác liệt tại sân đình và kéo dài tới hai chiếc cầu tre bắc ngang hai con kinh đào. Đó cũng là định mức ăn thua của trận đánh mà hai bên đã quy ước.

Chương trình mộ quân tình nguyện không giới hạn, do nơi tài thuyết phục, kêu gọi của thủ lãnh mỗi bên. Mỗi một ngày qua được khắc sâu vào gốc cây tre trước cửa đình. Tới cái dấu thứ mười là bắt đầu cuộc thư hùng.

Quang, lớn nhứt trong nhóm Phước Lâm được bàu làm thủ lãnh, còn Đáng to xác hơn được chọn làm chỉ huy của nhóm Thuận Thành. Quân sĩ không được trên mười bảy tuổi, từ mười sáu trở xuống cho tới mười tuổi. Lớn quá sẽ không còn xứng về sức vóc rồi sẽ xảy ra nhiều chuyện đáng tiếc, còn nhỏ quá sẽ không đủ sức tác chiến và can đảm cần thiết khi xung trận, đánh xáp lá cà.

"Quy ước" đã được hai phe ký kết: chiến bại không được mét với người lớn, không được la khóc, không được thù hận hoặc tìm cách trả thù hèn nhát. Kẻ chiến thắng không được kiêu căng phách lối, hiếp đáp người bại. Sau trận đánh, trẻ Thuận Thành và Phước Lâm vẫn là bạn bè của nhau, sống trong tình thương, chung sống "hòa bình".

Người chỉ huy phải tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh những điều quy ước đó.

Quang từ Sài Gòn về lánh nạn. Nó được mười sáu tuổi, nước da trắng, có học nhiều hơn trong bọn, lại là con trai của ông hương cả trong làng đã qua đời nên nó dễ dàng được bàu làm thủ lãnh. Quang ăn mặc sạch sẽ hơn hết: áo thun lá, quần sọt có hai túi sau, lên lai, thắt dây nịt da nhỏ, đầu chải láng có tí ti brillantine. Trông nó đẹp trai, lực lưỡng như một nhà thể thao. Từ ngày nó về làng tới giờ, các

cô thôn nữ ngây thơ cỡ tuổi 15, 16, 17 vào ra ngơ ngẩn, mất hồn mất vía, nhớ trước quên sau. Con Hạnh, em gái của Quang bỗng dưng nổi bật, sáng chói trong giới bạn bè trang lứa. Nó hãnh diện có một ông anh bảnh tỏn, nó đến đâu, các bạn gái bu quanh, đứa hỏi chuyện này, đứa hỏi chuyện kia, ôi thôi thì đủ thứ hết. Con Hạnh trả lời không kịp thở và tha hồ đặt điều thêu dệt về ông anh bô trai của mình. Nào là:

- Ảnh đã thi đậu bằng xẹt ti phi ca. Ảnh sắp lên trung học thì giặc đánh tứ tung phải nghỉ học về đây lánh nạn. Ảnh có tới mười bộ đồ Tây, bảy, tám đôi giày ba ta, nón cối mạ vôi thì hai, ba cái, còn dầu thơm thì cả chục chai đủ hiệu, nào là Coty, "Ce Que Femme Veut", nào là Lotion v.v...

Nghe nó hét, nó ca, các bạn nó, đứa thì tròn xoe đôi mắt, miệng há hốc, đứa thì nhắm nghiền đôi mắt, lim dim tưởng tượng chàng trai trong mộng, môi mấp máy, hai tay bứt xé lia lịa chiếc lá non.

Quang như một hoàng tử "hạ Phước Lâm". Hạnh thơm lây với anh. Nó theo sống với mẹ, bà hương cả, giờ đã góa chồng, sống thanh bần ở vậy nuôi con không tái giá mặc dù đàn ông góa vợ hoặc còn độc thân thường ve vãn, tán tỉnh xin cưới bà. Hạnh không được ăn học nhiều như anh. Nó cũng không thích đi học, nó thương mẹ, nó muốn ở nhà phụ giúp mẹ một tay việc trong ngoài. Tuy mới mười bốn tuổi đầu mà nó đã giỏi như một cô gái mười tám ở thôn quê. Bao nhiêu tiền tảo tần kiếm được, bà Cả dành dụm nuôi Quang ăn học nội trú ở Sài Gòn, trường Taberd.

Bà không ngại tốn hao. Bà hy vọng sau này Quang học thành tài sẽ là một vinh dự lớn của gia đình, của xóm làng. Bà làm hài lòng ông Cả ở suối vàng. Bà có nhắm mắt, bà cũng toại nguyện.

Quang ăn nói lịch sự, nhỏ nhẹ. Với trình độ học vấn, tuy chưa cao lắm nhưng đã biết lấy cảm tình của người lớn, gây thương mến đối với đám trẻ nhỏ tuổi hơn nó. Còn các cô gái trang lứa thì khỏi phải nói. Nó là mơ ước của các nàng. Thằng Đáng Thuận Thành, tuy không ưa nó lắm nhưng vẫn không dám ra mặt chống đối nó. Đáng lo sợ các cô bên làng nó sẽ theo về với Quang bỏ nó bơ vơ. Nghe đâu con Đào, hoa khôi Thuận Thành đã có lần theo con Hạnh gặp Quang rồi. Và từ ngày đó, con Đào tìm cách tránh mặt thằng Đáng.

Đáng nghi quyết con Đào đã bị thằng Quang hớp hồn vía. Đáng

thầm nuôi mối hận. Nó bày ra trận đánh này với một dụng ý, đúng ra là một âm mưu. Nó sẽ vi phạm các điều đã quy ước.

Quang đã có mười hai nam và năm nữ nghĩa quân, trừ con Hạnh là người nhà không kể. Đào năn nỉ với Hạnh xin gia nhập vào đoàn quân Phước Lâm nhưng Quang từ chối vì kết nạp người của phía bên kia, anh sẽ vi phạm quy ước chung. Đào buồn lắm. Đáng si mê con Đào nhưng Đào đâu thèm ngó tới mặt nó. Nó năn nỉ ỉ ôi xin Đào nhận một chơn y tá của đoàn quân nhà. Đào nhứt định chối từ viện lẽ không rỗi rảnh đi tập dượt và ba má không cho ra khỏi nhà. Đáng cho "đàn em", thằng Chuột đi dò la tin tức bên "đối phương". Chuột có khiếu về mặt tình báo, nắm được tin con Đào tình nguyện làm nghĩa quân cho làng Phước Lâm. Thằng Đáng tức muốn trào máu, quyết thắng cho bằng được trận đánh này, bắt sống cho được thằng Quang để trả thù.

Quang tổ chức hàng ngũ bên mình như một tay nhà binh chuyên nghiệp. Cạnh nó có hai đứa làm tham mưu, dưới nữa là hai "đại đội trưởng" chỉ huy hai cánh quân, khi lâm trận sẽ kẹp đối phương vào giữa và tiêu diệt. Các nữ nghĩa quân lo việc tiếp tế đạn dược và cứu thương kịp thời cho các chiến sĩ.

Vũ khí của hai bên là: ống trúc xoi lỗ, chiếc đũa tra cán vào một khúc trúc nhỏ làm ống thụt. Đạn dược là trái bố non. Nhét trái bố vào đầu ống trúc, đẩy đầu đũa vào đó rồi thụt thật mạnh. Trái bố nổ một cái bốp bay ra đầu kia của ống trúc bắn vào mặt, vào đầu, vào cổ đối phương. Xạ thủ phải có gan lì xáp tới gần địch thủ, bắn vào da thịt hắn. Bắn từ xa hoặc trúng vào áo quần, chỉ gãi ngứa đối phương thôi.

Trái bố già quá sẽ làm nứt ống trúc và bắn không kêu. Từ một tuần nay, trái bố quanh vùng hầu như cạn sạch. Quân sĩ hai bên đua nhau lặt hết. Giàn thun bị cấm sử dụng vì sợ gây thương tích. Một viên sỏi nhỏ cũng đủ làm đui con mắt hoặc lỗ đầu chảy máu. Hai bên cam kết chỉ dùng ống trúc và trái bố thôi. Ai vi phạm coi như bị xử thua trận.

Quang lo xa hơn, nếu trận đánh kéo dài, trái bố sẽ không đủ để chiến thắng. Nó có sáng kiến, dùng giấy nhúng nước cho mềm rồi vo tròn thay thế trái bố. Tuy không đau rát như trái bố, giấy ướt cũng tạm được khi kho đạn dược đã cạn. Giấy ướt nếu khéo vo tròn và khéo nạp đạn cũng làm đau lắm chớ không phải chơi.

Loại đạn này, Quang ra lịnh giữ kín không tiết lộ ra ngoài. Thằng Chuột đã bị con Hạnh phát giác. Phòng gian bảo mật được đề cao cảnh giác tối đa trong đội ngũ Phước Lâm.

Mỗi chiều, Quang và đồng đội kéo nhau ra ao làng tập trận. Toán nữ nghĩa quân, do Hạnh điều khiển, tập tiếp tế và cứu thương. Trong số đó, có con Kiểu, con ông Hai Chiến, nổi bật hơn hết. Nó mới mười lăm tuổi mà cơ thể đã ở tuổi dậy thì. Đôi vú nhô lên như hai quả cau, tóc bôm bê, da thịt màu bánh ích, răng đều và trắng, mũi dọc dừa, môi trái tim. Con Kiểu giống như lai Ấn Độ. Nó đẹp nhứt nhì làng Phước Lâm. Hoa khôi của làng này là con Thơm, mười sáu tuổi, đã có vị hôn phu, cậu Ẩn, một trai làng mười chín tuổi. Sang năm, Thơm sẽ về nhà chồng. Có gia đình sớm, Thơm chỉ là người ở không lương của gia đình bên chồng thôi. Bà Cả đã ngắm nghía con Thơm cho thằng con trai nhưng đã trễ rồi. Hoa khôi đồng nội đã có chủ, ván đã đóng thuyền, bà tiếc hùi hụi. Ở nhà quê, con gái vừa tới tuổi cập kê là đã có mối. Hũ mắm treo giàn bếp, ai cũng sợ có ngày hũ mắm đứt dây rớt bể làm hư thúi cả gia đình, dòng họ.

Con Kiểu để ý thằng Quang. Chiến tranh Nhựt - Đồng Minh đưa đẩy thằng con trai "sạch nước cản" về làng làm xao xuyến con tim của nhiều thiếu nữ, trong đó có Kiểu. Thằng Nhướng ở bên Mỹ Lộc coi như đã rớt khỏi trái tim non của Kiểu. Nhướng đeo đuổi Kiểu từ một năm nay. Mỗi lần Kiểu gánh lúa ra ngã ba Mỹ Lộc xay, thằng Nhướng bám sát theo, tình nguyện làm "tay sai" cho Kiểu. Nó lo chà lúa, vô bao cho Kiểu từ khâu đầu cho tới khâu chót. Kiểu cứ ngồi chơi để Nhướng làm cho. Nhướng còn gánh giùm gạo cho Kiểu về tới đình Nguyễn Đình Chiểu mới từ giã người đẹp, trở về nhà, lòng vui như mở hội mặc dù mệt muốn đứt hơi!

Đứa con trai có ăn học, ăn mặc sạch sẽ, trắng trẻo đã đạp thằng Nhướng, một trai làng da đen, cẳng chơn đầy phèn và khét nắng ra khỏi trái tim Á hậu làng Phước Lâm.

Thằng Nhướng vẫn mơ ước, thương trộm nhớ thầm và xây mộng đẹp. Kiểu thích thằng Quang hơn, nó choáng váng trước cái mã của Quang. Con Hạnh còn tán dương, ca sáu câu anh mình luôn, càng làm con Kiểu thêm ngây ngất.

Quang cũng thích con Kiểu hơn các bạn gái khác. Tối nào hai đứa cũng hẹn nhau sau cây rơm nhà Quang. Gặp nhau, hai đứa nói chuyện này nọ, tuyệt nhiên chưa ai dám động tới tay ai. Một khoảng

cách rõ rệt giữa hai đứa. Chưa đứa nào dám bước qua khoảng cách đó.

Một lần Kiều hỏi:

- Anh có bạn gái ở trên Sài Gòn không?

Quang lắc đầu:

- Hổng có. Trường toàn con trai, hổng có con gái.

- Anh về dưới này chừng nào trở lên trển?

- Hết giặc, tôi trở lên đi học lại.

Kiều ngây thơ:

- Chừng nào mới hết giặc?

- Hổng biết.

- Ai đánh với ai vậy?

- Nghe nói Nhựt Bổn đánh với Mỹ, Ăng Lê và Tây.

- Hổng có người Việt đánh giặc với họ sao?

Quang lắc đầu:

- Tôi hổng rõ lắm. Nghe nói người Việt mình là Việt Minh, mà Việt Minh thì đánh cả hai phía: Nhựt và Tây.

Con Kiều cất giọng buồn buồn:

- Hết giặc rồi, anh hết ở dưới này với tôi. Anh lên Sài Gòn ở luôn ở trển.

Quang mỉm cười:

- Thỉnh thoảng tôi về thăm má, thăm Hạnh và thăm...

- Anh thăm ai nữa?

- Thăm Kiều.

Kiều đỏ bừng hai má, nó cúi đầu, vo tròn lai áo. Ngón chơn cái ve ve trên nền đất. Quang muốn nắm tay Kiều. Nó không dám. Chưa dám! Nó nghe mùi da thịt pha lẫn với mùi dầu dừa trong mái tóc óng mượt của Kiều xông ngát vào mũi. Nó thấy cơ thể rạo rực.

Nó vụt chụp lấy tay Kiều kéo sát vào người nó:

- Kiều! Kiều!

Kiều giật mình run bần bật. Nó ấp úng:

- Quang... anh....

Nó gỡ tay ra, đẩy nhẹ Quang rồi phóng chạy thật nhanh, mất hút trong bóng đêm. Quang bàng hoàng, ngơ ngác. Nó chưa tỉnh cơn mê. Bóng đêm dầy mịt. Nó không thấy gì nữa. Từ một bụi rậm, con

chim cú đập cánh tung bay, cất tiếng kêu ghê rợn: "Cú! Cú!" Quang ngả lưng vào cây rơm, nụ cười nở trên môi. Trong tận cùng tâm hồn thơ dại của nó, một cái gì êm ái, mềm mại như nhung tơ vừa hình thành.

*

Trận chiến sẽ khai diễn vào lúc đúng ngọ. Hai bên đã dàn trận ở hai bên hông đình. Phía Đông đông hơn, mười bảy đứa, có hai anh em thằng Đực và Rô, hai tay lực lưỡng yểm trợ. Đực đã mười bảy tuổi, còn Rô mười sáu. Đáng cố tình không tôn trọng quy ước. Nó quyết đánh thắng trận này với bất cứ giá nào để phô trương thanh thế với Đào. Nó vẫn hy vọng Đào sẽ quay về với nó sau cái nhục của thằng Quang.

Quang vẫn giữ nguyên quân số mười hai nam và năm nữ. Bên nó chỉ có thằng Ba Giác là khỏe nhứt. Một mình nó có thể đánh ngã hai đứa cùng trang lứa. Nó làm đại đội trưởng cánh quân tả còn thằng Nam chỉ huy cánh hữu. Quang và hai anh em thằng Vàng thằng Bạc đi giữa.

Mặt trời vừa tới đỉnh đầu, quân thằng Đáng đã xung phong tràn qua bên trái đình làng tấn công tới tấp. Tiếng trái bố nổ dòn. Bị tấn công bất ngờ, quân của Quang phải chạy thối lui, rút vào các bụi rậm. Nhiều đứa đã bị trúng đạn rát rạt.

Thừa thắng, Đáng ra lịnh tiến chiếm các mục tiêu. Quang đứng lên, hét lớn:

- Xung phong lên anh em ơi! Bắn, bắn cho trúng.

Bị phản công bất ngờ, cánh Đáng thối lui, tán loạn hàng ngũ. Bị đuổi bắn chạy vòng vòng ngôi đình, Đáng phất tay một cái, nhiều viên sỏi bay ra từ bụi rậm chạm vào đầu, cổ cánh quân của Quang.

- Tụi bay ơi, tụi nó bắn giàn thun.

Quang la lớn:

- Ê, chơi gì kỳ vậy hả? Cấm bắn bằng giàn thun kia mà! Không được vi phạm quy ước. Không được... không được...

Mặc cho Quang hò hét, sỏi đá bay tới tấp vào người nó và các bạn đồng đội. Nhiều đứa đã trúng thương chảy máu.

Hạnh hò hét các nữ cứu thương xông tới kéo các chiến hữu về căn cứ săn sóc thương tích. Kiểu run bần bật:

- Chết rồi, tụi nó bắn bằng ná thun. Coi chừng anh Quang...

Hạnh dùng bông gòn thấm nước muối đắp lên các vết thương. Kiểu huy động đồng đội đưa các bạn bị thương về băng bó, săn sóc. Hai nữ nghĩa quân Soạn và Nhành vẫn tiếp tục tiếp tế đạn dược cho các chiến hữu theo đúng kế hoạch đã học tập.

Quang đã bị trúng đạn ở gáy và mặt. Nó cắn răng chịu đau hò hét:

- Anh em đâu, nhào tới đánh chúng nó. Tụi nó chơi trò mất dạy. Đánh chết tụi nó đi. Diệt Nhựt, đánh Tây anh em ơi!

Thằng Ba Giác hùng hổ nhào tới chụp một tên cầm giàn thun, đấm đá túi bụi. Nó đoạt vũ khí của đối phương, bắn vào đầu thằng Đáng. Đáng lỗ đầu chảy máu, nó hô to:

- Đực, Rô đâu. Bắt sống thằng Quang cho tao.

Anh em thằng Đực xô tới cặp cổ thằng Quang, đè nằm xuống đất. Thằng Đực định trói Quang lại thì anh em thằng Vàng, Bạc phóng tới đấm đá như mưa bấc vào người Đực, Rô.

Trận chiến hỗn loạn. những điều quy ước đã bị vi phạm. Cuộc chiến nào cũng bẩn thỉu, ghê tởm.

Thằng Ba Giác bám sát theo thằng Đáng, một chọi một. Hai đứa quần thảo nhau ra tới cửa đình. Mặt mũi hai đứa đã rướm máu, áo quần tơi tả. Thằng Giác lì lợm, càng trúng đòn, nó càng hăng, cứ lủi vào đối phương như trâu điên. Đáng đuối sức thụt lùi, thụt lùi. Giác càn lướt tới, đấm đá liền tay. Đáng bỏ chạy. Giác rượt theo. Quân của Đáng bắt đầu rối loạn. Nhiều đứa tháo chạy về con kinh định qua cầu khỉ thoát thân. Quân của Quang rượt nà tới. Nhiều đứa chiến bại té xuống nước chới với hoặc p'hóng xuống kinh lội qua bờ bên kia.

Tôn trọng những điều cam kết, quân của Quang dừng tay, không rượt đuổi nữa. Con kinh là định giới của kẻ thắng người bại.

Trên bãi chiến, anh em thằng Vàng, Bạc đã đánh nhừ tử anh em thằng Đực, Rô:

- Tụi bay hèn nhát, tao cho một trận nhớ đời. Bịch... bịch...

- Gian lận nè, bịch... bịch... bội ước nè, bịch... bịch... bắn lén nè, bịch... bịch...

Anh em thằng Đực, Rô quỳ gối xin tha. Đằng kia, Giác đã bắt sống được Đáng. Nó bẻ quặp tay Đáng ra sau lưng, một tay bóp cổ Đáng đẩy về căn cứ:

- Cho mày bỏ cái tội lưu manh. Từ nay chừa nghe mậy. Thấy mặt tụi tao mày nên tránh, nghe chưa mậy?

Đáng mếu máo:

- Nghe, dạ nghe.

Quang ôm một bên má rướm máu. Một viên sỏi làm tét da mặt nó. Kiểu chạy tới, quỳ một gối, ôm mặt Quang lo sợ hỏi:

- Anh Quang, anh có sao không? Trời ơi, máu, anh chảy máu.

Quang gượng đứng lên:

- Không sao, không sao. Anh em có nhiều người bị thương không?

- Có năm người bị thương. Tụi nó... bắn bằng giàn thun.

- Có nặng lắm không?

- cũng như anh vậy đó.

Kiểu ôm ngang người Quang dìu đi. Nó không còn áy náy, ngại ngùng nữa. Nó đang đóng vai trò nữ cứu thương. Quang đi bên cạnh Kiểu, nó hãy còn đang sống với cuộc chiến và đang đi bên cạnh một chiến hữu.

Có tiếng reo hò:

- Bên ta toàn thắng!

- Tụi mình chiến thắng. Tụi nó tan rã, chạy trốn hết rồi, anh em ơi!

- Hoan hô! Hoan hô!

Vừa trông thấy mặt Đáng, Quang chép miệng thở dài. Giác đề nghị:

- Ê Quang, bắt được đầu đảng rồi, mình nên xử tử nó đi.

Hạnh bước tới vả vào mặt Đáng:

- Thằng chó. Đồ hèn nhát. Ai cho phép mày bắn giàn thun hả mậy?

Các cô gái xỉ xỏ vào mặt Đáng, chửi rủa thậm tệ. Chỉ có Kiểu lặng thinh nhìn đăm đăm vào vết thương trên mặt Quang đã được băng bó.

Quang xua tay:

- Thả nó về đi.

Nhiều tiếng lao xao:

- Tại sao lại thả?

- Gì kỳ cục vậy? Tội nó lớn lắm mà.

- Cho nó đeo cái thẹo trên mặt rồi hãy thả nó về.

Đáng nhăn nhó, mếu máo:

- Xin tha cho tôi. Từ đây về sau tôi... hổng dám nữa.

Giác định xốc tới đánh. Quang ngăn lại:

- Thôi, đủ rồi. Nó đã biết nhục rồi. Tha cho nó đi.

Nó nói với Đáng:

- Nè Đáng, hãy bỏ cái thói nuốt lời hứa hẹn, cam kết đó đi. Còn nhỏ mà mày đã xỏ lá rồi, sau này lớn lên, mày chỉ là đồ vô dụng của xã hội mà thôi. Mình tập đánh trận với nhau để nhắc nhở tụi mình nên thương nước, oán ghét quân xâm lăng chớ nào phải để ghét bỏ, đánh giết lẫn nhau. Mày đã lầm rồi. Tụi tao khuyên mày về hãy suy nghĩ lại. Cùng một tỉnh quận với nhau, tụi mình nên thương nhau hơn là ghét nhau.

Đáng cúi đầu:

- Tôi xin nghe. Anh nói rất phải. Tôi hối hận lắm. Xin cám ơn anh, các anh... các chị...

Quang nhỏ nhẹ:

- Thôi, Đáng về đi. Yên tâm, không ai oán hận anh nữa đâu. Không ai theo đe dọa anh nữa đâu.

Đáng gục mặt lầm lũi đi. Nó không dám quay nhìn lại phía sau. Mọi người ngó theo nó. Lòng đứa nào cũng lai láng niềm vui. Vui chiến thắng, vui với thái độ vị tha khoan hồng của Quang, vui vì đã học được ở Quang bước đầu của tình yêu nước và tất cả đã nghe lòng nhen nhúm ngọn lửa chống ngoại xâm.

Riêng Kiều, nó nhìn Quang với ánh mắt trìu mến. Nó thấy ở Quang một tâm hồn cao vời vợi. Lửa ấm vô hình từ người Quang len lỏi vào trái tim trong trắng của nó. Nó muốn chồm tới ôm Quang vào lòng, siết tận cùng sức mạnh của vòng tay. Nó cảm thấy chìm lim vào giữa cơn say đắm của tình yêu thơ dại, đầu đời.

*

Sài Gòn, Chợ Lớn và ven đô không còn bị ném bom nữa. Chết chóc đã buông tha mạng sống người Việt Nam vô tội. Nhựt đầu hàng vô điều kiện. Giặc giã tạm yên. Sanh hoạt mọi ngành trở lại bình thường, kể cả học đường.

Quang phải từ giã quê nhà trở lên Sài Gòn tiếp tục học hành.

Trời đêm ba mươi thật tối. Đưa bàn tay trước mặt cũng không thấy rõ. Thỉnh thoảng vài con đom đóm lập lòe di động trong các tàng cây sau vườn. Quang đã chờ sẵn cạnh bờ ao. Nó lắng nghe tiếng chân, chỉ nghe thôi, không tài nào trông thấy được bóng người. Nó chờ khá lâu rồi. Kiểu vẫn chưa tới. Nó sốt ruột, đứng ngồi không yên. Nếu không gặp nhau tối nay, sáng sớm mai Quang đã lên đường. Biết bao giờ mới trông thấy lại nhau? Hình bóng người con gái quê đã in đậm nét trong lòng nó từ sau "trận giặc" chống Nhựt, chống Tây toàn thắng.

Con Hạnh quả quyết với anh trai là Kiểu thế nào cũng tới. Nó tình nguyện làm liên lạc viên nối liền Quang - Kiểu. Nó rất thương Kiểu. Nó muốn anh nó cũng thương Kiểu như nó. Tình yêu là cái gì, nó chưa hiểu rõ. Nó chỉ hiểu hai người thương nhau, đó là tình yêu.

Tiếng cá ăn móng dưới ao, tiếng dế ngân nga, tiếng chó sủa từ xa vọng lại, tiếng chim ăn xoài, mận chín rơi rụng... Quang nghe rõ tất cả. Nó cảm thấy cô đơn kỳ lạ. Chờ đợi giữa ban ngày đã thấy thời gian trôi đi thật chậm và nghe cõi lòng khô cằn, bốc khói. Chờ đợi trong đêm tối đen, tĩnh mịch thì mỗi phút nặng nề xê dịch càng thêm ngao ngán, não nề gấp bội. Thần kinh căng thẳng. Nghe như có đám cháy trong lòng.

Quang nín thở. Hình như có tiếng chân đạp trên lá, cành khô. Nó vụt đứng lên, tiếp tục nghe ngóng. Có phải Kiểu không hay là trộm nhà vườn?

- Anh Quang!

Tiếng gọi thật khẽ. Im lặng hoàn toàn. Tiếng xoài, mận rớt. Tiếng chim đập cánh bay đi.

- Ai đó? Phải Kiểu không?

Quang vẫn chưa tin. Có thể là Hạnh.

- Anh ở đâu?

- Đây nè. Phải Kiểu không?

- Em không thấy gì hết. Tối quá!

Rõ ràng giọng nói của Kiểu. Quang mừng như bắt được vàng. Nó sờ soạng đi tới:

- Anh đây nè. Đây nè.

Hai đứa cùng đưa tay ra trước, lần dò từng bước một. Như có sức hút vô hình kéo hai đứa sát lại nhau. Cái chạm nhẹ vào nhau làm

hai đứa giựt mình. Chỉ một thoáng thôi rồi cả hai có ngay cảm giác như hai dòng điện chạm vào nhau. Êm ái, ấm áp lạ thường. Quang nắm chặt tay Kiều, kéo nhẹ. Kiều mất thăng bằng ngã vào lòng Quang. Nó ôm chặt cơ thể nóng bỏng, run se sẽ:

- Anh... em... sợ quá!

Quang cúi xuống hôn lên tóc Kiều. Mùi nước hoa thơm nhẹ, mùi da thịt ngọt ngào quyện lấy tâm hồn Quang.

- Em sợ gì? Có anh đây mà.

Quang nghe rõ cơ thể người con gái run rẩy trong vòng tay mình. Gió đêm, sương đêm, hơi lạnh... tất cả không đủ làm Quang tê cóng. Có ngọn lửa ấm áp đang nằm gọn trong vòng tay nó đây rồi.

Kiều khẽ hỏi:

- Anh chờ em có lâu lắm không?

- Em đã tới, anh không còn nhớ nữa. Chỉ còn tối nay nữa thôi, chờ em tới bao lâu, anh cũng ráng.

Giọng Kiều mất bình thường:

- Đợi ba má ngủ yên rồi em mới dám đi. Anh Quang, có thật sáng mai anh đi rồi không?

- Thật! Không thể ở lại thêm được nữa. Sáng mốt, nhà trường mở cửa lại, anh phải trở lên Sài Gòn sửa soạn tập vở nhập học.

Kiều sụt sùi. Tay nó níu chặt tay Quang như sợ rời mất Quang. Ngày mai, đời bé bỏng nó sẽ quạnh hiu. Trước cổng, sau vườn, trên cánh đồng bao la, bát ngát, ao làng, ngôi đình, bờ đắp ngoằn ngoèo quanh co, ngang dọc... tất cả hình ảnh của đồng nội ngút ngàn sẽ không còn gì đáng cho Kiều thiết tha, lưu luyến. Hồn nó sẽ theo bước chân ai bỏ nơi này mà đi vĩnh viễn.

Quang áp má vào mặt Kiều. Nước âm ấm thấm vào da thịt Quang. Nó âu yếm hỏi:

- Kiều có thương Quang không?

Kiều cúi đầu lặng thinh. Tiếng đập thình thịch của con tim đáp thay lời nói thương yêu. Nó nắn bóp bàn tay gã con trai từ đâu xa lắm về đây làm xáo trộn tâm hồn thơ dại của nó. Nó sắp sửa phải xa gã rồi.

- Anh có về thăm Kiều nữa không?

- Có! Lâu lâu Quang về thăm Kiều, thăm mọi người và... cảnh vật thân thương.

Kiểu thỏ thẻ:

- Em phải chờ anh tới chừng nào?

Quang cười:

- Thì... một tháng, hai tháng, trong những ngày nghỉ lễ anh sẽ về.

- Không phải đâu, không phải vậy đâu.

- Vậy chớ sao? Kiểu, em muốn nói gì?

Ngập ngừng một lúc, Kiểu đổi hướng:

- Em... em nhớ anh... nhiều lắm.

- Anh biết. Anh cũng nhớ Kiểu nhiều lắm. Chuyến đi Sài Gòn này, anh cảm thấy nặng nề hơn chuyến về.

Kiểu ngây thơ:

- Bộ anh đem theo đồ đạc gì nhiều lắm sao?

- Đồ đạc không có gì nhiều. Chỉ có em là... nặng lắm thôi!

Nó siết chặt tay Kiểu. Kiểu ngước lên chau mày:

- Anh nói gì? Em... em đâu có theo anh mà anh...

Quang cười trong tóc, trong cổ, trên ngực Kiểu:

- Tội nghiệp! Em tôi... ngây thơ quá. Kiểu, nếu em...

Nó nắm hai vai Kiểu, nghiêm nghị tiếp:

- Kiểu, nếu em thương anh thiệt, em có thể chờ anh không?

Kiểu cúi đầu e ấp:

- Chờ... anh!

- Chờ anh học xong, anh sẽ về cưới em.

- Chờ tới bao giờ. Có lâu lắm không?

- Chừng ba hay bốn năm nữa. Có tú tài rồi, anh sẽ thôi học về đây xin cưới em.

- Ừa, em sẽ chờ anh.

Kiểu ngả đầu lên vai Quang. Hai đứa giờ chỉ còn là một. Đêm càng đầy đặc thêm. Sương đã xuống. Gió thổi nhẹ. Mọi tiếng động chung quanh không còn nghe rõ nữa. Chỉ có tiếng đập tim của hai đứa nó. Chỉ cần cái đẩy nhẹ của Quang, Kiểu đã nằm xuống. Chỉ cần một đôi lần nài ép, Kiểu sẽ dâng trọn kho tàng vô giá của mình cho Quang.

Hai đứa ngồi sát vào nhau bên hồ, lặng thinh rất lâu. Không còn

gì để nói với nhau nữa. Đã nói hết với nhau rồi. Đã hiểu rõ, rất rõ những gì muốn và những gì đang xảy ra và sẽ xảy ra.

Kiều và Quang cố níu thời gian đi chậm lại, thật chậm, để được gần gũi bên nhau lâu hơn. Chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa thôi, Quang sẽ để lại làng Phước Lâm một tấn sầu muộn, thương nhớ nặng quằn trong tam hồn người thôn nữ.

Cuộc chia tay nào cũng buồn da diết. Chia ly là chết trong lòng một ít. Không gì đẹp hơn mối tình đầu. Trong cái thơ dại, trắng trong, tình yêu nẩy mầm, trổ hoa và kết quả khá nhanh. Hương tình yêu nồng nàn thơm lừng như hoa bưởi. Tuổi thơ ngây say khướt trong men rượu yêu đương. Không và thời gian không còn khả năng hiện hữu chung quanh họ nữa.

Quang và Kiều mất hút trong bóng đêm.

*

Phong trào Trần Văn Ơn rầm rộ, sôi nổi nhứt trong giới học đường. Thầy giáo Việt văn giảng bài lịch sử với các đề tài chống ngoại xâm. Những nhân vật lịch sử, những anh hùng dân tộc: Quang Trung, Lê Lợi, Trần Nhật Duật, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo v.v... được các thầy mổ xẻ ca tụng, vinh danh. Học sinh nghe lòng mình rộn rã, sôi sục dòng máu ái quốc, kiên cường, bất khuất.

Quang bị thôi thúc một phần do bài học, một phần do bạn bè. Lớp học ngày thêm vắng. Nay mất thằng Giang, mai thiếu thằng Vũ, mốt điểm danh thấy vắng thằng Xuân.

Từng cuộc họp bỏ túi ở quán nước, ở rạp chớp bóng, ở vệ đường. Liên lạc viên từ trong rừng về thành công tác dẫn dắt các thanh niên học sinh vào khu kháng chiến.

Quang không thể mài đũng quần trên ghế nhà trường trong khi bạn bè thân thương giục giã lên đường theo tiếng gọi của non sông.

Lời ca hùng hồn có tác động dữ dội, như lúc nào cũng thôi thúc, giục giã:

Này thanh niên ơi, đứng lên đáp lời sông núi
Đồng lòng cùng đi hy sinh mở đường khai lối
Vì non sông nước xưa, truyền muôn năm chớ quên...

Quang đã thuộc nằm lòng và mỗi lần cất tiếng hát là mỗi lần các khu chiến xích lại gần hơn quyết tâm của tuổi trẻ. Quang từ giã trường Taberd, vĩnh biệt bạn bè thân thương lên đường. Nó chỉ có mỗi hối tiếc gần như mặc cảm phạm tội: nó không xin phép mẹ và

tạm biệt mẹ già yêu dấu. Tình yêu tổ quốc không cần phải xin phép ai và không một ai có quyền ngăn cấm. Quang thương mẹ già nơi quê ngoại ngày đêm kỳ vọng rất nhiều ở đứa con trai duy nhứt. Nó học thành tài nên người, bà mừng và hả hê thỏa mãn. Nó xếp bút nghiên vào khu đánh Tây cứu nước, nó bẻ gãy ước vọng của mẹ hiền nhưng nó tỏ ra xứng đáng là trai thế hệ, dù nó có chết, cái chết của nó cũng làm rạng danh dòng họ Hồ.

Thấm thoát đã mười năm qua. Mật khu Hố Bò đã in đậm nét vết chân của Hồ Trung Quang. Bây giờ Quang đã là một chiến sĩ sáng ngời tên tuổi. Kháng chiến đối với anh không đồng nghĩa với một đảng phái nào. Kháng chiến là yêu nước, là giải phóng quê hương dưới gông cùm, xiềng xích ngoại bang. Kháng chiến chỉ có ý nghĩa đơn thuần và trinh bạch là giải phóng dân tộc.

Bà Cả qua đời sau cơn bạo bịnh. Hạnh đã có chồng con. Nó theo chồng về Rạch Kiểng. Nhà xưa đã bán lại người khác, ruộng vườn phần bị bỏ hoang, phần bị bom đạn phá hủy. Dấu vết một thời trẻ thơ yêu dấu đã phai mờ với thời gian.

Quang ngậm ngùi hồi tưởng bao kỷ niệm hãy còn xanh tươi trong ký ức. Đứng trước lũy tre bọc kín mái ấm gia đình giờ đã thuộc người xa lạ, anh không cầm được nước mắt. Đã lâu lắm rồi, anh không được khóc. Nước mắt như dòng suối bị chắn ngang, giờ thoát qua ngõ ngách, tuôn trào lai láng. Mẹ đã ra người thiên cổ. Nhìn mặt mẹ một lần cuối, anh cũng không làm nổi. Mẹ vĩnh biệt cuộc đời giữa lúc anh lặn lội trong rừng sâu. Nhà tan cửa nát trong lúc anh đang quên mất bản thân mình, hy sinh trọn vẹn cho lý tưởng, cho mộng đẹp của trai thời loạn. Em gái vu quy giữa lúc anh quên ăn, quên ngủ, đêm ngày thao thức canh phòng giữa địa đạo, trong giao thông hào hoặc bên ngoài đồn bót địch.

Gục đầu bên mộ mẹ, Quang tạ tội và lâm râm khấn vái. Ngôi mộ xanh cỏ, ngập nước. Quang tưởng chừng như hồn mình cũng đang ngập lụt, ngạt thở. Ruộng đồng vẫn bao la bát ngát nhưng cỏ rạ nhiều hơn lúa thóc. Nhiều hố bom làm rỗ mặt cánh đồng. Ngôi đình làng đổ sụp. Mái ngói loang lổ, tường vôi nghiêng ngả. Cảnh vật điêu tàn, thê lương.

Bãi chiến năm xưa vẫn còn hiển hiện trước mặt Quang. Có thể những viên đạn trái bố đã khô cứng nhưng hãy còn sót lại đó đây.

Hình ảnh trận đánh ác liệt của trẻ thơ lần lượt hiện về, chuyển động chậm chạp trong ký ức Quang.

Anh nhớ từng tên "bạn" cũng như "thù": thằng Đáng, Vàng, Bạc, thằng Ba Giác, anh em thằng Đực, Rô... anh cũng chưa quên bầy con gái thân thương: con Nhành, con Lủng, con Soạn... Quang cũng còn nhớ người con gái bên làng Thuận Thành: con Đào, hoa khôi đồng nội. Bây giờ tất cả đã tản lạc khắp nơi. Có đứa bây giờ đã an bề gia thất. Có đứa đã chết vì bom đạn tại quê nhà hay trong chiến khu, ngoài trận chiến. Kẻ theo bên này, đứa theo bên kia, tự mình làm kẻ thù của nhau, quên mất mình cùng chung một mẹ Việt Nam và ở thuở nào, chúng mình là bạn thơ ấu của nhau.

Quang lần dò đến thăm từng dấu vết kỷ niệm. Lòng anh bâng khuâng, xao xuyến. Vật đổi sao dời. Không có gì trường cửu với thời gian.

Tới trước nhà chú Hai Chiến lúc nào Quang cũng không hay. Tiếng con chó vện sủa từ trong cổng rào tre, Quang giựt mình dừng bước. Trái tim anh đập mạnh. Cảnh nhà trước mặt không mấy đổi thay. Vẫn bờ ao nước đục, vẫn bên mặt vườn xoài, bên trái vườn cam quít và mận, nhưng cây cối đã cỗi già, cành lá bớt xanh tươi. Hai dãy bông bụp chạy dài từ cổng vào tận trong sân không còn được cắt xén khéo gọn như thuở nào nữa. Hàng đá ong thẳng tắp đã phủ rêu xanh.

Quang bước trên từng tảng đá, mắt không rời bé gái khoảng mười tuổi đang đứng bên con vện ở đầu sân. Con vện rống cổ sủa vang.

Nụ cười thật tươi trên môi, Quang hỏi đứa bé:

- Có ai ở nhà không cháu?

Bé lắc đầu:

- Hổng có.

- Ba má em đâu?

- Ba đi "guộng". Má ở dưới bếp nấu... nấu cơm heo.

Quang vò đầu nó:

- Em tên gì?

- Tên Nhàn.

Quang ngó mông vào nhà. Háo hức trở lại quê xưa gặp lại Kiều giờ đã tan dần trước mặt bé Nhàn. Anh đoán chừng người xưa đã có

chồng, có con. Mười năm quá lâu không thể cầm giữ một cô gái quê đủ sức chờ đợi người tình thuở ban đầu đi mãi không về. Phận gái áo mặc sao qua khỏi đâu! Kiều lại có nhan sắc, Kiều không thể nào chống cự quyết định tối thượng của mẹ cha. Cắn răng ở vậy để chờ người xưa trở lại, Kiều sẽ lật ngược quan niệm phong kiến cổ hủ của song thân, bấy giờ vẫn còn đè nặng trên xã hội Việt Nam. Mười năm giá sạch, tiết trong. Mười năm chung thủy với tình đầu. Mười năm chống trả và thắng tất cả áp lực từ trong tới ngoài gia đình. Không, Kiều không đủ sức làm nổi việc kinh động đó.

Quang cúi xuống hỏi nhỏ:

- Má em tên gì?

Bé Nhàn đáp nhanh:

- Má tên Kiều.

Kiều? Vậy là rõ rồi. Hết rồi!

Anh uể oải đứng lên, nhìn vào nhà. Như có một màn sương mỏng che khuất tầm mắt anh. Nếu giờ đây có người đàn bà xuất hiện, Quang sẽ biết ngay đó là Kiều, người con gái từ mười năm trước, anh đã ôm siết trong đêm giã biệt và chính Kiều đã thỏ thẻ: "Em sẽ chờ anh".

Con vện vẫn sủa khách lạ. Nó đứng sát vào bé Nhàn như muốn bảo vệ cô chủ nhỏ.

Chợt có tiếng gọi từ trong vọng ra:

- Nhàn ơi Nhàn! Chuyện gì con vện sủa dữ vậy con?

Con Nhàn lớn tiếng:

- Có ông nầy kiếm má nè!

- Ai vậy con?

Quang đứng chết lặng. Một người đàn bà xồ xề, ăn mặc xốc xếch, tay bồng con nhỏ đang ngậm đầu vú mẹ, tiến ra hàng ba.

Quang không hay mình lên tiếng gọi:

- Kiều!

Kiều giựt mình, lùi ra sau, kéo đứa nhỏ ngay lại, che vội áo ngực, ấp úng:

- Ông... ông là ai?

Quang rướm nước mắt:

- Quang! Quang đã... trở về. Kiều...

Kiều run lên, ôm chặt con vào lòng, mếu máo:

- Không... không. Tôi... tôi... không phải là... Kiều.

Kiều xoay người lại, lảo đảo chạy xuống bếp. Tiếng nức nở hòa lẫn với tiếng chân trốn chạy nặng nề.

Bé Nhàn bỏ Quang chạy theo mẹ. Con vện đuổi theo phía sau.

Quang lặng người, đôi mắt nhòa lệ nhìn theo bóng người xưa, giờ đã thành một thiếu phụ quê mùa chất phác, tầm thường. Dĩ vãng đẹp tuyệt vời vẫn còn đó. Hình ảnh một bé Kiều diễm kiều, ngát hương hoa bưởi vẫn còn đậm nét trong trái tim Quang. Nắng quái hoi hóp sau bờ tre. Bóng Quang mờ dần và tan ra trong màn đêm tĩnh mịch. §

Sĩ Liêm

HÀN SONG TƯỜNG

nhìn gương

Người thà như tăm cá
Cho ta đứng bên hồ
Sầu lòng ta vô hạn
Đã võ vàng dấu xưa.

Người thà như bóng nắng
Chiếu hoài ngoài hiên trưa
Ru ta câu trầm lặng
Lời sám hối nào vừa.

Người thà như hạt bụi
Trên tay ta không cùng
Bay theo ta ngàn dặm
Nào đã thấy trầm luân.

Người thà như ta đó
Nhìn gương tìm thấy người
Nụ cười xa diệu vợi
Giam ta một đời thôi.

HÀN SONG TƯỜNG

LÊ THỊ THẤM VÂN

bèo giạt

Trương Thị Mận, cái tên nghe thật giản dị, đầy nữ tính và rất... Việt Nam. Nhưng qua đến xứ Mỹ này thì hoàn toàn trái ngược. Mận trở thành "*Man*" - người đàn ông. Gặp nhau, tử tế thì chào hỏi: *Hi! Man*, kèm theo nụ cười nửa miệng, còn không, sẽ là: "*Come on! Man*", nếu giọng kéo dài, người nghe thoáng chút dịu dàng, che chở. Còn nếu nói nhanh, người nghe nghĩ ngay đến hình ảnh hai đứa Mỹ con đang hùng dũng xăn tay áo, sẵn sàng lâm vào cuộc chiến.

Trương Thị Mận, tên con bạn gái tôi quen từ năm cuối trung học. Những lần gặp tôi, tình cờ hoặc cố ý thì y như rằng, đời nàng đã vào... ngõ bí, và tôi, bờ đê được nàng tự dựng lên để ngăn dòng nước ào ào tuôn chảy. Bờ đê nhìn từ xa rất ư kiên cố, như thành trì... chống cộng, nhưng lại gần, sờ mó được thì nó chỉ là bờ tường được nặn bằng tảng đất sét thật to.

Mận, hai vai ngang và mỏng, đi với cái cổ đầy xương. Nhiều lần nhìn Mận rung vai ngồi khóc tôi đếm đủ và nhớ nằm lòng. Trên khuôn mặt Mận, từ nước da đến mắt mũi miệng, ba điểm chính tất cả đều nhàn nhạt, phẳng lì không để lại dấu vết gì cho người đã có cơ hội đối diện. Ngoại trừ cặp lông mày rất đặc biệt, rậm rạp, đen thui, giao nhau ở giữa bằng một vòng xoắn quăn tít, càng ra phía thái dương lại càng có khuynh hướng đi... lên, nhìn xa như hai thanh kiếm đẹp nằm gác ngang.

Lần đầu tiên "cơ duyên" gặp Mận là một buổi trưa. Tôi vừa xong giờ toán, đồng lúc Mận cũng từ trong thư viện bước ra. Hôm đó là *short day*. Mận đi trước tôi vài bước, dáng đi nửa lúc thúc nửa lủi thủi, vai đeo cái *back pack* chứa đựng rất nhiều sách. Cái áo *jacket* màu olive đậm dài phủ trọn người nàng. Mận bước một bước

tôi bước một bước, Mận bước hai bước tôi bước hai bước. Ngọn gió cuối đông thổi những sợi tóc đen dài của nàng bay bay. Nhìn Mận từ phía sau, bỗng dưng không hiểu sao tôi đoán cô gái này là người "đồng hương". Nghĩ thế, tôi cố vội bước nhanh, khi qua được mặt nàng, tôi quay phắt nhìn thẳng vào mặt Mận, cái nhìn vừa thỏa được tính tò mò lại vừa sỗ sàng vô lý. Mận cũng thoáng nhìn lại tôi, nhưng liền né tránh, có gì ái ngại lơ ngơ trong đôi mắt đó? Tôi bước nhanh qua mặt Mận, còn rán ngoái cổ nhìn lui, bụng nghĩ thầm "Việt Nam da vàng mũi tẹt chính gốc, không chạy đâu được".

*

Khoảng vài tháng sau ngày "coi" cho được mặt Mận. Một buổi chiều, sau giờ tan học. Hai đứa ngồi trên băng ghế đá trước cổng trường, Mận đã kể tôi nghe lý do nàng đi Mỹ. Trước khi kể, Mận khóc rất lâu và cứ ấp úng không biết bắt đầu "vào đề" như thế nào. Mặc dầu nàng tự ý muốn giải bày tâm sự. Bao giấy *kleenex* của tôi đã sử dụng gần hết để thấm nước mắt cho Mận, vậy mà Mận vẫn còn loay hoay... ngồi khóc. Tôi bực mình, hết cả kiên nhẫn, lòng thương xót, tội nghiệp lúc đầu tan biến mất. Tôi hỏi một câu rất... lạnh:

"Bộ vượt biên, bị *rape* hả?"

Thay vì ngưng ngang tiếng khóc, tay phải chùi nước mắt, tay trái chùi... nước mũi, và đứng bật dậy như cái lò xo, chửi thẳng vào mặt tôi là thứ ăn nói... hồ đồ. Trái lại, Mận nói nhỏ, rất nhỏ:

"Không, không phải như thế Ellen ạ".

"Thế thì sao?" Giọng tôi thoáng bực bội, tôi có coi một bài báo ký giả Mỹ viết đầy đủ chi tiết về những người đàn bà, con gái Việt Nam bị tụi hải tặc Thái Lan hãm hiếp trên đường vượt biên... giờ vẫn còn ám ảnh trong đầu. Hai chân tôi khoanh tròn trên ghế, tay bứt mấy cái lá non vò nát. Tôi không nhìn Mận:

"Thôi, không nói thì thôi, việc gì phải khóc".

Tiếng khóc Mận dịu dần rồi im hẳn. Hai tay nàng nửa vân vê nửa chà xát cái *back pack* màu nâu đen kê trên đùi.

"Ellen, để mình nói...".

Và nàng bắt đầu nói.

"...Ellen biết anh chàng mỗi chiều hay đến đón mình đi học về không?"

"Biết" tôi trả lời, "Anh chàng nhỏ con, răng hô, mắt ti hí, đeo cái kiếng cận to choán hết nửa khuôn mặt, nước da xanh mướt như tàu lá chuối. Áo quanh năm bỏ ngoài quần... phải không?"

"Ừ, ừ anh Tánh đó, ảnh hơn mình hai tuổi. Ảnh đã đưa mình sang đây, bị ảnh là tài công nên chủ ghe cho được bốn chỗ ngồi, ba má ảnh hai chỗ, hai chỗ còn lại là của ảnh và mình. Suốt mấy ngày lênh đênh trên biển, mình cứ phải loay hoay gắng làm sao duỗi thẳng được hai cái chân...

Ở Việt Nam nhà mình nghèo lắm, nghèo đến độ không thể nghèo hơn được nữa. Học xong lớp Ba mình phải ở nhà phụ má trông em. Trên mình có hai ông anh, dưới mình có năm đứa em nhỏ. Ba bị chết trận, má mình lại bịnh hoạn quanh năm. Cả nhà ăn bữa đói bửa no... Một bữa đi ngang qua nhà bà hàng xóm, thấy người lớn, con nít bu quanh, mình cũng tò mò vô xem. Ôi! Một thùng quà từ Mỹ gửi về, những bịch bánh kẹo xanh xanh, đỏ đỏ nằm lẫn giữa đống vải vóc, thuốc lá... Mình đứng trố mắt, nghĩ là đang nằm mơ.

Thùng quà của bà hàng xóm nhận được từ đứa con gái lớn ở Mỹ đã làm mình thắc mắc mãi nơi được gọi là nước Mỹ, mình nghĩ nếu đi được qua bên đó, mình cũng sẽ gửi về cho cả nhà những thùng quà còn to hơn vậy nữa, dù mình không biết xứ Mỹ nằm ở đâu. Gần mười sáu tuổi mình vẫn chưa bao giờ bước chân ra khỏi cái xóm chài nghèo nàn đó.

Anh Tánh xuất hiện như một vị cứu tinh.

Tánh xấu trai, mình cũng biết chứ, nhưng ảnh được cái lanh lợi, má mình nói vậy. Ảnh còn lanh hơn mấy tay công an trong xóm, ảnh qua mặt tụi nó vù vù. Gặp má mình lần đầu, ảnh đã xưng má má con con ngọt xớt, mà lần nào đến nhà mình, tay ảnh cũng xách cái bịch hay bưng cái rổ đựng đầy cá tươi.

Đêm đầu tiên đến được đất Thái, sau khi "đè" mình xong, ảnh nói: "Lần đầu tiên gặp em, anh nghĩ em phải là vợ của anh, nếu đi Mỹ, bằng mọi cách anh phải đưa em theo". Rồi tiếp, giọng nghiêm nghị: "Chỗ ngồi của em trị giá hai cây, mẹ thằng Lâm cạnh nhà sẵn sàng trả nếu anh không đưa em đi". Mình đi Mỹ là vậy, chỉ vì thùng quà của bà hàng xóm!

"Thế có thương anh Tánh không?" Tôi nhanh nhẩu.

"Sợ chứ không thương".

"Sao lại sợ?" Tôi tò mò.

"Ừ, sợ lắm! Sợ lắm!" Tôi thấy chữ sợ nó hiện rất to và rõ trong mắt Mận. "Sợ mỗi đêm, cái bóng anh ấy đổ ập lên trên người mình, đau đớn lắm. Ellen không biết chứ... nó giống như ai lấy dao mà cứa vào thịt".

Kinh nghiệm gần gũi với đàn ông con trai tôi hoàn toàn mù tịt. Mận là người đầu tiên dạy tôi bài học kinh nghiệm sinh lý không được chuẩn bị trước. Tôi nghe vừa thắc mắc vừa tò mò nhưng lại ra giọng người lớn:

"Đau thì đừng cho lại gần, mình không muốn là không ai làm gì được".

Và tôi tiếp, nhỏ giọng, như cho chính mình.

"Mà sao lại đau thế nhỉ?"

Tôi đề nghị với Mận là nên báo cảnh sát. Mận giật nẩy người hoảng hốt:

"Không được, ảnh dọa là nếu kêu cảnh sát, ảnh sẽ giết".

Mận nói lúc hắn "dọa" mắt hắn lăm lăm nhìn về phía con dao to bản dùng để chặt thịt gà.

Trời, chỉ hai cây vàng, cái giá Mận phải trả. Tôi nghe không thể chấp nhận được. Hai cây vàng, to hay nhỏ, giá trị bao nhiêu? Tôi không cần biết. Nhưng đánh đổi hai cây vàng để phải ở suốt đời bên cạnh một người mà mình xem như con... ác quỷ. Con ác quỷ dùng mình để hút máu mỗi đêm. Tôi nghĩ Mận chẳng khác gì con "điếm" bất đắc dĩ trọn đời cho tay Tánh nào đó, mà nàng nghĩ còn lanh hơn cả công an phường khóm. Tôi nghĩ bất công và tìm cách giúp Mận thoát khỏi cảnh hãi hùng đó.

Tôi nhanh nhẩu kể hết cho bà Betty, *counselor* trong trường. Qua ngày hôm sau, bà gọi tôi và Mận vào phòng. Lúc tôi ngồi giữa bà Betty và Mận, đóng vai thông dịch viên, tôi bỗng nghĩ IQ của Mận chắc phải thấp nhất... thế giới. Cả tiếng Việt lẫn tiếng Anh, không tiếng nào rành. Mận qua Mỹ ở tuổi mười bảy, tuổi vị thành niên, nghĩa là còn phải ngồi ở ghế trung học. Tôi nghĩ, phải chi nàng đến Mỹ chậm hơn một năm, biết đâu lại đỡ hơn, đỡ phải thấy cái dáng đi nửa lúc thúc nửa lủi thủi một mình trong sân trường với đôi mắt thất thần như người đi lạc, cùng với cái *back pack* trĩu nặng sau vai, mỗi lần trông thấy tôi cứ thắc mắc biết chủ nó có học được chữ nào không? Sao cứ phải tự hành hạ vác trên người một đống sách nặng nề như thế? Lại phải đi giáp vòng sáu lớp học mỗi ngày, kể cả

giờ *P.E.*... giờ mà Mận than khổ sở nhất, vì phải thay... xiêm y trước hàng chục con mắt tụi Mỹ chung quanh. Tôi nói mãi với Mận là tụi con gái Mỹ chẳng đứa nào hơi sức đâu nhìn. Mận nói: "Có chứ, tụi nó nhìn kỹ lắm". Sau này, có dịp bơi chung, lúc Mận thay áo tắm, tôi cũng phải thắc mắc sao nàng nhỏ con, chân tay lỏng khỏng, cổ toàn xương, tóc thưa và mỏng nhưng hai cái... ngực của nàng "vĩ đại" thế, hai đầu vú đỏ hồng, bầu ngực căng tròn trắng mịn, vài sợi gân xanh nhỏ li ti... Tôi nhìn, thầm nghĩ ông trời đã... gắn lộn.

Một tuần sau ngày gặp bà *counselor*, Mận về ở với bố mẹ nuôi người Việt Nam gốc Chợ Lớn, có mấy đời buôn bán. Tiền bạc tính kỹ từng xu thay vì từng đồng. Ông bà có năm đứa con. Tuổi từ sáu đến mười tám, nhà năm phòng ngủ, Mận chia chung phòng với đứa con gái thua nàng một tuổi. Hai cây vàng như thế đã trả xong nợ! Giờ đây thùng quà gửi về cho má và mấy đứa em đang ở Việt Nam cũng đành coi như... gửi gió cho mây ngàn bay.

*

Tôi không gặp lại Mận đúng gần hai năm sau. Bởi xong trung học, tôi lên thẳng đại học ở một thành phố khác, mùa hè tôi về thăm nhà. Một buổi chiều thứ bảy tôi từ biển về, thấy Mận ngồi sẵn ở phòng khách đợi tôi. Tôi tỏ vẻ ngạc nhiên, còn Mận, nàng cười vui khi gặp lại tôi:

"Mình ngồi đợi Ellen từ chập trưa tới giờ. Má Ellen nói Ellen... sắp về, mình cứ ngồi đợi...".

Lâu lắm mới lại nghe giọng nói nửa vời của Mận, tôi cũng thoáng thấy vui trong lòng. Bóp bóp vai Mận tôi hỏi:

"Chà, coi bộ mập ra".

Mận bỗng sầm ngay nét mặt. Nét mặt trước đó một phút tôi nhìn thấy có chút nắng trong. Khuôn mặt ủ ê, nhợt nhạt đi kèm với giọng nói ấp úng, ngập ngừng cố hữu của hai năm trước ngồi ở băng ghế đá trước cổng trường bỗng hiện nguyên hình.

"Chuyện gì nữa vậy?" Tôi hỏi.

"Ờ, ờ thì...".

"Thì sao?" Cái tánh nóng nảy, thiếu kiên nhẫn trong tôi mỗi khi gặp Mận lại chợt ào đến.

"Thì... mình đang có bầu được bốn tháng".

"Cái gì? Bộ... có bầu hả? Mà lấy ai vậy?" Miệng tôi hỏi nhưng

mắt lăm lăm nhìn xuống cái bụng của Mận. "Bộ về ở với thằng cha Tánh rồi hả?" Tôi hỏi hồ đồ.

"Không phải anh Tánh mà là... A Khuèn".

"A Khuèn là ai?"

"Ảnh là con trai lớn của ba má nuôi... mà hồi trước Ellen chở mình tới đó, nhớ không?"

"*Oh! Your foster parent*". Tôi chợt nhớ ra khuôn mặt ông bà Tàu lai... keo kiệt Mận thường kể tôi nghe ngày trước.

"Đã biết con trai hay con gái chưa?" Vừa hỏi tay tôi vừa nắn nắn bụng Mận, tìm kiếm đứa bé.

Mận lắc đầu.

Tôi nhìn đồng hồ trên tường, năm giờ kém năm. Sáu giờ có cái hẹn với người bạn. Bỗng Mận níu lấy áo tôi:

"Mình đến định hỏi Ellen cái này".

Tôi nhìn thẳng, sâu vào mắt Mận linh cảm có chuyện không lành gì nữa đây!

Mận đợi tôi tắm xong, hai đứa đi bộ ra quán ăn Mễ Tây Cơ đầu đường, lúc ngồi đối diện cùng tôi, tay phải của Mận chống cằm, tay trái gõ lóc cóc trên mặt bàn làm bằng *formica* màu xanh lá đậm. Những ngón tay với móng cắt cụt gây tiếng động đục, rời rạc. Âm thanh tiếng gõ nhịp khác hẳn những điều tôi đang nghĩ trong đầu về Mận, nàng như đám rơm khô sắp bị gió thổi ngọn lửa táp vào, và tôi, người có bổn phận phải tạt thùng nước vào đám rơm khô ấy.

"Tìm gặp tui có chuyện gì vậy?" Tôi hỏi thẳng vô đề.

Mận đưa mắt nhìn tôi rồi nhìn sang chỗ khác. Khuôn mặt đầy đặn hơn khi đang mang thai.

"Mình có cái này hỏi Ellen, tại không biết hỏi ai. Tuần rồi bác sĩ gọi mình đến phòng mạch, nói cái gì gì đó mình nghe không hết, mình định nhờ Ellen đưa mình đến gặp ông ấy giùm...".

Thái độ ngập ngừng, giọng nói nhỏ pha chút hụt hơi cố hữu của Mận.

"Ổng nói cái gì, có còn nhớ gì không?" Tôi hỏi.

"Ổng nói cái gì mà *down syndrome* rồi giữ hay không giữ là tùy ý mình và anh A Khuèn".

Tôi nghe giật nẩy người.

"Thế Mận và ông xã đã bàn gì với nhau chưa?"

Vừa nhắc đến hai chữ "ông xã" là Mận bật khóc. Tôi chỉ biết ngồi lặng thinh, những cái xương ở cổ càng hằn rõ mỗi khi nàng nấc. Đợi tiếng khóc nguôi ngoai, tôi hỏi nhỏ:

"Bộ ổng có bồ hả?"

Mận gật đầu.

Tôi nhìn cặp lông mày trên khuôn mặt Mận, thầm nghĩ, "hai thanh kiếm nằm gác ngang trên mặt thế kia thì đúng ra phải có số trị... đàn ông, chứ sao con nhỏ này lại... ngố thế không biết".

Qua ngày hôm sau tôi chở Mận đến gặp bác sĩ. Sau khi trình bày rất kỹ về bệnh tình đứa bé, thường không làm *test* ở lứa tuổi Mận, phải trên 35. Nhưng vì A Khuèn có hai người em sinh đôi bị *down syndrome* nên phải làm. Trên đường về, Mận ngồi yên lặng không nói câu nào. Gần tới nhà, còn khoảng hai *block*, bỗng dưng Mận hỏi:

"Nếu là Ellen, Ellen giữ hay phá?"

"Phá". Tôi nói nhanh "Đẻ nó ra, tội cả nó lẫn mình. Nó sẽ là cục nợ đeo đẳng Mận suốt đời".

Hai tuần sau, Mận đi trục đứa bé ra khỏi người nàng.

*

Một tối chủ nhật, sau khi phải ngốn hết mấy *chapter* cho *midterm* môn vật lý ngày mai, cái lưng và hai con mắt mỏi nhừ, đang sửa soạn đi ngủ thì nhận được cú phone từ Mận. Lần này, nàng vô thẳng đề tài:

"A Khuèn đuổi mình ra khỏi nhà, mình chẳng biết đi đâu, Ellen cho mình đến Ellen ở tạm được không?"

Biết... trả lời sao khi câu hỏi đã có sự trình bày rõ ràng như thế.

"Ừ, thì... không biết Mận... đi bằng gì, sáng sớm ngày mai tui có cái *midterm*...".

"Mận đi *Greyhound* được, Ellen đừng lo. Mình xin lại cái địa chỉ cho chắc ăn...".

Sau khi cúp điện thoại, tôi nghĩ, xứ Mỹ đã thay đổi được Mận. Nàng lanh hẳn ra. Tự kiếm được số *phone* của tôi, biết mình muốn gì, dám lấy *Greyhound* một mình xuyên qua mấy thành phố để đến gặp tôi.

Gặp lại Mận lần này, nàng gầy hẳn đi nhiều. Tóc đã thưa giờ lại thưa hơn. Trên khuôn mặt, nét mỏi mệt là hiện rõ nhất. Mận ngồi kể

tôi nghe chuyện nàng bị chồng đuổi ra khỏi nhà. Vừa nghe tôi vừa thắc mắc nghĩ, tại sao... đời con nhỏ này có lắm chuyện buồn thế?

Mận kể người đàn ông thứ nhì đến trong cuộc đời nàng vũ phu, tục tằn, thô lỗ với nàng biết bao. Một buổi chiều nàng đang ngồi vừa lặt rau muống cạnh góc bếp vừa coi ké phim bộ với mấy đứa em chồng. A Khuèn đi đâu về, đang gặp chuyện bực bội, đi ngang chỗ nàng, khi không... đá bay cái rổ rau, rồi nhìn xuống Mận, nói: "Sao mặt mày hôm nay giống như con khỉ trong sở thú...". Vì câu nói này, tôi lại phải nhảy vào vòng chiến của cuộc đời Mận, nhưng khác với mấy lần trước là phải đưa nàng đi khám bác sĩ, gặp *counselor*... lần này, tôi bảo nàng cứ ở tạm với tôi rồi từ từ kiếm việc gì làm, mặc dầu trong thời gian đó tôi vẫn còn là... sinh viên nghèo.

Ra đi lần này, hai chân Mận vững vàng thêm được một chút. Trường đời dành cho Mận nhiều bài học hơn trường ốc. Tối hôm đó, lúc Mận đứng thay áo ngủ, tôi nhìn thoáng, hai... vú nàng vẫn tròn trĩnh, bắt mắt như ngày nào.

Một tháng sau, Mận có việc mới, phụ lặt vặt ở một nhà hàng Tàu. Làm được hơn hai tuần, Mận kiếm được chỗ ở gần nơi làm hơn. Như thế coi là đã tạm yên ổn.

Vài tháng sau, tình cờ tôi gặp lại Mận trong chợ Lucky. Đi cạnh Mận là người đàn ông trên dưới ba mươi, Mận giới thiệu anh tên là Sáng, rồi cười cười khoe: "Ảnh là bếp chính, còn mình sắp được làm bếp phụ". Tôi ngớ ngẩn hỏi: "Được làm bếp phụ thì sao?" "Thì được tăng lương và..." nàng bỏ lửng câu nói. Tôi bỗng hiểu ngay. "...Và được làm cạnh chàng suốt cả ngày phải không?" Hai má nàng ửng hồng như hai quả... mận khi nghe tôi nó đúng tim đen.

*

Ngày tôi ra trường cũng là ngày tôi nhận được thiệp cưới của Mận cùng anh chàng đồng nghiệp. Lúc cầm trên tay tấm thiệp, họ và tên cô dâu, chú rể được in chồng chéo lên nhau, tôi nghĩ, lần này được cưới hỏi đàng hoàng, có sự tự do lựa chọn, Mận sẽ không còn lý do gì để tìm đến tôi nữa. Đêm hôm đó, nằm cuộn mình trong tấm chăn ấm tẩm mùi quen thuộc hơi hướm của riêng mình, tôi bâng khuâng nghĩ, Mận và tôi cùng tuổi sao nàng đã nếm đủ tình đời, còn tôi, cứ loay hoay đời mình thế nào mà giờ đây vẫn còn... trinh.

*

Bẵng đi nhiều năm, tôi không gặp lại Mận và cũng chẳng nghe

tin tức gì về Mận. Riêng tôi, sau khi ra trường, kiếm được việc làm ở nhà lọc nước cho thành phố. Cuối tuần cùng mấy người bạn *Volunteer* làm chương trình Việt ngữ trên đài truyền hình.

Một buổi sáng thứ bảy, Mận đến tìm gặp tôi. Tay nàng dắt bé gái độ hơn ba tuổi. Mận nói tình cờ xem TV thấy tôi trên đài nên ghé lại thăm. Mận bây giờ khác hẳn đi nhiều, so với lần cuối cùng tôi gặp. Tóc nàng uốn cao, bận cái váy ngắn bó sát thân hình đẫy đà của người đàn bà, mất hẳn dáng dấp thời con gái. Đôi lông mày rậm rạp như hai thanh kiếm đẹp nằm gác ngang, giờ đã thay vào đôi lông mày xâm màu đen đậm hình bán nguyệt cong vòng. Tôi ngồi xuống ôm con bé sát vào lòng mình, hỏi nhỏ:

"Cháu tên gì?"

"Ellen".

"Ellen". Tôi lập lại thoáng xúc động.

"Tên Mỹ mình lấy tên của bồ đặt cho nó, bị thấy bồ học giỏi", Mận nói, "Còn tên Việt Nam mình đặt nó là Thanh Nhàn, tại cũng mong lớn lên, đời nó bớt vất vả hơn má nó". Lúc nói, khuôn mặt Mận điềm tĩnh, giọng cũng không còn ấp úng như xưa.

Tôi định nói tên tôi bây giờ đã đổi lại Ái Lan, tên của trước năm 1975. Tên Ellen trả lại cho... Mỹ quốc rồi. Nghĩ, nhưng không nói ra.

"Mận vẫn còn ở với... chồng phải không?" Tôi hỏi.

"Không, hai đứa đã ly dị hơn một năm nay. Tại ảnh cứ về Việt Nam miết, có con bồ nhí bên đó, làm bao nhiêu tiền cũng đổ vào những chuyến đi đi về về Việt Nam. Mình cản ảnh hoài, ảnh không nghe, cuối cùng chịu không nổi, đành ra tòa xin ly dị".

"Thế Mận đã về lại Việt Nam lần nào chưa?"

"Ba lần rồi. Mỗi lần về mình chỉ muốn ở luôn bên đó với bà già nhưng không biết làm nghề gì để sống, còn phải nuôi con nhỏ này nữa". Vừa nói Mận vừa ấn ngón trỏ lên đầu con bé.

"Thế Mận đang làm nghề gì?"

Im lặng một lát, Mận nói nhỏ:

"Mình đang làm cho một quán *beer ôm*".

*

"Hình ảnh những nấm mộ nằm thật đều tôi nhớ lại ngày còn thơ mỗi lần phải theo mẹ vào nghĩa địa thăm mộ bố, và rồi mường tượng

đến những quán beer ôm được dựng lên sau gần hai mươi năm kết thúc cuộc chiến".

Ai đó đã nói với tôi, hạnh phúc hay đau khổ, mọi người đều phải trải qua, bởi nó không chối từ hoặc bỏ sót một ai. Có lựa chọn hay không được lựa chọn. Tôi ngờ lắm, bởi đem điều này áp dụng lên con bạn tôi quen từ thời trung học, chỉ thấy nó nếm toàn mùi vị khổ đau. Ngần ấy năm, gặp lại, Mận cũng còn như cánh bèo, biết giạt về nơi đâu?

Khi đứng nhìn hai mẹ con Mận đi ra bãi đậu xe, tôi mím chặt môi, hai tay xoa mớ tóc, mắt ngước nhìn lên bầu trời xanh cao, cố nhìn thật xa, lòng ước mong không phải nghĩ ngợi gì. §

Lê Thị Thấm Vân

HÀ TRUNG

chuyện kể

Nàng từ Florida tới,
nhưng tôi muốn nói một điều không phải vu vơ,
là trước kia nàng ở Cần Thơ
và thường nhắc những tàu dừa lả ngọn.

Tôi tạm trú nơi đây
sau những lần chán ngán,
có khi buồn, chưa biết sẽ về đâu.

Chúng tôi học ở Sài Gòn
lúc cùng trường cùng dốt toán như nhau
nên thường tới nhà Châu nhờ giảng lại.
Gặp nhau hoài mà chỉ nói chuyện bâng quơ!
Châu bây giờ cũng ở California.
Anh nói với tôi
là gia đình nàng rất hạnh phúc.
Châu cũng nói với nàng
là người bạn đời của tôi rất dễ thương.

Vậy thì chiều đó trên bãi biển Carmel
tôi cùng nàng bước song đôi
nhưng dòng đời đã rẽ hai.
Tôi không vội đi đâu cả
nàng cũng chưa về đâu.
Giữa rộng rãi lòng chiều
bỗng dưng cùng sợ lỡ...

Có lúc nắng chang chang
nàng không tránh,
cứ ngửng nhìn nên lấp lánh niềm vui.
Gió ngợi ca những đợi chờ câm nín.
Chúng tôi thở tràn đầy
mùi vị của rong rêu.
Có lúc nắng hiu hiu nàng lại nói:

"Ước gì đây có rợp mát bóng dừa!"
rồi cởi bandeau cài đầu,
nàng thả tóc. Đong đưa.
ở dưới kia, bọt trắng xóa xô bờ.
Tôi trên chót vót
nghĩ nếu mình rớt xuống!
Thôi! Trong vật vã trăm năm
cũng đừng quên, đang sống từng ngày
Bàn tay!
cuống quít tìm nhau,
thắm thiết ghi lên mai sau
trăm nghìn luyến lưu.
Bây giờ nhớ lúc buông nhau
thầm biết ơn nhau hồn hậu,
vì đã nhìn nhau, không giấu
và chỉ nhìn nhau, mặc dầu...

đọc tới đây
người bạn đời của tôi ngửng đầu.
Rất lạ!
Ánh mắt Hồng có lấp lánh niềm vui.
Hồng nói với tôi
Châu với Hồng có dạo học mê say,
lúc nào cũng miệt mài ôn án lệ.
Những lúc mệt, ra Công trường Chiến sĩ
uống nước dừa và nói chuyện bông quơ.
Lâu lắm rồi
Hồng mới có cái nhìn như đang mơ
khi nói khẽ: "đây không phải là chuyện kể.
Đây là một bài thơ."

Tôi nói với Hồng
nhà hết cà phê.
Hồng chớp mắt bảo, thôi đừng uống nữa!
phải dọn dẹp vườn cho kịp chiều mai.
(Mai, kỷ niệm ngày đám cưới
năm thứ hai mươi).
HÀ TRUNG

ROBERT OLEN BUTLER
THẠCH HÃN dịch

bảo sơn kỳ hương
"a good scent from a strange mountain"

Đêm qua ông Hồ Chí Minh lại đến với tôi một lần nữa, tay ông dính đầy đường của một người thợ làm kẹo. Tôi ngạc nhiên khi thấy ông lần đầu tiên, đứng bên cạnh giường, nhờ ánh sáng mờ lọt qua màn cửa. Người con gái đầu của tôi đã mở hẳn màn cửa, ý chừng để tôi khỏi quên rằng mặt trời vẫn mọc mỗi sáng. Tôi là một người đàn ông quá già nua. Con gái tôi e rằng rồi có một sáng nào đó, tôi sẽ quên việc tiếp tục sống. Thật là khờ dại. Rồi sẽ có một đêm nào đó, tôi thức dậy giữa khuya, lẻn vào phòng con gái tôi và mở hẳn màn cửa phòng nó. Để cho con gái tôi thấy được ánh mặt trời buổi sáng. Con gái tôi nay cũng đã sáu mươi tư, nên liệu lấy thân là hơn. Không thể nào tôi chết chỉ vì quên sống đâu.

Khi tôi thức giấc, ánh sáng từ ngoài đường len vào đủ cho tôi nhận ra Hồ, và ông ấy bảo: "Bạn Đạo ơi, tôi nghe nói là đã đến lúc viếng bạn". Ngay đêm đầu, người ông đã có mùi ngọt, rất nồng trong bóng tối, ngay cả trước lúc tôi có thể thấy đôi bàn tay của ông. Tôi chẳng nói chẳng rằng, vói tay qua bàn ngủ tắt đèn xem thử ông ta có chịu đi hay không. Và ông ấy vẫn đứng ở đó. Ông vẫn đứng bên cạnh giường, tôi còn có thể thấy được hình bóng ông phản chiếu qua kính cửa sổ và tôi biết là thật chứ chẳng phải mơ, bởi vì khi thấy ông, ông không phải ông Hồ hồi tôi quen ông, nhưng mà là ông Hồ khi ông ấy chết đi. Trước mặt tôi lúc đó là Bác Hồ, một ông già ốm o, chùm râu lòng thòng dưới cổ, mặc áo quần thẫm màu của nông dân, đi dép râu, giống như trong các bức hình in trên báo mà tôi đã có dịp ngắm nghía với một cảm giác xa lạ suốt mấy năm qua. Xa lạ bởi hồi tôi biết ông, ông chưa có tên Hồ Chí Minh. Lúc đó là năm 1917, tên ông là Nguyễn Ái Quốc, cả hai chúng tôi còn là thanh niên mày râu nhẵn nhụi, bạn bè thân thiết, và cùng làm việc tại

khách sạn Carlton ở Luân Đôn: tôi rửa bát, còn ông làm kẹo dưới tay bậc thầy Escoffier. Chúng tôi là bạn chí thân và cả hai cùng ngắm tuyết rơi lần đầu tiên trong đời. Đó là lúc trước khi chúng tôi cùng vào làm trong khách sạn. Chúng tôi đi xúc tuyết, ông Hồ thỉnh thoảng ngừng tay, thở phà hơi ra về phía trước, mỉm cười, như để thấy rõ những gì trong tâm can ông, giống như người ta xin xăm bói quẻ vậy.

Đêm đầu tiên ông ta đến thăm tôi tại nhà riêng ở New Orleans, cuối cùng tôi cũng đã thấy được vật gì gây ra mùi vị ngọt ngào đó và tôi bảo ông: "Tay anh dính đầy đường kìa".

Ông ta nhìn vào đôi tay, mặt buồn rười rượi.

Tuần qua, chính tôi cũng đã thấy được vẻ buồn đó nơi những người đến thăm dành cho tôi. Đã đến lúc tôi phải gặp mặt bà con hàng họ, và những người bạn đã quen hiện còn sống. Đó là phong tục của xứ Việt Nam. Về già, bạn phải để dành một hai tuần tiếp đón những người thân trong đời, để bạn có thể nói hết cho họ nghe những gì bạn nghĩ về họ, hay ít ra cũng tìm cách hiểu họ một lần cuối, hay chỉ để nói lời vĩnh biệt. Đó là một tập tục tử biệt mà ai cũng phải theo, và may mắn lắm, bạn sẽ gặp được người thân trước khi cơn bệnh cuối cùng kéo đến. Tôi đã sống gần một thế kỷ, và lẽ ra phải vời họ đến với tôi sớm hơn, nhưng cuối cùng, khi thấy trong người không còn bao sức nữa, tôi đã bảo cô con gái tôi mời họ đến.

Một số nhìn tôi, lộ vẻ buồn bã. Thường đó là những người vụng về hay những kẻ giả dối. Nhưng ông Hồ thì không vậy, cái nhìn của ông chẳng vụng về mà cũng chẳng giả dối. Ông ngắm đôi tay của mình, xong ông nói: "Thắng nước đường. Cách thắng nước đường của sư phụ".

Giọng nói ông có vẻ nuối tiếc, và tôi nghĩ có lẽ ông đến để nhờ tôi giúp. Tôi bảo "Tôi không còn nhớ. Lúc đó tôi chỉ rửa chén". Khi những lời vừa buột khỏi miệng, tôi thấy mình quấy khi nghĩ rằng ông ta đến để hỏi tôi cách thắng nước đường.

Nhưng ông Hồ lại không cho là tôi quấy. Ông ta nhìn tôi, lắc đầu: "Không sao", ông bảo, "Tôi nhớ ra rồi. Nấu đến 230 độ, cho đến khi đường còn ở thể dẻo có thể kéo thành sợi đến khi quánh lại thành những viên nhỏ. Sư phụ dặn rõ ràng như thế và tôi nhớ". Nhưng trong mắt ông, tôi thấy dường như ông còn tìm tòi thêm điều gì nữa kia. Đôi mắt ông dường như không hề rời khỏi mặt tôi, thỉnh

thoảng có nhấp nháy đôi chút, một cử động mà có lẽ chỉ có tôi mới nhận ra, bởi vì tôi đã là bạn của ông ấy ngay từ thời cả thế giới chưa hề biết ông ta là ai.

Tuy đã gần trăm tuổi, tôi vẫn còn có thể đọc được những điều muốn nói hiện qua sắc diện. Có lẽ lúc này tôi lại tài tình hơn lúc nào hết. Ngồi trên chiếc ghế lớn khổ bọc nệm trong phòng khách, tôi tiếp họ, và tôi muốn họ, ngay cả những kẻ vụng về cũng như giả dối, - xin bỏ qua cho cái tính gàn của một ông già khi gọi họ như thế - tôi muốn tất cả họ đối xử tốt với nhau. Một gia đình Việt Nam thường bao gồm hết những người chung huyết thống, như vô số những chiếc lồng đèn giấy kết chùm vào nhau treo quanh sân làng. Và tất cả chúng tôi đều cùng tỏa ra ánh sáng. Đã từ lâu phong tục chúng tôi như thế. Nhưng những người đến thăm tôi họ đã cư ngụ ở Mỹ từ lâu, và tôi đã nhận ra điều gì lạ trên những nét mặt của họ.

Không có khi nào lạ lùng hơn sáng nay, tôi cũng ngồi trên chiếc ghế quá khổ, và có bốn người trong gia đình đến thăm tôi: Thắng, con rể, cựu đại tá trong quân đội Việt Nam Cộng Hòa, một trong những người giả dối, ngồi trên chiếc ghế dài hiệu Castro có thể kéo ra làm giường ngủ, đứa con út tên Lợi, đến sau chỉ mấy phút thôi, cũng ngả người lên chiếc ghế dài, tuy trẻ nhưng cũng đủ lớn để mang lon trung úy trong đơn vị của ba nó chỉ huy lúc nước tôi rơi vào tay Cộng sản cách đây mười năm; và Lâm, con gái tôi, vợ của Thắng, cứ lảng vảng đằng sau hai người, mời mấy cũng không chịu ngồi, còn cô con gái đầu đứng dựa lưng vào khung cửa, chắc là vừa mới ở trong phòng tôi ra sau khi đã mở màn cửa sổ mà lúc thức dậy tôi đã kéo kín.

Chính Thắng đã nhìn tôi với cái nhìn mà tôi đã quen, còn tôi lúc đó đối với hắn như có vẻ hơi yếu, hơi xa lạ. Tai không còn nghe những lời bàn qua tán lại của những người này, mắt nhắm hờ, nhưng tôi vẫn nhìn thấy họ rõ ràng, thần trí còn minh mẫn. Thắng có nét mặt rắn rỏi, đôi mắt liếng thoắng của một người sẵn sàng chịu trận, nhưng qua đôi mắt đó tôi luôn luôn nhìn thấy nhiều hơn thế nữa, mặc dù hắn cố che dấu. Vì vậy, sau khi nghĩ rằng tôi đã thiếp đi, với đôi mắt chậm rãi chứ không còn liến thoắng, hắn quay nhìn thằng con trai và bắt đầu kể chuyện bắn giết.

Bạn nên biết rằng Ông Nguyễn Bích Lê trong cộng đồng chúng tôi ở New Orleans vừa bị bắn chết tuần trước đây. Cộng đồng Việt

Nam ở New Orleans rất đông người, và có một người tên Lê, làm chủ bút một tờ báo chung cho cộng đồng. Mới đây ông ta đã phạm một lỗi lầm đến vong mạng "dẫu rằng ở Mỹ chuyện đó chẳng thể xảy ra", ông ấy viết một bài báo chủ trương rằng đã đến lúc phải chấp nhận thực tại của chính quyền Cộng sản ở Việt Nam để bắt đầu nói chuyện với họ. Ông ta khuyên chúng tôi nên hợp tác với những người cầm quyền trong nước. Ông bảo là ông vẫn trung thành với chính thể Việt Nam Cộng Hòa và tôi tin lời ông ta. Nếu có ai hỏi ý kiến ông già này tôi chẳng ngại ngùng gì bảo ông Lê nói đúng.

Nhưng tuần rồi, người ta đã bắn ông chết. Ông được bốn mươi lăm tuổi, có vợ và ba con, bị bắn ngay khi đang lái chiếc xe pickup hiệu Chevrolet của ông. Những chi tiết như thế đối với tôi thật thấm thía, việc ông ấy bị bắn khi đang lái chiếc Chevrolet, một hiệu xe rất tiêu biểu của Mỹ. Hồi còn ở Sài Gòn, tôi đã thấy rằng ai thích xe Mỹ thì đi Chevrolet, như thích Pháp thì đi xe Citroen vậy.

Nhưng chính ông Lê cũng đã dấn thêm một bước nữa trong việc hội nhập vào đời sống mới. Không những ông đã mua xe Chevrolet, mà còn mua loại pickup, cho nên chẳng những ông đã trở thành một người Mỹ mà còn là một cư dân Louisiana, nơi rất nhiều người ưa dùng loại xe này. Chỉ thiếu một việc là ông đã không gắn thêm một giá súng ngay sau băng ghế ngồi, vì đó cũng là một vật dụng rất phổ thông ở vùng này. Giá như ông đã gắn thêm giá súng chưa chắc gì ông phải vong mạng, vì chính người ta bắn ông từ cửa kính ở đằng sau ghế. Một người nào đó đã ẩn núp trong lòng xe, bắn ông ta từ sau lưng ngay trên chiếc Chevrolet của ông. Một cú điện thoại gọi đến văn phòng tòa báo, không xưng danh mà chỉ nói là đại diện của Việt Nam Diệt Cộng Hưng Quốc Đảng đã nói rõ tại sao người ta giết ông.

Và thằng con rể Thắng của tôi đã bảo với Lợi, đứa con út của hắn: "Không tìm ra vũ khí giết người". Tôi thấy hắn hơi nhướng đôi mày khi nói điều này, như thử muốn nhắn với thằng con là nên suy gẫm nhiều hơn là chỉ nghe những lời cha nó nói. Rồi hắn nhắc lại một lần nữa, chậm rãi, như một thứ mật hiệu: "Không tìm ra vũ khí". Thằng cháu ngoại của tôi gật đầu một lần, dáng hấp tấp. Rồi Lâm, con gái tôi nói lớn giọng, mắt chăm nhìn tôi: "Ghê nhỉ, họ giết ông Lê". Con gái tôi bấm nhẹ lên vai chồng con, rồi cả hai người đàn

ông đưa mắt nhìn thẳng về phía tôi cùng nói lớn: "Đúng, kinh hoàng thật".

Tai tôi không điếc, mắt nhắm lại kín hơn, chừng như đã nghe thấy đủ và muốn cho họ nghĩ rằng những lời nói oang oang kia chẳng những đã không đánh thức tôi mà trái lại còn làm cho tôi ngủ mê nữa. Tôi không định tâm lừa dối họ, mặc dù tôi đã nhiều lần tỏ ý không thích gì những người này trong gia đình tôi. Tôi là một tín đồ Phật giáo Hòa Hảo và tôi tin vào sự hòa hợp giữa mọi người, nhất là những người trong cùng một gia đình Việt Nam.

Sau khi ông Hồ đã xác nhận lại với tôi nhiệt độ nấu đường theo cách của sư phụ Escoffier, trong lần gặp đầu tiên ấy, ông tiếp: "Này Đạo, anh bạn cố tri, bạn còn tiếp tục đi theo con đường mà bạn đã chọn ở Ba Lê không?"

Ông ấy muốn nói đến tín ngưỡng của tôi. Hồi ở Ba Lê, tôi đã quy y theo Phật và đã làm cho ông Hồ thất vọng. Chúng tôi qua Pháp khoảng đầu năm 1918, lúc đó chiến tranh đang còn tiếp diễn, và chúng tôi ngụ ở một đường nghèo nhất thuộc một xóm nghèo nhất của quận bảy. Nhà số 9, hẻm Compoint, một ngõ cụt với một ít căn nhà sập sệ, tất cả đều cho thuê chứa hàng, ngoại trừ căn nhà chúng tôi ở. Mặt đường lót đá ngổn ngang những mảnh ngói vụn, Quốc và tôi mỗi người một phòng nhỏ, một chiếc giường sắt và một chiếc thùng gỗ dùng làm ghế ngồi. Tôi có thể nhìn thấy rõ bạn Quốc dưới ánh sáng của cây nến bằng mỡ bò, bận bộ đồ lớn màu đen, đội chiếc mũ nồi cao, trông thật khờ khạo. Tuy tôi không nói ra nhưng ông ấy cũng biết, nên ông cứ sửa lui sửa tới chiếc mũ, đầu lắc qua lắc lại, có vẻ giận dữ hung tợn nhưng im lặng. Lúc đó vào khoảng thời gian trước khi chúng tôi chia tay, bởi hồi đó tôi đến viếng ông sư hằng ngày bởi vì ông ta đang lôi kéo tôi trở lại với đạo của cha tôi. Tôi đã bỏ cha tôi ra đi làm trên tàu biển nên mới có dịp gặp Nguyễn Ái Quốc, rồi chúng tôi đã đến Luân Đôn và Ba Lê. Bây giờ cha tôi đang kêu gọi tôi quay trở về qua vị sư mà tôi đã gặp ở Tuileries.

Quốc, trái lại, không bị quá khứ lôi kéo mà lại bị tương lai thúc dục. Ông ấy bỏ tiền mướn bộ đồ đen và chiếc mũ nồi, rồi hết tuần này qua tuần khác lảng vảng trong các hành lang đầy gương của điện Versailles, chỉ mong được tiếp kiến Woodrow Wilson. Quốc có tám điều thỉnh cầu các nước Tây phương về vấn đề Đông Dương. Chỉ là những thỉnh cầu đơn giản thôi. Như bình đẳng, tự do báo chí,

tự do hội họp. Những quyền căn bản mà ông ta nghĩ là Wilson có thể thông cảm được, dựa trên những điểm mà chính sách Mười bốn điểm của chính Wilson đã vạch ra. Và Quốc đã không định tâm đòi hỏi độc lập. Ông ta còn muốn có nghị viên Việt Nam trong quốc hội Pháp nữa kia mà. Ông chỉ thỉnh cầu có bấy nhiêu thôi. Nhưng chiếc mũ nồi đã làm cho ông ta giận dữ. Ông bóp dẹp khúc nến, đôi tay vày vò chiếc mũ, và tôi nghe tiếng ông ta làu nhàu trong bóng tối. Tôi cho đó là điềm xấu ngay cả trước khi ông ấy đặt chân đến điện Versailles. Quả nhiên, ông ta chẳng gặp được Wilson, hay Lloyd George, ngay cả Clemenceau cũng không. Nhưng một cách nào đó, sự giận dữ của ông với cái mũ đã làm cho tôi buồn, ngay cả bây giờ, và tôi với tay ra lề giường rồi bảo. "Thôi, không sao đâu Bác Hồ".

Ông ta vẫn còn ở bên cạnh tôi. Đây không phải là một sự tỉnh giấc, như các bạn ngờ, cũng không phải là một giấc mơ chấm dứt với chuyện cái mũ ở Ba Lê và tôi thức dậy để chỉ thấy không có ông Hồ nào đến cả. Ông ta vẫn còn đây, bên giường tôi, dù ông ta chỉ ở suýt soát tầm tay với, còn ông chẳng bao giờ muốn xích lại gần tôi. Ông cười nửa miệng, một nụ cười mỉa mai, như thể ông ta cũng đang nhớ lại cái đêm mặc thử bộ đồ đen đã thuê. Ông nói: "Bạn còn nhớ cách kiếm sống của tôi hồi ở Ba Lê chứ?"

Tôi suy nghĩ một lát, và tôi nhớ hết, những dòng chữ quảng cáo ông đăng trên báo *La Vie Ouvrière*: "Nếu bạn muốn có một kỷ niệm lâu bền cho gia đình, hãy đem ảnh đến tiệm Nguyễn Ái Quốc để tô màu". Ở Ba Lê ông ta làm nghề này. Ông tô màu, sửa ảnh với bàn tay tài tình, mà chính ông thầy Escoffier ở Luân Đôn cũng đã trầm trồ khen ngợi bàn tay đó. Tôi bảo: "Có, tôi nhớ chứ".

Hồ gật đầu một cách trịnh trọng. "Tôi đã tô hồng lên má những người Pháp đấy".

Tôi nói: "Một tấm ảnh tuyệt đẹp, bỏ trong khung trang nhã, chỉ có bốn mươi phật lăng". Đó là một dòng quảng cáo khác nữa của ông ấy.

"Bốn mươi lăm", ông Hồ sửa.

Bây giờ tôi chợt nghĩ đến câu hỏi của ông mà tôi chưa trả lời. Tôi chỉ về phía góc phòng nơi tôi để bàn niệm Phật. "Tôi vẫn còn đi theo con đường tôi đã chọn".

Ông ta nhìn chiếc bàn rồi nói: "Ít ra thì anh cũng đã trở thành một tín đồ Hòa Hảo".

Ông ta nhận ra ngay khi thấy bàn thờ đơn giản. Chỉ có một tấm vải điều trên đó viết bốn chữ Hán: Bảo Sơn Kỳ Hương. Đây là châm ngôn của Phật giáo Hòa Hảo. Chúng tôi tu theo một vị sư đã tách ra khỏi những nghi thức rườm rà của các môn phái Phật giáo khác. Chúng tôi không cần chùa chiền nguy nga hay nghi thức lỉnh kỉnh. Tín đồ Hòa Hảo tin rằng việc tu luyện chỉ cần giản dị, và bí quyết của hạnh phúc cũng rất giản dị. Bốn chữ Hán kia có nghĩa là "Một mùi hương từ núi lạ".

Tôi đã thán phục cái óc khôi hài của ông bạn Quốc nên nói tiếp: "Ông thì chẳng bao giờ ngừng chuyện tô hồng lên má những người Tây phương hết".

Ông ta quay lại nhìn tôi nhưng không cười. Tôi ngạc nhiên, nhưng lại càng ngạc nhiên hơn khi thấy câu bông đùa của mình đã làm cho ông ta nghĩ đến đôi tay của ông. Ông đưa tay lên nhìn rồi hỏi: "Sau khi nấu đường xong, phải dùng loại mặt bàn nào để trải đường?"

"Anh bạn cố tri ơi", tôi nói, "bây giờ anh làm cho tôi lo đấy".

Nhưng ông Hồ dường như không nghe. Ông quay đi, rồi bước ngang qua phòng, tôi thấy là ông ta có thật vì ông không bao giờ rời khỏi tầm mắt tôi, nhưng mở cửa đi ra rồi khóa cửa lại kêu một tiếng cách lớn.

Tôi lấy chuông gọi con gái tôi ở phòng bên. Con gái tôi đã đem cho tôi một cái chuông nhỏ bằng sứ và sau khi chờ cho Hồ xuống thang lầu, đi ra cửa chính, nếu ông ta có ý đi về hướng đó, tôi lắc chuông và con gái tôi, vốn ít ngủ, nên chẳng mấy chốc đã bước vào phòng.

"Gì vậy Ba", con gái tôi hỏi với một sự kiên nhẫn lộ ra trong giọng nói. Con gái tôi có hiếu lắm. Cô ấy hiểu rõ đời sống gia đình Việt Nam và lại là một người thông minh.

"Con xem thử nắm cửa có gì không", tôi bảo.

Chẳng ngần ngại con gái tôi đến xem nắm cửa, với một dáng điệu dễ thương khiến cho tôi muốn ngồi nhổm dậy để ôm chầm lấy con dù tôi đã quá mệt và chẳng muốn cử động.

"Rồi sao Ba?" con gái tôi hỏi sau khi đã sờ lên nắm cửa.

"Có gì dính tay không?"

Cô ta sờ lại một lần nữa. "Chút thôi ba", con gái tôi trả lời. "Ba muốn con lấy khăn lau không?"

"Thôi sáng mai hãy hay", tôi nói.

Con gái tôi mỉm cười, bước trở lại giường rồi hôn lên trán tôi. Người cô ngát mùi oải hương, cộng thêm mùi thơm của quần áo mới giặt. Tôi còn thấy có nhiều người đã quy tiên trước tôi, và tôi mong gặp hết tất cả, ước rằng cùng gặp lại hết thảy mọi người trong sân làng, có cả vợ tôi ở đó, cũng thơm mùi oải hương, mùi mồ hôi của chúng tôi, như đêm nào ở Sài Gòn sau trận đánh kinh hoàng hồi Mậu Thân, sau khi mở cửa sổ, nghe tiếng bom nổ từ xa, đêm vắng gió, chỉ có sự tĩnh lặng nặng nề của khoảng thời gian chuyển tiếp giữa hai mùa nắng mưa, thành phố Sài Gòn sặc mùi nhựa đường, mùi khói xe và mùi thuốc súng, nhưng khi tôi mở cửa sổ và quay lại phía nhà tôi, căn phòng bỗng ngát một mùi hương tuyệt diệu, một mùi hương lạ đã khiến cho nhà tôi cũng phải ngồi dậy. Vợ tôi cũng nhận ra được mùi hương đó. Mùi hương này không phải là thứ mùi hương của hoa, nhưng trái lại chỉ nhắc nhở chúng tôi là rồi có ngày hoa thơm cũng trở thành tro bụi. Mùi hương như thử thoát ra từ một viên ngọc, như một rặng núi bích ngọc tìm được mùi hương riêng cho nó. Tôi bước qua phòng về phía nhà tôi, và lúc đó chúng tôi cũng đã trọng tuổi, cũng đã chôn cất con cháu nhiều đứa, cầu nguyện chúng sẽ chờ đợi chúng tôi nơi sân làng dưới chân núi lạ, nhưng khi tôi đến cạnh giường, vợ tôi cởi bỏ chiếc áo ngủ bằng lụa, tôi ép sát người lên nhà tôi, và đêm đó, mồ hôi chúng tôi đã có mùi dịu ngọt. Tôi muốn gặp lại nhà tôi tại sân làng đó, cùng với đám con cháu mà chúng tôi đã chôn cất, những tay chân bé bỏng của những đứa bé khờ khạo, những cặp mắt sưng húp của những người tráng niên bở ngỡ, những khuôn mặt xám nhợt của những nguời cao niên lụm khụm, đã về chầu tổ trước tôi để bây giờ họ đã thông thuộc đường đi nước bước bên kia thế giới. Và mùi thơm ngọt của đường trên tay ông Hồ làm tôi nhớ đến những người khác mà tôi cũng muốn gặp lại họ trong sân làng, ngay cả những người làm việc trên tàu, đứa bé Việt Nam ở cạnh làng tôi đã chết bịnh thương hàn trên Ấn Độ dương, những người dân bản xứ ở Dakar bị các quan thầy thuộc địa ép buộc phải lội ra tàu trong một vùng biển đầy cá mập để neo tàu. Chúng tôi đã tận mắt chứng kiến hai người bị cá mập ăn thịt, trong khi những người Pháp chẳng lộ vẻ hối tiếc nào. Ông Hồ rất xúc động trước cảnh tượng này, và tôi muốn gặp lại cả hai người

này trong sân làng, luôn cả ông Tây đã gọi ông Hồ "thưa ông" lần đầu tiên. Một người ở trên bến tàu ở Marseilles. Ông Hồ có nhắc đến người này hai lần trong suốt thời gian chúng tôi sống chung, và tôi cũng muốn gặp luôn người Pháp đó. Và dĩ nhiên, tôi muốn gặp ông Hồ. Có thể nào bây giờ ông ấy đang ở trong sân làng chờ tôi không? Đang nấu đường làm kẹo chăng? Con gái tôi vuốt lại chăn nệm quanh người tôi và mùi oải hương trên người cô ấy vẫn còn ngào ngạt.

"Ông ta vừa đến đây", tôi nói với con gái để giải thích sao nắm cửa lại có chất gì dính tay.

"Ai đến vậy Ba?"

Nhưng tôi quá buồn ngủ nên không nói thêm được, và có nói cô ấy cũng không hiểu, dù con gái tôi là một người sáng trí.

Đêm sau, tôi để đèn sáng chờ ông Hồ đến, nhưng lại thiếp đi nên ông ta phải lay tôi dậy. Ông ngồi trên ghế đem từ bên kia phòng qua. Ông bảo. "Bạn Đạo ơi, thức dậy đi".

Tôi đã tỉnh dậy khi ông kéo chiếc ghế lại gần giường, và tôi nghe ông ấy rõ từng tiếng một. "Tôi dậy rồi đây", tôi nói. "Tôi đang mải nghĩ về những người khốn khổ bị Tây ép lội ra tàu".

"Họ ở trong số những người mà tôi phục vụ", Hồ trả lời, "trước khi tôi quên". Rồi ông đưa tay lên cao, vẫn còn dính đầy đường.

Tôi nói: "Có phải dùng mặt đá cẩm thạch để trải đường lên không?" Ký ức tôi vẫn còn nhớ rõ ràng một cách kỳ lạ, sau bao nhiêu năm, cũng như đã nhớ rõ ràng một cách kỳ lạ tấm danh thiếp của ông Hồ hồi còn ở Ba Lê.

"Một phiến đá cẩm thạch", Hồ nhắc lại, vẻ băn khoăn. "Dùng để trải đường đã thắng lên đấy".

"Đúng". Hồ đưa đôi bàn tay ngọt đường về phía trước, nhưng vẫn không thể chạm mình tôi. Tôi thoáng nghĩ là nên tung mền đưa tay ra nắm lấy tay ông, nhưng ông Hồ bỗng đứng dậy rồi đi lui đi tới trong phòng. "Một phiến đá cẩm thạch, thoa nhẹ một lớp dầu ăn. Dĩ nhiên là chờ cho đường hơi nguội, xong quậy cho đều để đường khỏi đóng thành cục".

Tôi hỏi: "Vậy bạn có thấy nhà tôi không?"

Hồ đi về phía cuối phòng, nghe hỏi liền quay trở lại bên tôi. "Rất tiếc, ông bạn cố tri ơi. Tôi chưa bao giờ được biết vợ bạn mà".

Mặt tôi lúc đó chắc phải lộ ra một vẻ thất vọng nên ông Hồ ngồi xuống rồi cúi gần mặt tôi. "Tiếc quá", ông nói, "Tôi còn phải tìm gặp lại nhiều người ở đó nữa".

"Bạn thất vọng về tôi lắm phải không?" tôi hỏi, "Vì đã không theo con đường bạn đi?"

"Rắc rối lắm", ông Hồ trả lời nhỏ nhẹ. "Bạn thấy là bạn phải làm một hành động gì? Tôi không còn tư cách gì để tra hỏi về sự chọn lựa của một người khác nữa".

"Nơi bạn ở bây giờ, bạn có thấy lòng mình thanh thản không?" Tôi hỏi vậy khi biết ông Hồ đang lo nghĩ về cách thắng nước đường, nhưng hy vọng đây chỉ là một sự rối rắm nhỏ trong kiếp sống của đời sau, như lòng mong mỏi tự nhiên của một người đầu bếp khéo chờ thực khách đến ăn để rồi mọi việc đều kết thúc một cách tốt đẹp.

Nhưng ông Hồ trả lời, "Tâm tôi không thanh thản chút nào. Có sư phụ Escoffier ở đó không?"

"Tôi không gặp thầy. Việc này cũng chẳng liên quan gì đến ông ấy".

"Vậy thì việc gì?"

"Tôi không biết".

"Ông đã chiếm trọn cả nước rồi, chắc ông biết chứ".

Hồ nhún vai, "Chẳng có nước nôi gì ở đây cả".

Lẽ ra tôi phải nghĩ đến cái nhún vai của ông Hồ khi tôi nhận ra những điều trên khuôn mặt con rể và cháu ngoại tôi sáng nay. Nhưng trong lòng tôi lại dâng lên một nỗi ngờ vực. Tôi vẫn nhắm mắt, đầu ngả về một bên như thể ngủ say để cho bọn họ tiếp tục nói.

Lâm, con gái tôi bảo: "Không nên đem chuyện này ra nói ở đây".

Nhưng hai người kia chẳng để ý đến lời khuyên. "Tại sao vậy ba", Lợi hỏi cha, "việc không tìm ra vũ khí gây án mạng".

"Tốt hơn hết là con không nên biết quá nhiều", Thắng trả lời.

Mọi người im lặng. Nỗi ngờ vực ban đầu dâng nhanh nhưng bây giờ đã chậm lại. Thật sự là tôi có nghĩ đến ông Hồ sau lần gặp thứ hai đó. Không phải là nghĩ đến cái nhún vai của ông. Ông ấy đã im lặng một lúc lâu và tôi đã nhắm mắt vì lúc đó trời đã sáng. Tôi đã lắng nghe sự im lặng của ông ấy cũng như tôi đã lắng nghe sự im lặng của hai kẻ âm mưu đang ngồi trước mặt tôi. Rồi ông Hồ bảo,

"Bọn họ điên rồ, nhưng tôi chẳng thể nào còn đủ sức để căm giận họ nữa".

Tôi mở mắt, thấy căn phòng tối lại vì đèn đã tắt. Ông Hồ đã tắt đèn khi thấy ánh sáng làm tôi khó chịu.

"Ai điên rồ?" tôi hỏi.

"Chúng tôi đã chiến đấu bên nhau đuổi Nhật ra khỏi nước. Tôi có nhiều người bạn tốt trong số bọn họ. Tôi đã khoái thuốc Salem của họ".

"Chính họ cũng đã từng bị chính sách thuộc địa áp bức mà. Lý nào họ chẳng hiểu lịch sử của mình sao".

"Bạn muốn nói những người Mỹ à?"

"Ở đây có cả triệu sinh linh với tôi, thanh niên trai tráng của nước tôi, họ đều mặc những bộ đồ lớn màu đen, đội mũ ống. Nhìn qua gương tôi lại thấy cả triệu, cả trăm triệu người".

"Tôi đã chọn một con đường đi, bạn Quốc ơi, để mong tìm một sự hoà hợp".

Và cho dù mong muốn hòa hợp, tôi chẳng thể bỏ qua những gì tôi nghĩ về điều tai tôi đã nghe sáng nay. Thắng đang nói với Lợi là người ta đã vất vũ khí giết người đi rồi. Cả hai đều biết ai chủ mưu, và đều có cảm tình với họ, có lẽ họ cũng đã nhúng tay vào vụ giết người. Cả cha lẫn con trước đây đều là Biệt Kích, và đã nhiều lần tôi nghe họ nói một cách chua chát về cuộc sống lưu đày của đồng bào tôi. Chúng ta đã ngu xuẩn đặt hết lòng tin vào người Mỹ, họ bảo thế. Lẽ ra chúng ta phải nắm lấy cơ hội, dẹp bỏ chính phủ thối nát của ông Thiệu và làm những gì cần làm. Mỗi khi họ nói chuyện này trước mặt tôi, họ đều đưa mắt nhìn vội tôi rồi nhanh nhẩu xin lỗi: "Rất tiếc, ông ngoại à. Ký ức thường mang lại những chua xót cũ. Chúng con mừng vì gia đình đang có được một cuộc sống mới".

Tôi thường xua tay khi nghe họ phân trần, vui mừng khi thấy gia đình đã có lại hòa khí. Mừng đến nỗi tôi quay đầu đi, hít thở hết mùi hoa dương đào hay mùi cây cà phê trồng phía bên kia xa lộ. Những mùi hương này trở thành mùi hương lạ cho gia đình tôi. Nhưng rồi tôi lại thấy người yếu hẳn đi. Những người kia, bọn đàn ông, tản mác, và rồi có lẽ một trong hai cô con gái của tôi sẽ đến bên tôi, tay vuốt lên đầu, không ai nói một lời và chẳng ai hỏi tại sao tôi khóc. Tôi đã ngửi thấy được mùi nồng của máu cuống nhau rốn, tay bế thằng con trai sơ sinh đầu lòng, mình mẩy còn nhớp nháp. Tôi còn

ngửi thấy được mùi bụi đường trong sân làng, mùi biển Nam Hải phía bên kia đồi, rồi tôi ngửi được mùi máu, mùi da thịt của vợ khi đứa con từ trong lòng người vợ yêu dấu lọt ra, như một dòng biển chảy tuôn lôi cuốn nó vào một cuộc đời vấn số. Ở đời sau, liệu nó vẫn còn đứng trên đôi chân trẻ chưa vững, liệu tôi có phải cúi người xuống để hỏi han nó không, hay bây giờ nó đã thành một người lớn? Sau khoảng im lặng gần như đưa tôi vào giấc ngủ, một giấc ngủ chập chờn, đứa cháu ngoại tôi nói với ba nó: "Không biết được cũng hèn".

Thắng cười rồi trả lời. "Con đã chứng tỏ mình không phải là một người nhút nhát".

Lúc đó tôi chỉ mong ngủ được, tôi chỉ mong thiếp đi, buông thả đời sống trong một giấc mơ và đi tìm sân làng. Tôi đã sống quá lâu, tôi nghĩ thế. Con gái tôi nói: "Cả hai cha con có khùng không?" Rồi cô ấy đổi giọng, nói rõ từng tiếng, "Để yên cho ông ngoại ngủ".

Vì thế khi ông Hồ đến thăm tôi lần thứ ba đêm nay, tôi muốn hỏi ý kiến ông. Tay ông vẫn còn đầy đường, đầu óc ông vẫn còn bối rối như hai đêm trước.

"Vẫn có điều gì chưa đúng khi thắng nước đường", ông ta nói với tôi trong bóng tối.

Tôi tung chăn, giang chân đứng dậy. Ông ấy không ngăn tôi, nhưng lại lặng lẽ rút vào bóng tối.

"Tôi muốn đi rảo quanh phòng với bạn", tôi bảo. "Như chúng ta thường đi rảo ở Ba Lê, trong căn phòng nhỏ xíu của mình. Chúng ta thường nói chuyện về Marx, về Phật, và tôi muốn rảo bước với bạn ngay bây giờ".

"Được lắm", ông ấy trả lời, "Có lẽ sẽ giúp tôi nhớ lại".

Tôi thò chân vào dép, đứng dậy, chiếc bóng ông Hồ đi qua tôi, qua khoảng ánh sáng đèn đường hắt vào, rồi qua góc tối gần cửa. Tôi theo ông, vẫn ngửi thấy mùi đường trên tay, lúc đầu còn ở phía trước tôi, sau đó lại đi quá tôi, khi tôi bước vào vùng bóng tối mà ông ấy vừa mới rời khỏi. Tôi ngừng lại, quay người, thấy dáng ông Hồ trước cửa sổ rồi nói:

"Tôi nghi là con rể và cháu ngoại của tôi đã nhúng tay vào vụ giết người. Một vụ ám sát chính trị".

Hồ vẫn đứng yên nơi đó, một bóng đen thẩm nổi bật trên vùng ánh sáng, và ông ấy chẳng nói lời nào, và từ bên này phòng, tôi

không còn ngửi được mùi đường ở tay ông nữa. Tôi chỉ ngửi được mùi chua của Lợi khi hắn ngả đầu lên vai tôi. Lúc đó hắn còn là một đứa bé, Lâm, con gái tôi đã đi ra bao lơn cửa sổ sau khi đưa đứa bé cho tôi, đứa bé quay đầu, tôi cũng quay lại nhìn nó, tôi ngửi thấy mùi sữa chua của mẹ nó, trong phòng có mùi hương nghi ngút khói, mùi hoa lài, mùi khói các sinh linh, đứa bé thở dài trên vai tôi, rồi tôi quay mặt đi tránh ngửi mùi chua trên người nó. Thắng dang ở phía bên kia phòng, đôi mắt liến thoắng tìm vợ, chờ vợ bồng con ra khỏi tay ông ngoại.

"Anh chưa bao giờ làm chính trị", ông Hồ nói.

"Có đúng vậy không?"

"Dĩ nhiên".

Tôi hỏi "Chỗ bạn ở bây giờ có sinh hoạt chính trị không?"

Tôi không thấy ông tiến lại gần tôi nhưng mùi đường trên tay ông càng lúc càng ngạt ngào và tôi cảm thấy Hồ Chí Minh rất gần bên tôi, dù tôi không thấy ông ta được. Ông đang ở sát bên tôi, mùi đường càng lúc càng mạnh, tôi hít cho tràn ngập buồng phổi, như thể ông Hồ đang ở bên trong người tôi, vừa đi qua thân xác tôi, rồi tôi nghe tiếng cửa mở đằng sau lưng và tiếng cửa đóng nhẹ.

Tôi bước qua phòng tiến lại giường. Tôi quay người để ngồi xuống, nhưng lại đối diện với cửa sổ, ánh sáng đèn đường lỗ chỗ như một dải ngân hà ở nơi chốn nào xa xôi trong vũ trụ. Tôi đến bên cửa sổ, đưa say sờ lên vùng ánh sáng phản chiếu, phân vân không biết khi một tinh tú bùng nổ có phát ra một mùi hương nào không, một mùi cháy khét tro bụi chẳng hạn. Rồi tôi kéo kín màn cửa, lên giường, một cách nhẹ nhàng, tôi cảm thấy người lâng lâng, nằm đó chờ giấc ngủ đến. Ông Hồ có lý, dĩ nhiên. Tôi sẽ không bao giờ nói một lời nào về đứa cháu ngoại của tôi. Và có lẽ khi theo ông Hồ, tôi cũng sẽ băng hăng như ông ấy. Nhưng vậy cũng chẳng sao. Tôi và ông Hồ sẽ gặp lại nhau và có lẽ chúng tôi có thể đỡ đần cho nhau. Bây giờ tôi đã nhận ra được ông Hồ đã quên điều gì. Ông ấy đã dùng loại đường của người làm kẹo, thay vì dùng đường cát. Lúc đó tôi chỉ rửa bát nhưng đã hết sức chú tâm vào bí truyền của ông Escoffier. Tôi muốn biết rạch ròi mọi chuyện. Bếp núc của ông ấy có quá nhiều thứ mùi vị và bạn biết là mình phải hiểu cho thật rõ ràng, nếu không thì những gì bạn làm sẽ chẳng bao giờ viên mãn.§

Robert Olen Butler

MAI KIM NGỌC

chị em

CHƯƠNG TÁM

LỐI THOÁT

16. Cuộc đi bách bộ buổi tối trở thành một cực hình. Bà Thuần gần như độc quyền câu chuyện giữa ba người, và công viên không còn là một thế giới yên tĩnh riêng tư của hai cha con. Đi sau lưng bà, cô không còn nghe thấy tiếng côn trùng trong cỏ, hay tiếng gió xào xạc trong tàn lá. Tất cả chỉ còn những thị phi của cộng đồng di tản bà mang từ chùa hay hội về, chuyện giật hụi, chuyện ly dị, chuyện vỡ nợ, chuyện ngoại tình, tất cả những chuyện eo sèo hằng ngày, nghe xong mà cả giờ sau dư vị bất an vẫn còn dai dẳng trong tâm trí. Nhiều khi cô muốn nói, "Mẹ ơi, còn bao nhiêu chuyện vui vẻ tốt lành, sao mẹ cứ chọn những cái đen tối xấu xa mà bận tâm..."

Cô trốn tránh bực dọc bằng cách ôn lại quá khứ. Cô nghĩ đến Lương, đến những kỷ niệm êm đềm. Có lúc cô tính trở lại Ca-Li sống với Lương, phấn đấu với hoàn cảnh để bắt lấy chút hạnh phúc cuối đời cho hai người, để rồi lại thấy hy vọng tắt ngúm khi hình ảnh thô bạo và nham nhở của thằng Thoại hiện về trong đầu.

Còn bà, hễ có dịp là bà nhắc đến Bảo và việc anh cầu hôn. "Tin mẹ đi con, người ta là chỗ đàng hoàng tử tế... Ở nhà đã là luật sư dân biểu, sang đây vẫn là người có chức phận... Chẳng còn đám nào hơn đám này," bà thường bảo cô.

*

Một hôm ăn tối xong, mỏi mệt như người sắp cảm, cô bỏ không đi bách bộ với cha mẹ. Ở nhà một mình, cô ngạc nhiên thấy cái mệt

bỗng như tiêu tán. Cả cái ý niệm khẩn trương luôn luôn nằng nặng nơi trán cũng biến đi đâu mất. Cô giật mình tự nhủ, "Không, không thể được, mình không thể để mẹ lôi cuốn vào lối sống này... Mẹ sống khổ quá, lúc nào cũng bực dọc, thét rồi bực dọc trở thành cơm bữa, không có không chịu nổi..."

Cô tìm một lối ra. Cô nghĩ đến chị Quỳ và thấy ấm trong lòng. Hôm đã lâu, chị cho hay sở cần tuyển người, và chị giục cô nạp đơn. Chị tự tay thảo đơn cho cô, viết thơ giới thiệu, và hai tối liền chị tới nhà tập cho cô cách đối đáp những câu phỏng nhân viên thường hỏi người xin việc. Chị lạc quan bảo, "Em thế nào cũng được việc này. Tiếng Anh em khá lắm, mà em thông minh, ăn nói gẫy gọn..."

Chị thật là người tốt, mà tội nghiệp, một thân một mình trong căn nhà rộng thênh thang. Cô thắc mắc tại sao chị không lấy chồng lại. Cơ hội không phải là không có. Những lần đến thăm chị, cô thấy những hộp kẹo những bó hoa một người đàn ông thỉnh thoảng gửi tặng chị. Có lần cô thấy chiếc ống điếu Dunhill ông bỏ quên nơi bàn nước phòng khách. Cô chưa gặp mặt mà cũng chưa thấy ảnh ông ta.

Cô bỗng ghi nhận là nhà chị rất ít ảnh, cả đến ảnh người chồng Mỹ cũng không thấy treo. Ngoài hai bức chân dung cha mẹ chị bầy trên bàn thờ, tấm ảnh độc nhất được đặt trên chiếc bàn con trong phòng ngủ, chụp một buổi liên hoan tại bộ công chánh khi chị còn làm cho ba cô.

Hồi ấy chị đẹp và trẻ lắm. Nhưng chị không bận tâm đến chân dung của chị. Thấy cô tần ngần nhìn tấm ảnh chị bảo, "Em... Bác trông lịch sự quá em nhỉ. Bao giờ bác cũng có cái phong thái vừa đáng mến vừa đáng kính..."

Có lần cô hỏi chị về người bạn của chị mà cô chưa biết mặt. Chị nói anh ấy dễ thương lắm, kém ba em chừng mươi tuổi, góa vợ, con cái đã trưởng thành... Khi cô hỏi sao chị không nhận lời ông ta cầu hôn, chị bảo chị cần bạn tâm đắc hơn là cần chồng. Tinh nghịch chị nói thêm, "Bạn là bạn thật đấy... ngoài ra không có gì khác nữa đâu. Em coi, cái ống điếu bỏ quên cũng bỏ quên ở ngoài phòng khách chứ không phải ở đầu giường ngủ của chị..."

Chuyện nhân duyên của chị làm cô chạnh nghĩ đến chính cô và cô tủi thân. Cô không có quyền chọn bạn tâm đắc. Dưới áp lực của mẹ, lối ra độc nhất của cô là Bảo. Thật là mỉa mai. Mới hôm trước gặp lại, cô còn thấy anh vẫn hời hợt phô trương và lố bịch như xưa.

Nghe anh ly dị, cô chỉ nghĩ "đáng kiếp". Cô hoàn toàn thông cảm với vợ anh, dù chưa gặp mặt người đàn bà ấy bao giờ. Vậy mà giờ đây, có thể cô phải lấy anh làm chồng.

Giá cô kiếm được việc làm bây giờ. Vừa có phương tiện mưu sinh, vừa có cơ hội thoát ra khỏi cái khung cảnh này... Nhất là lại được làm chung sở với chị... Cô nhắm mắt mơ màng suy nghĩ... Nếu áp lực từ phía mẹ còn gia tăng nữa, biết đâu chị chẳng mời cô về ở chung...

Vậy mà đã gần tháng rồi mà họ vẫn chưa gọi cô đi làm. Hy vọng xẹp dần. Thời buổi khó khăn, cô không xin được việc cũng là điều không đáng ngạc nhiên. Nhưng mà chưa bao giờ cô cần việc như thế này...

Rồi cô lại nghĩ, dù không có việc cô vẫn có chút vốn, cùng lắm vẫn ở chung với chị được nếu cuộc sống với mẹ trở nên ngột ngạt quá. Thật ra cô với chị rất giống nhau, về sở thích cũng như cách nhìn mọi chuyện... Cô mơ màng thấy chị còn giống cô nhiều nữa. Cả hai cùng trung thành với một người đàn ông, chị trung thành với ba cô cũng như cô trung thành với Lương. Nghĩ xong cô giật mình thấy cái nguy hiểm của trí tưởng tượng... Không, không thể nào có chuyện gì bất chính giữa ba cô và chị Quỳ... Cả chuyện dọn tới ở với chị cũng thật là hoang tưởng, thật ra cô mới quen chị gần đây, dù sao cũng chỉ là chỗ sơ giao...

17. Cô nghĩ đến dọn về Ca-Li ở với con Tâm, rồi cô đổi ý. Không, không được, gia cảnh nó hiện lụ: đục lắm. Mấy cái thơ gần đây nó gởi cho cô tuy không than thở chuyện gì cụ thể, nhưng giọng văn buồn quá. Tại sao? Hiệu thuốc tây của nó khá, chồng nó khỏe mạnh, con nó học giỏi... Cái buồn của nó ở đâu nhỉ...

Tội nghiệp con Tâm, cô nghĩ. Chỉ vì mẹ mà nó đã bỏ anh chàng phi công để lấy Hoài. Không biết nếu lấy được Quân thì bây giờ nó ra sao. Chuyện cũ hiện lại rành mạch trong trí cô.

Hồi ấy cô đã phục hồi sau cơn bạo bệnh và đã trở về Sài Gòn sống cuộc sống kể như bình thường, sau một thời gian dài tu tập tại thiền viện Đà Lạt... Cô đã đi học lại được hơn hai năm tại trường cán sự. Lương đã có vợ và dọn đi xa, còn cô như đã tắt lửa lòng, sống với ý nguyện độc nhất là chăm lo cho sự an vui của người

khác. Cô đã nhất quyết sẽ về Long Khánh làm việc tại trại mồ côi một khi tốt nghiệp.

Cô ở nội trú nhưng cuối tuần vẫn về nhà, và cô đã được chứng kiến mối tình đầu của em. Tâm gặp Quân một buổi chiều thứ bẩy, đang lúc ngồi bên chị ngoài vườn hoa phía trước. Cô nhớ nó đang đọc cuốn tiểu thuyết thời thượng 'Vol De Nuit' của Saint Exupéry cô vừa cho nó mượn. Nghe tiếng mô-tô nổ đồn rồi tắt hẳn ở cổng, nó ngẩng lên. Vẻ ngỡ ngàng bất thần trên mặt em làm cô nhìn theo để thấy Quân đang nhẹ nhàng từ yên xe nhảy xuống, chiếc Harley to lớn kềnh càng như một con ngựa Ả Rập... Anh dựng xe rồi rắn rỏi bước mấy bước dài tới bấm chuông. Bên kia cổng sắt uốn, cô thấy dáng anh dong dỏng cao, mang sắc phục đại úy phi công. Khuôn mặt xương xương, sống mũi thẳng, đôi mắt sáng mà đen láy như hai hòn than, và sau cùng bộ ria mép rậm. Cô nghĩ em cô hốt hoảng là phải, anh đẹp trai như vị hoàng tử tuấn tú vừa bước ra từ cuốn tiểu thuyết nó đang đọc...

Tâm sau cùng hoàn hồn, tay còn cầm sách, chạy vội ra mở cổng. Cô nghe nó lúng túng mời anh vào nhà, thấy anh mỉm cười, nửa như tinh nghịch nửa như xúc động trước sắc đẹp của nó. Anh đưa cho nó một gói bọc giấy dầu vuông vắn như một hòn gạch, miệng anh mấp máy mấy câu mà ở xa cô không nghe rõ... Anh nhìn đồng hồ rồi nhìn cuốn tiểu thuyết trên tay Tâm, nói lớn giọng, không cợt nhả, nhưng có dí dỏm đưa duyên:

"Cô cho khi khác. Tôi e hôm nay có phi vụ đêm..."

Leo lên xe, anh vẫn nấn ná nói chuyện với nó thêm vài phút nữa. Sau cùng anh ngả tới đằng trước nói một câu chót rồi rồ máy chạy đi, và Tâm đứng nhìn theo cho đến khi chiếc Harley mất dạng. Cô mỉm cười nghĩ em cô đã gặp niềm vui đầu đời... Cô lại nghĩ, đã chắc gì là niềm vui, và cô bỗng muốn che chở cho nó, để rồi thấy mình cả lo... Con nít nào lớn lên chẳng phải qua cái đau mọc răng...

Con Tâm bây giờ trở lại bên cô, má nó còn đỏ bừng. Cô hỏi em:

"Ông phi công cho Tâm gói gì thế?"

"Không phải cho em, mà cho chị Năm..." Nó đưa gói giấy lên mũi ngửi "Chuối khô chị ạ... Của bà Tám - mẹ ông ấy - gửi biếu chị Năm, ông ấy bảo em thế..."

"Chuối khô thì đúng khẩu vị của chị Năm... Mà sao em không mời ông ấy vào nhà chơi?"

"Chị nghe thấy rồi mà còn vờ hỏi em... Ông ấy bảo phải về căn cứ đợi phi vụ đêm... *Vol de Nuit* mà... Rõ ràng là ông thấy tựa cuốn tiểu thuyết nên trêu em..."

"Chủ quan! Phi công thì bay đêm cũng là sự thường, chắc gì người ta trêu cô..."

"Ông ấy trêu thật đấy chị ạ. Em hỏi ông ấy có thích Saint Exupéry không, ông ấy bảo có, thích nhất là cuốn 'Hoàng Tử Bé'. Lúc sắp đi lại nói thêm là nếu có cuốn "Công Chúa Bé" ông chắc còn thích hơn... Nói chuyện mà cứ nhìn chòng chọc vào mặt người ta, thật là dễ ghét..."

"Ghét thế mà thoáng một cái đã nói với nhau được chừng ấy chuyện..."

"Chị này nữa..."

Cô giải vây cho em:

"Thôi, em vào đưa quà cho chị Năm đi."

Tâm không nhúc nhích. Nó hỏi:

"Không biết bà Tám nào nhỉ. Có vẻ tử tế..."

Cô không nhịn được cười:

"Chưa thấy mặt người ta mà cũng chưa biết người ta là ai mà đã khen tử tế..."

Tâm cãi:

"Chắc là chủ cũ của chị Năm chứ gì... Người làm không ở với mình nữa mà vẫn còn sai con trai mang quà tới cho... như thế không tử tế sao? Quà lại đúng khẩu vị..."

*

Ngay hôm ấy hai chị em bắt đầu tìm hiểu về bà Tám và Quân qua chị Năm. Sự thật bất ngờ cho cả hai chị em. Bà Tám không phải là chủ cũ mà là bạn hàng xóm thân của chị Năm bên Khánh Hội, cho đến khi vợ chồng chị được dọn vào khu nhà bồi của gia đình cô ở, ngay trong căn buồng bỏ trống từ khi Lương dọn đi. Căn nhà cũ của chị sát vách bà Tám nghe nói chị đã cho con gái ở với chồng.

Bà Năm còn cho hay là cha Quân người Pháp lai, kể như là thất học, làm cặp-rằng cho nhà máy bia Con Cọp. Mộng của ông là cho con trai học trường Pháp, dậy dỗ theo văn hóa của quê cha. Ông chẳng may lâm nạn trong lúc làm việc, bị thương nặng, ít lâu sau qua đời. Chủ Tây thương tình, ngoài tiền bồi thường cho mẹ Quân,

còn can thiệp cho Quân được học bổng của bộ giáo dục Pháp. Đang học đệ thất một trường tư đô thành, Quân được chuyển lên nội trú trên Đà Lạt tại lycée Yersin, mấy tháng hè mới về với gia đình. Mẹ Quân nhờ số tiền bồi thường của hãng, mua lại một xạp hàng trong chợ Bến Thành tần tảo nuôi đám em sáu đứa của Quân.

Thi hỏng tú tài hai, lại vừa đúng tuổi lính, Quân tình nguyện vào Không Quân sang Mỹ học lái phản lực. Can đảm và anh hùng, Quân được thăng thưởng nhanh chóng... Chị Năm bảo Quân là đứa con hiếu thảo, mặc dầu có lương tiền vẫn ở chung nới mẹ để giúp đỡ gia đình cho đến khi được cấp một căn phòng miễn phí tại Câu Lạc Bộ sĩ quan...

*

Càng biết nhiều về anh chàng sĩ quan không quân, Tâm càng mê mẩn. Nó bảo cô Quân có nhiều điểm chung với nó. Cùng học một chương trình, cùng thưởng lãm một thứ văn học, cùng đọc một loại sách, nhất là sách của nhà văn phi công Saint Exupéry mà bây giờ nó đã mua được toàn bộ. Cái nghèo của gia đình Quân, dưới mắt con Tâm, cũng làm anh quyến rũ hơn người khác. Còn cái nguy hiểm của nghề bay chỉ đem lại thêm hào quang cho người thanh niên đẹp trai ấy.

Còn cô, cô thấy hoàn cảnh cũng như gốc gác của Quân bất thường quá. Nhà nghèo lại hiếu thảo, lại lịch lãm bay bướm, chuyện Quân có quá nhiều mâu thuẫn. Cô không còn đi dự những dạ vũ sinh viên như trước, nhưng qua em cô biết Quân nhẩy giỏi hát hay, tóm lại lịch lãm như những phi công đồng nghiệp khác... Tất nhiên là anh không xa lạ với phòng trà tiệm nhẩy, và mức sống hào hoa tất nhiên không phải là không tốn kém. Không biết sau một tối vui chơi, tiền chi đủ tiền chợ một tuần cho mẹ và các em của anh đang sống bên Khánh Hội, anh nghĩ gì... Cô thấy Quân có hai đời sống, và cô thấy khó chịu cũng như lo âu cho mối tình đầu của em.

Cô càng lo ngại hơn khi ghi nhận ra rằng chị em cô biết về Quân bao nhiêu, thì mẹ cô cũng biết bấy nhiêu, qua nguồn tin chung là chị Năm. Tuy nhiên, bà biết chậm mấy tháng, vì lúc đầu Quân kín đáo tìm gặp Tâm ở cửa trường Regina Mundi, và bà cho rằng những cuộc thăm viếng của Quân hoàn toàn giới hạn trong đời sống giao tế của nhà dưới. Phải đợi Quân lấy cớ mang quà cho chị Năm đến nhà cô lần thứ năm, mẹ cô mới để tâm. Lần ấy đi công tác bên Thái

Lan về, ngoài mấy thước lụa thâm biếu chị Năm, Quân cao hứng tặng Tâm một hộp kẹo chocolat Thụy Sĩ.

*

Phản ứng của bà với Quân hoàn toàn khác phản ứng của hai chị em. Tình cờ cô đã được nghe bà bàn với ông, "Ba ạ, không được, không thể để cho hai đứa chúng nó mê nhau... Con Tâm này còn cứng đầu hơn con Hoàng, nhưng em đã có cách trị...". Cô không nhớ ba cô đã nói gì hôm đó, nhưng như thường lệ, bà nói câu cuối cùng. "Mình phải khéo lắm mới được... Ba đừng can thiệp Ba nhé, chuyện đàn bà con gái, Ba cứ để em xử cho... Ba không cùng ý chí với em rồi lại hỏng bột hỏng đường như chuyện con Hoàng thôi..."

Rồi bà bắt đầu xử lý theo cung cách của bà. Một hôm trong bữa ăn, nhân vụ báo đăng một phi công thiệt mạng vì máy bay rơi xuống sông, bà bảo nghề bay là một nghề đoản mệnh. Máy bay là đồ phế thải của Mỹ, bảo trì lại dở... Bà tỏ ý thương xót người vợ trẻ góa chồng và đám con mồ côi cha... "Thật là phí một đời con gái..."

Tâm mơ màng. Rồi nó chậm rãi nói, "Con nghĩ phí nhất là đời người phi công trẻ lâm nạn, chưa có dịp giúp nước... Còn thời loạn, con trai đã chịu hiểm nghèo như vậy, thì con gái có long đong một chút cũng là lẽ thường..."

Cô ngạc nhiên với sự thay đổi nơi em, thường ngày nó ít khi đối đầu với chuyện gì. Nhịn con gái bà không bắt lời, nhưng cô biết bà kiên nhẫn đợi một dịp khác. Dịp ấy, Quân mang đến biếu Tâm một con búp bê Nhật Bản mặc kimono lụa, đặt trong lồng kính cao nửa thước tây. Thấy mẹ lần trước không làm ầm ĩ về hộp chocolat, con Tâm đem quà ra khoe chị trước mặt mọi người. Bà ngắm con búp bê tấm tắc khen đẹp, bảo Quân lịch lãm khéo chọn quà. Bà lại bảo Quân thảo quá vì món quà quá sang, đồ chơi mà chắc còn đắt hơn một cái áo đẹp cho con gái nhà nghèo... Để kỳ tới chị Tám lên, bà sẽ biếu lại một xấp hàng cho con Rạng con gái chị để nó may áo dài... Sau cùng bà dặn Tâm, "Bận sau con đừng nhận những món quà như vậy của anh ấy, gia cảnh anh ấy không khá lắm đâu con ạ..."

Tâm chưng hửng, nước mắt chạy quanh. Câu nói của mẹ đã bóp nghẹt cả cái vui nhận quà người yêu tặng... Tội nghiệp con Tâm, và cô tự nhủ lát nữa cô sẽ vào buồng em khuyên giải nó. Cô sẽ giúp nó

đối phó với mẹ. Còn nữa, cô sẽ cầu cứu ba cô, sẽ nhờ ông can bà đừng hành hạ con Tâm về chuyện Quân nữa...

*

Quân và Tâm vẫn khăng khít với nhau. Hơn nữa, nó trở nên bướng bỉnh. Không còn thụ động, nó bắt đầu phát biểu những ý nghĩ táo bạo về những câu chuyện liên hệ đến Quân. Về phần bà, mức can thiệp cũng trực tiếp hơn. Một hôm ông vô tình khen Quân xem ra có kiến thức, "Nó nhà binh mà cũng đọc nhiều lắm... Hôm trước tôi thấy nó bàn về Proust và Gide với con Tâm cũng đâu vào đấy lắm..." Bà khen theo, "Cậu ấy lịch lãm nhất nhà đấy... Nhưng gia cảnh chị Tám, lịch lãm như vậy chắc cũng lạc chạc lắm..." Bà lại bảo anh chàng bây giờ còn bay nhẩy, nhưng vài tuổi nữa tất phải giúp mẹ lo cho các em, nhất định là sẽ vất vả lắm.

Tâm cãi:

"Mẹ ạ, Ba Mẹ vẫn dậy con là nghèo giầu mà ăn nhằm gì, người ta quý là ở chỗ tư cách nhân phẩm. Anh Quân không trốn lính như một số con nhà giầu chạy chọt sang Pháp du học... Lại biết lo cho mẹ và em..."

Thấy Tâm hỗn với mẹ, cô đá khẽ chân em làm hiệu. Nhưng mẹ cô không mắng Tâm. Bà ôn tồn hỏi nó:

"Con thấy anh Quân thế nào?"

"Con nghĩ một người đàn ông có tư cách như anh Quân xứng đáng có vợ giỏi dang để giúp anh trên đường đời..."

Cô giật mình. Tâm mới mười bẩy đang học philo, chồng con gì... Cô biết mẹ cô cũng giật mình, và cô nghĩ bà sẽ dứt khoát hành động.

*

Một hôm cuối tuần, bà Tám và Rạng tới thăm chị Năm. Bà Thuần gọi hai người đàn bà lên nhà trên. Bà bảo, "Hôm nay cả nhà đi nghe hòa tấu nhé..." Chị Năm nhanh nhẩu, "Thế để con gọi nhà con sửa soạn xe..."

Thấy chị như chưa hiểu ý, bà bảo bà muốn nói cả nhà là cả vợ chồng bác tài, và mẹ và em gái Quân. Ngạc nhiên với sự việc bất thường, chị Năm thưa:

"Bà thương người, nhưng con không dám... Vả lại con đã mua lỡ vé đãi mẹ con chị Tám đi xi-nê Long Phụng. Khổ quá, từ lúc lên

chơi, hai mẹ con xem báo Tiếng Chuông cứ ao ước được coi 'Sữa Rừng Thay Sữa Mẹ'"

"Chị nói sữa gì nhỉ?" Bà Thuần hỏi lại.

"Dạ 'Sữa Rừng Thay Sữa Mẹ'. Phim Ấn Độ mới về ấy mà..."

Bà Tám nói góp:

"Bẩm bà, ông bà và hai cô cứ mặc chúng con... Chúng con đi nghe nhạc Tây thì cứ như vịt nghe sấm... chỉ uổng tiền thôi..."

Không để ý đến Tâm đang cúi mặt đi gót giày xuống sàn, mẹ cô cười hiền lành, móc trong ví ít tờ giấy bạc đưa chị Năm, bảo chị cầm lấy ăn quà và đãi bạn vậy... Chị Năm xun xoe cất tiền vào túi trong khi ba cô ái ngại nhìn con Tâm. Hoàn cảnh vụng về đến tội nghiệp làm cô ân cần ôm vai em... Nhưng Tâm gỡ ra khỏi tay chị. Nó nói với mẹ:

"Con đổi ý mẹ ạ... Ba mẹ và chị Hoàng cứ đi nghe hòa tấu đi... Con xin phép đi xem xi-nê với chị Năm và bác Tám..."

Hôm ấy trên bàn ăn tối, nó khen phim hay lắm, vừa có đạo lý mà diễn xuất lại cao... Nó dặn chị Năm bao giờ Long Phụng lại có phim hay, nhớ rủ nó đi cùng...

Cái thích của Tâm không tự nhiên. Cô nhìn em, phân vân không hiểu nó ồn ào như vậy để khiêu khích mẹ hay để tự trấn an...

*

Cũng như mọi lần trước, bà nhìn con gái. Nhưng nhìn nét mặt mẹ, cô biết bà tin tưởng sẽ thuyết phục được Tâm. Quả vậy, em cô tuy vẫn cứng đầu nhưng Quân đã tỏ ra nao núng. Cuối tuần sau, anh tìm cách gặp riêng cô. Anh nói anh rất khốn khổ khi nghe Tâm đi xi-nê Long Phụng. "Chị ạ, dân coi phim Ấn Độ là dân thất học, lại hỗn nữa, không biết lúc đèn tắt, chúng nó có quấy rầy gì Tâm không? Bận sau em không có mặt, chị giúp em đừng để chuyện như vậy xảy ra nữa..." Cô thương hại Quân. Anh lo cho Tâm, thế còn mẹ và em anh đi rạp Long Phụng năm này qua năm khác thì thế nào...

Cô thấy anh yêu Tâm mà đánh mất cái oai phong bất cần đời như hôm đầu anh cỡi mô-tô đến mang quà cho chị Năm. Rồi cô xót xa nghĩ đến Lương... Lương của cô có thể có một trăm tật xấu, nhưng không bao giờ hèn... Lương có cái kiêu hãnh hồn nhiên về gia đình, về cha mẹ. "Thày Bu tôi," cô lẩm nhẩm và cảm thấy êm ả với âm hưởng thôn dã của hai chữ quê mùa Lương dùng để gọi bố mẹ... Cô nhớ lời anh nói về ông Đội hôm cô đi thăm Hố Bò... 'Thày

tôi hạ được cọp ở chỗ mỏm đá kia kìa...' Thật là chân phương hồn nhiên mà lại tự tại kiêu hãnh...

Cô bỗng thấy rõ nhược điểm của Quân. Ông chủ Tây hãng bia B.G.I. khi giúp đỡ Quân, đã vô tình tạo cho anh một giằng co tội nghiệp. Một bên là cảnh sung túc vay mượn từ trường Yersin đắt tiền và từ đám bạn phi công hào hoa con nhà giầu của anh, và một bên là cuộc sống lao động của gia đình ruột thịt. Và còn tội nghiệp hơn nữa khi bắt lấy những cung cách của xã hội cao sang với những Saint Exupéry, những Gide, những Proust, những hòa tấu, những hộp chocolat Thụy Sĩ, anh đã phụ gốc gác và những người thân của mình, ít nhất là trong tiềm thức.

Cô bớt hăng hái trong việc che chở cho cuộc tình của Quân và em cô. Nhưng cô cũng không nỡ nói thẳng với em những nhận xét của mình về Quân. Và cứ như vậy, cô chứng kiến mối tình đầu của nó tan rã.

*

Mối tình ấy tan rã một sáng thứ bảy. Hôm ấy mọi người đang ăn sáng, vợ chồng bác tài lên xin phép về thăm con gái vừa sanh. Khi biết con Hoa đang sống với chồng tại căn nhà cũ của bác bên Khánh Hội, bà nẩy ra ý kiến đích thân tới thăm nó để chia vui cùng vợ chồng bác. Bà rủ Tâm và cô cùng đi. Cô ngạc nhiên vì sự lưu tâm bất thần của mẹ với đời sống riêng tư của người làm. Nhưng khi bà nói, "Không xa lắm đâu Tâm ạ... Con chắc cũng biết đường mà..." cô hiểu dụng ý của mẹ. Cô nhìn sang em. Con Tâm đang chấm miếng bánh mì vào cốc sữa Ovaltine, ngưng lại nửa chừng ngỡ ngàng nhìn mẹ. Bà nói tiếp, "Mẹ nghe nói sát bên nhà chị Tám ấy..."

Bây giờ thì nó hiểu. Nó nói, "Thích quá mẹ nhỉ... Thế để con ăn mau rồi đi với mẹ. Luôn tiện, con ghé thăm bác Tám và Rạng..." Nó nhấn mạnh chữ *bác* như thách đố chữ *chị* bà dùng để chỉ mẹ Quân. Mẹ cô mỉm cười hồn nhiên, tựa hồ như không có gì bất thường.

Lúc sắp ra xe, bà bảo, "Các con có đi nhà tắm thì đi đi, mẹ nghe nói xóm đó họ sống cơ cực và thiếu vệ sinh lắm con ạ..." Bên cô, Tâm lẩm nhẩm nói một mình, "Người ta cũng là người, họ sống được năm này qua năm khác, mình thăm họ vài giờ đồng hồ mà sợ gì..." Cô rất khổ tâm, vì mặc dầu cô đã căn dặn mà nó vẫn trêu ngươi mẹ. Rồi cô thấy bất lực trong dự tính che chở cho Tâm. Mẹ thì

khó khăn mà em lại bướng bỉnh. Khó lòng mà cô giúp nó tìm một giải pháp ổn thỏa để bà chấp nhận Quân...

*

Căn nhà chị Năm ở trong hẻm, bác tài phải đậu xe ngoài đường nhựa rồi cả nhà lội bộ vào. Mẹ cô và vợ chồng bác tài đi trước. Cô và con Tâm đi sau, tò mò ngắm cảnh sinh sống của khu phố lao động.

Cách Sài Gòn vài cây số mà cô tưởng như bước vào một thế giới khác. Nhà cửa hai bên hẻm san sát và lụp xụp, mặt tiền trồi ra thụt vào, phần lớn dựng bằng ván và những vật liệu phế thải như gỗ thùng cũ hay tôn lá cắt từ những bi-đông thiếc đập dẹp, có khi phủ một lớp sơn nham nhở có khi để nguyên những nhãn hiệu cũ như Coca-Cola, Rhum Martin... Đi ngang một đám trẻ đang đá ban ngoài đường, cô nghĩ ở đây tất có trường tiểu học, suy từ những sách vở giấy bút bầy bán trong tủ kính một tiệm chạp phô nhỏ, bên cạnh những món đồ lặt vặt như kim chỉ hay kẹo bánh rẻ tiền...

Mặc dầu khung cảnh nghèo khó, cô không thấy khổ sở trên mặt những người cô gặp. Mấy bà nội trợ ngồi nhặt rau làm cá ngay vỉa hè, vui vẻ nói chuyện với nhau. Góc đường, một chú Ba mặc xà lỏn và mai-ô ba lỗ đứng rao hàng cạnh gánh bánh bao bốc khói... Khách hàng của chú là bác tài xe ba gác đang sửa ổ bi trục xe, mặt mũi lấm dầu, tạm ngưng tay ăn chiếc bánh nóng trong khi thằng con trai bác từ trong nhà đang bưng ra cho bố ly nước.

Tiếng trẻ khóc thét làm cô giật mình. Cô quay lại thấy một em bé bốn năm tuổi đang dậm chân ăn vạ, tay còn với theo một chiếc bóng bay mầu vàng cam em vừa để tuột, trong khi mấy đứa trẻ khác đang quây quần xung quanh anh bán bóng ôm bụng cười ngặt nghẽo. Cô dừng chân mua đền em bé chiếc bóng khác. Cầm chiếc bóng mới, em bé toét miệng cười, và niềm vui của nó lây sang cô. Cô bỗng thấy có một cái gì đẹp lắm trong cảnh sống lam lũ xung quanh. Cái lo cũng thật mà cái vui lại còn thật hơn...

Cao hứng cô chỉ cho Tâm một căn nhà lợp tôn còn mới ở góc đường, cửa treo bảng gỗ kẻ chữ thập đỏ trên nền trắng, dưới viết nguệch ngoạc mấy chữ 'Y tá chích thuốc theo toa bác sĩ'. Cô bảo, "Bao giờ tốt nghiệp về Long Khánh, có khi chị sẽ mở phòng hành nghề như người y tá này để kiếm thêm tiền sắm đồ cho tụi trẻ mồ côi..."

Cô nghe con Tâm nói như cho có nói, "Lẽ ra chị học bác sĩ thì đúng hơn... Chỉ khác nhau có mấy năm..." Quay sang em, cô thấy nó đang lo ra, thần trí như đang để ở đâu. Nó lấm lét nhìn quanh rồi bảo cô, "Khổ quá bác tài không đợi mình... Người ta nhìn mình dữ quá..." Cô ghi nhận là Tâm nói đúng, nhưng cô không thấy trong cái nhìn của mọi người có gì đối nghịch hay thù ghét... Chỉ có một chút tọc mạch và ngạc nhiên dành cho người từ một cảnh sống khác bỗng dưng lạc tới... Để yên lòng em, cô xoa đầu em bé và dẫn Tâm rảo bước theo mẹ. Vừa đi, cô vừa trấn an Tâm, "Lạ thì người ta nhìn cũng phải thôi, nhưng em đừng sợ, chị vẫn theo trường vào thôn làng để chích ngừa và phát thuốc..."

Tâm đã bình tĩnh trở lại. Nó nói, "Em biết..." Rồi nó lại nói, "Anh Quân lớn lên ở đây, sống ở đây cho đến khi sang Mỹ học lái máy bay..." Giọng nó phẳng lì, và cô không hiểu ý nó muốn nói gì...

*

Thấy bà chủ và hai cô tới với bố mẹ, Hoa vồn vã ra tiếp khách. Nó xin lỗi là từ khi nó có bầu, biết nhà sắp thêm miệng ăn, chồng nó lãnh thêm ca thứ bảy nên không có mặt để tiếp khách. Vừa nói nó vừa hạ nải chuối trên bàn thờ Phật xuống và mở mấy chai xá xị con cọp ra đãi. Hoa chắc trạc tuổi cô, nhưng có da có thịt, cái đẫy đà của đàn bà mới sanh. Nó mặc chiếc áo bà ba lụa mầu gụ phủ trên chiếc quần đen mỹ a mới, rõ ràng có ý chưng diện để tiếp khách. Nhưng Hoa chưng diện mà vẫn lôi thôi, cái lôi thôi có chủ tâm phô trương của người mẹ mới đẻ con so. Thấy cô nhìn hai vết sữa ướt trên ngực áo bà ba của nó, Hoa vội khoe, "Khổ lắm cô ba ạ... Em cho con bú, lúc nào cũng ướt sũng như chuột lột..."

Chị Năm mời mọi người dùng đồ giải khát. Cô bưng ly nước ngọt uống. Tâm nhìn chị, rồi nhìn ly nước. Cô nghĩ có lẽ nó quen với những chiếc ly ở nhà chị Năm bao giờ cũng kỳ cọ sạch trong sạch bóng. Mẹ cô tươi cười bảo Tâm, "Sạch đấy con ạ. Chắc Hoa nó chỉ rửa bằng xà-phòng thường nên trông có vết vậy thôi... Nghe nói nước vùng này có phèn nhiều, bên anh Quân chắc cũng vậy."

Tâm nâng ly lên uống một hơi. Nhưng rõ ràng là nó vẫn có gì không thoải mái. Rồi cô bắt được nó nhìn trộm hai vết sữa ướt trên ngực áo con Hoa. Đúng là con Tâm, nó rất sợ những gì không chỉnh.

Tiếng trẻ khóc trong nhà trong làm ngưng câu chuyện. Hoa xin lỗi, "Con nhỏ lại đói rồi, con vô phép bà và hai cô..." Vừa nói, nó

vừa đứng dậy vào buồng trong. Lát sau nó bế con ra chào mọi người. Mẹ cô mở ví lấy chiếc dây vàng mỏng ra trao cho chị Năm. "Để mừng cháu," bà nói. Chị Năm líu ríu cảm ơn, rồi lúi húi đeo vàng vào tay cháu ngoại. Con bé vẫn khóc, Hoa cởi khuy áo cho con bú.

Nét dịu hiền lẫn hoan lạc trên mặt Hoa như lây sang chị Năm và mẹ cô, và mọi người im lặng. Cô ngắm cái nhũ hoa căng phồng bị kéo lệch sang bên bởi cái miệng hài nhi tham ăn, và bất giác cô như bị xâm chiếm bởi một cảm giác kỳ lạ và vô lý, vừa khoái cảm mà thẹn thùng, vừa mãnh liệt mà lại mơ hồ như từ đáy sâu phủ tạng hiện về... Cô cảm thấy như có người đàn bà đã cho con bú từ triệu năm trước nhập vào người cô, và cô rùng mình.

Cô quay sang Tâm, để ngạc nhiên thấy nó quay mặt đi, trong ánh mắt nó lúng túng lẫn lộn với ghê tởm. Cô thầm trách em đã không thấy được cái dễ thương của sự sống qua cái tầm thường dung tục. Rồi rộng lượng, cô nghĩ dù sao nó cũng còn bé quá. Nghèo như một ý niệm thì nó không phiền hà, nhưng nó còn lúng túng khi thấy quá gần những chi tiết cụ thể của cái nghèo khó ấy...

"Cháu tên gì?" mẹ cô hỏi Hoa.

"Dạ tên cháu là Bông..."

"Mẹ là Hoa con là Bông, cũng hay lắm..."

Bà lại hỏi cái Bông ăn đêm mấy lần, và giảng cho Hoa một vài kinh nghiệm nuôi con. Câu chuyện chủ tớ vui vẻ mặn mà.

*

Lát sau Tâm xin phép chị Năm đi nhà tắm. Chị lúng túng, bảo ở đây những tiện nghi ấy không được chu đáo đâu... Mẹ cô trấn an chị, bảo người ta sống được thì mình cũng sống được. Cô thấy Tâm ngẩng lên nhìn mẹ, và cô biết nó biết bà đang nhắc lại lời nó nói ở nhà sáng nay trước khi lên xe. Nó đứng dậy rủ cô cùng đi, và cô miễn cưỡng đồng ý. Mẹ cô bình thản nhìn Tâm và cô theo chị Năm bước ra đường. Trong khóe mắt, cô thấy bà mỉm cười một mình.

Đúng như mẹ cô bảo, dân cư ngụ ở đây không có nhà vệ sinh riêng. Cả xóm chung nhau một cầu tiêu công cộng. Tới cuối xóm, chị Năm rẽ vào một con đường ngang dẫn ra cánh ruộng phía sau phố. Từ sau nhìn lại, khu ngoại ô lại càng nghèo túng hơn. Dãy nhà nằm đâu lưng ra một con lạch lấp xấp bùn, phơi bầy những tấm tôn han rỉ và những dây quần áo bừa bộn. Lon đồ hộp lẫn vỏ chai vỡ vứt

vung vãi khắp nơi, và giấy lộn với những vết khả nghi bay tơi tả mỗi khi có gió. Khung cảnh tạm bợ và cơ cực tột cùng.

Một hàng dừa xơ xác mọc dọc theo con lạch, có lẽ sót lại từ thời vùng này còn đúng là đồng quê, chưa bị ô nhiễm bởi mức sống quá thấp và dân cư quá đông. Thật là khác những con lạch xanh mát của Vĩnh Bình hay Hố Bò, và cô ghi nhận không có cái cảnh sống nào thảm thương bằng cảnh nghèo chui rúc và rác rưởi của ngoại ô thành phố. Cô nghĩ đến ngày cô ra trường và những chuyện cô sẽ được làm để cải thiện những cảnh sống tương tự.

Cô nhìn em, thấy nó xăm xăm bước tới, nét mặt quả quyết. Tại sao nó lại căng thẳng thế này, cô tự hỏi. Rồi cô chợt hiểu ra. Có lẽ nó nhất định chia sẻ với Quân những khổ cực anh đã trải qua với mẹ và em chỉ mới mấy năm trước. Hay nó nghĩ đang đối đầu với sự thách đố của mẹ.

Gần đến khu vệ sinh, cô đã nghe tiếng nhặng vo ve, và mùi xú uế bốc lên gay gắt dưới ánh nắng hè làm cô choáng váng. Cầu tiêu là một hệ thống ván gỗ dựng trên cọc đóng chìa ra lạch, chia làm hai khu nam nữ riêng biệt. Khu nữ xa hơn khu nam, và chị Năm giải thích làm vậy để các thanh niên không có lý do gì sang lộn bên đàn bà con gái. Bẩy tám người đang sử dụng cầu, già có trẻ có, đầu họ nhô lên khỏi phên nứa dựng thấp. Cô nghĩ mùa khô đã vậy, mùa mưa nước lạch dâng lên, những xú uế này rất dễ lan tràn ra xóm. Những bài học về bệnh truyền nhiễm trong giờ y tế cộng đồng trở lại trong đầu cô. Đi sau em, cô miên mang suy nghĩ về những việc thế hệ cô sẽ được làm...

Một thanh niên bỗng đứng dậy, đột ngột đối đầu với Tâm khi cô bé vừa bước tới. Cởi trần gio bộ xương sườn khẳng khiu, quần chưa kịp kéo lên, anh lúng túng nhe hàm răng đầy bựa cười với nó. Tâm hét lên một tiếng thất thanh quay gót bỏ chạy. Trong lúc luống cuống nó xa chân xuống rạch. Chị Năm vội vã bước tới kéo nó lên.

Mặt nó xanh không còn hột máu. Một chân nó dính phân cho tới đầu gối và vạt áo dài của nó bê bết xú uế. Nó òa lên khóc. Chị Năm nổi nóng chửi vọng theo người thanh niên đã ngồi thụp xuống núp mình sau tấm phên. Cô kéo chị đi, và hai người quay sang giúp con Tâm ra cánh ruộng lấy nước sạch gột quần áo... Về đến nhà chị dẫn nó ra nhà sau tắm, và cô mượn Hoa áo quần sạch cho em thay.

Khi chị trở ra nhà ngoài, bác tài khốn khổ hỏi vợ, "Đứa nào đấy,

má con Hoa có nhớ mặt nó không?" Chị Năm chưa kịp trả lời chồng, bà đã bảo chị ngồi xuống kể lại đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, bà quay sang bảo bác tài, "Người ta tội tình gì mà hỏi tên hỏi tuổi... Thôi bỏ đi bác tài ạ. Chẳng qua là Tâm nó trẻ con... Cảnh sống ở đây như vậy, chứ nào ai chủ tâm xúc phạm gì mình..." Mọi người yên lặng. Bà ngồi thêm vài phút nữa rồi cáo từ ra về. Mọi người ra thẳng xe và không ai nhắc đến chuyện sang thăm mẹ và em gái Quân.

Trên đường về biệt thự, bà nói cười tự nhiên như không có chuyện gì xảy ra. Nhưng cô biết bà đã thắng trận từ hôm ấy. Cô vẫn còn muốn giúp em chống lại mẹ, nhưng ở nội trú cuối tuần mới về thăm nhà, sự can thiệp của cô không tức thời và ít hiệu lực. Vả lại gần đây cô như chia trí đối với Quân, và con Tâm cũng nhất định không nhắc lại chuyện cũ. Cô như bó tay thấy Tâm mỗi ngày bớt cứng đầu với mẹ, và dần dà siêu lòng. Nó trở lại thụ động như xưa, và gần như không bao giờ cãi lý với bà nữa. Mỗi khi ai vô tình hay cố ý nói đụng đến Quân, nó tránh đi nơi khác. Rồi một hôm bắt được anh chàng phi công tài hoa đang tươi cười với một thiếu nữ ở cửa rạp xi-nê Lê Lợi, nó đoạn giao, nhất định không cho người yêu có dịp cắt nghĩa... Ít lâu sau nó nhận lời lấy Hoài.

*

Tối nay ngồi ôn lại chuyện em, cô muốn trách mẹ nhưng không tìm được chuyện gì cụ thể để trách. Cô muốn bênh Quân, nhưng lại khó mà bênh hết lòng, vì có cái gì như bất ổn nơi anh. Sau cùng cô nghĩ tình yêu của Tâm thuở ấy là tình yêu con nít, đã không đủ sinh lực để chịu đựng những thử thách kể ra tầm thường, thì dứt khoát như vậy còn hơn là kéo dài trong èo ọt...

Cô cứ tưởng em cô đã quên chuyện Quân, và đã hạnh phúc với Hoài. Cô xót xa nhớ lại câu nó viết trong lá thư gần đây, "Đời sống em đã lâu như hết thần rồi... Còn làm việc, còn sinh hoạt chẳng qua là vì bổn phận làm cha mẹ..." Nó cho cô cảm tưởng hai vợ chồng ôm lấy con làm lẽ sống, gần như cạnh tranh nhau để chiều con, còn cuộc sống riêng tư giữa hai người kể như không còn gì đáng nói nữa...

Cô lại nghĩ thuở ấy hai chị em cô thua trí mẹ là đúng. Cả cô và Tâm dù sao cũng còn non dại. Cái khờ khạo của cô và cái bướng

bình của nó sao đủ cứng cáp để đối đầu với những tính toán già dặn của bà...

Rồi cô lại nghĩ đến hiện tại... Bà vẫn vậy, vẫn muốn cuộc sống của mọi người diễn ra đúng như ý bà, và bà không dễ dàng chịu thua... Cô ra mở TV, nhưng mệt mỏi cô ngả lưng trên ghế bành thiếp đi lúc nào không hay. Lát sau thức dậy, cô thấy khoan khoái và sáng suốt.

Rồi như mặc khải, cô tưởng như khám phá được lý do của mọi khổ sở trên đời, khổ sở của mẹ, của em, cũng như của chính bản thân... Quả thật Tâm khổ vì nó con nít, hiếu thắng. Nó mưu tìm hạnh phúc trong việc đối đầu với mẹ. Cũng như bà Thuần, nó tìm hạnh phúc trong chuyện được thua. Nó đã thua và đã chấp nhận lấy Hoài như một sự thua trận... và hôn nhân xây dựng trên ý niệm thua trận, nếu không được hạnh phúc cũng không đáng ngạc nhiên...

Rồi cô thấy cái nguy hiểm của được thua... Cái thua đã khổ mà cái được nào đã sướng hơn. Mẹ cô đã được, và trong lối sống tham lam với chồng con, bà kể như luôn luôn được... Mà bà nào có sướng gì. Đời mẹ là một chuỗi tháng ngày căng thẳng bực dọc tự bà tạo ra cho chính bản thân và cho người khác...

Cô nghĩ đến chính bản thân, và thấy cô cũng chẳng khác gì mẹ và em. Cô để chuyện thua được chi phối đời sống. Cô ghi nhận cô có ác cảm với Bảo, một phần lớn là vì muốn đối đầu với mẹ. Hành động của cô trở thành âm bản hành động của mẹ... Dương bản đã không tốt làm sao âm bản tốt được. Sắc sắc không không, cô mỉm cười một mình. Cô nghĩ đến thời gian sống trong thiền viện, cô đã vất vả nhiều với cái chân lý bất nhị này mà chỉ hiểu được nghĩa đen.

Cô lại nghĩ đến Bảo... Ngày mai cô sẽ rộng lượng, hay đúng hơn, cô sẽ công bằng với anh hơn... Có tiếng lao xao ngoài cửa. Cô ngẩng lên thấy ba mẹ cô đi bách bộ đã về...

(Còn tiếp)

Mai Kim Ngọc

ghi nhận đó đây

Giải thưởng Văn Chương Pulitzer năm 1992

Ngày 14 tháng 4 vừa qua, Hội đồng chấm giải Pulitzer cho năm 1992 đã trao giải thưởng Văn chương cho Robert Olen Butler, với tác phẩm *A Good Scent from a Strange Mountain*. Hàng năm Hội đồng chấm giải Pulitzer trao các giải thưởng về Báo Chí, Văn Chương và Âm Nhạc cho những sáng tác thành công nhất trong năm vừa qua. Giải Pulitzer do Joseph Pulitzer (1874-1911), nguyên chủ báo *The World*, New York, ủy nhiệm cho Đại học Columbia quản trị và do Viện trưởng viện Đại học này trao tặng hàng năm. Nguyên thủy, mỗi giải trị giá $500, nhưng nay đã tăng lên $3,000, ngoại trừ giải Meritorious Public Service chỉ gồm một huy chương vàng. Tuy trị giá hiện kim khiêm nhượng, nhưng uy tín của giải Pulitzer rất lớn lao.

A Good Scent from a Strange Mountain là một tuyển tập gồm 15 truyện ngắn, viết về cộng đồng Việt Nam ở New Orleans và những vùng phụ cận, tiểu bang Louisiana. Nhan sách lấy từ tên truyện cuối cùng trong tập, "A Good Scent from a Strange Mountain" (Bảo Sơn Kỳ Hương). Tất cả các truyện ngắn đều được kể ở ngôi thứ nhất, qua mười lăm người Việt thuộc mọi tầng lớp, về những hoài niệm quá khứ và những băn khoăn với thực tại lập nghiệp trên đất Mỹ. Qua các câu chuyện kể, Robert Olen Butler đã nói lên được những biến chuyển tâm lý của số người Việt hiện đang sống trong vùng New Orleans, những đối chọi của hai nền văn hóa khác biệt, hai nếp sống tương phản, cùng với những khó khăn trong việc hội nhập vào đời sống trên đất Mỹ.

Ngoài tuyển tập truyện ngắn này, Robert Olen Butler đã xuất bản sáu tiểu thuyết, trong đó có ba cuốn lấy bối cảnh Việt Nam trong những ngày cuối cùng trước khi rơi vào tay Cộng sản, diễn tả tâm trạng của người Việt cũng như một số người Mỹ trước thực tại

phũ phàng của một cuộc chiến tranh đã gây khá nhiều tan nát cho cả người Việt lẫn người Mỹ. Đó là cuốn tiểu thuyết đầu tiên, *The Alleys of Eden* (Hành Lang Eden), và cuốn thứ tư, *On Distant Grounds* (Trên miền đất lạ). Cuốn mới nhất, *The Deuce* (Thằng Hai), thuật lại đời của một đứa trẻ Việt Nam con lai của một người lính Mỹ và môt cô gái bán bar Việt Nam, lớn lên trong khung cảnh xô bồ bụi đời trong trung tâm thành phố New York, sau khi đã bỏ nhà ra đi hơn hai tháng.

Khác với những cuốn tiểu thuyết viết về Việt Nam trước đây lấy cảnh chiến tranh, chém giết, hoặc những cảnh sống của những người lính Mỹ nghiện ngập trong những cuộc vui trác táng, hoặc những khó khăn về đời sống của những người cựu chiến binh sau khi trở lại Mỹ một cách đen tối nhất, Robert Olen Butler đã đưa vào thế giới văn chương của mình những nhân vật liệt vào hàng thứ tận cùng trong xã hội "Mỹ cũng như Việt" với đầy đủ những cảm quan, phản ứng tâm lý, những cách nhìn đời thiết thực và sống thực với ý nghĩa mình đã chọn, với truyền thống văn hóa và những nền nếp của xã hội, như là những con người. Qua văn chương của Butler, người đọc không còn thấy cảm giác bất an như khi đọc *Friendly Fires, Hamburgers Hills, Messages from Nam*, v.v...

Xin xem thêm phần giới thiệu Robert Olen Butler trong số này.

Giải thưởng Thi Ca Kingsley Tufts

Ngày 26 tháng Tư năm 1993, giải thưởng thi ca Kinglsey Tufts đã về tay Susan Mitchell với thi phẩm *Rapture*. Đây là một trong những giải thưởng thi ca lớn nhất về mặt hiện kim ($50,000) do bà Kate Tufts thành lập và trao cho Đại học Claremont ở California quản trị.

Khi thành lập giải thi ca Kingsley Tufts, bà Kate đã làm đúng như đã giao hẹn với chồng. Lúc sinh thời, Kinglsey là một người yêu thi ca, và đã giao hẹn với vợ là sau khi một trong hai người chết, người kia sẽ thành lập một giải thưởng thi ca hàng năm với một số tiền đủ lớn để cho thi sĩ được giải có phương tiện sinh sống và dành trọn thì giờ vào việc sáng tác.

Kingsley là một chuyên viên kế toán, và đã thành hôn với Kate, con gái của một y sĩ ở Hollywood vào năm 1933. Cả hai đều thích thơ, và phòng sách của họ chứa đầy những thi phẩm của Byron, Browning, Wordsworth và Whitman. Chính Kingsley cũng đã sáng

tác một số thơ và truyện ngắn, đăng trong các tạp chí *The New Yorker, Esquire* và *Saturday Evening Post*. Cả hai cùng nghĩ ra chuyện tổ chức một giải thưởng thi ca, vì họ cho rằng những tuyệt tác của các thi sĩ sẽ không được đời biết đến nếu họ không có phương tiện xuất bản. Khi cha Kate chết đi, để lại gia sản cho con gái, gồm một ngôi nhà rộng trên 10.5 mẫu đất ở Hollywood Hills, họ nghĩ rằng cơ hội để thực hiện ước mơ của họ đã đến. Từ đó cho đến khi mất vào ngày Giáng sinh 1991 vì bịnh đau tim trong lúc đang đọc những sáng tác mới nhất của mình cho bạn hữu ở trong phòng khách, Kingsley thường làm thơ vào buổi sáng, trưa đọc cho vợ nghe. Những bài thơ ông viết nói về hoài niệm, về tuổi già và đức tin.

Mười sáu tháng sau ngày chồng mất, Kate đã trao giải thưởng đầu tiên. Số tiền thưởng lấy từ số $1.25 triệu tiền bán căn nhà 14 phòng ở Hollywood Hills bà đã thừa hưởng. Lúc ban đầu bà định trao giải thưởng cho Đại học Stanford quản trị, nhưng đã không chấp thuận khi Đại học này đòi hỏi người được giải phải đến nội trú tại đại học ít nhất là một lục cá nguyệt, và nhất là khi biết được ý định của Đại học toàn quyền chọn lựa ban giám khảo từ ban giảng huấn của Standford, bà đã quyết định đưa cho Claremont Graduate School ở Nam California đảm trách. Theo ý bà, người được giải không nên bị ràng buộc bởi một điều kiện nào, và để giải thưởng có giá trị quốc gia, ban giám khảo phải gồm năm người đại diện cho nhiều lãnh vực sinh hoạt khác nhau.

Ngoài giải thưởng Kingsley Tufts, các giải thưởng thi ca lớn khác gồm có giải Lannan Foundation, cho tiểu thuyết, biên khảo và thi ca, hàng năm tặng 10 giải, mỗi giải $40,000. Nhưng giải thưởng thi ca nổi tiếng nhất vẫn là giải Ruth Lilly, thành lập năm 1986, lúc ban đầu trị giá $25,000, nay đã tăng gấp ba, $75,000, hiện là giải thưởng lớn nhất và uy tín nhất về thi ca ở Mỹ.

Tự do tư tưởng nhưng vẫn cấm... sách

Trong một xã hội mà những quyền căn bản của con người được tôn trọng tuyệt đối như xã hội Mỹ, việc cấm sách là một việc ít ai nghĩ sẽ xảy ra. Thế mà vẫn có những sách bị cấm. Dĩ nhiên, việc cấm sách này chỉ xảy ra trong các trường học, nơi mà các phụ huynh có quyền định đoạt về những loại sách cho con em mình đọc, dù đó

là những sách của các tác giả nổi tiếng, hay đã từng được giải Nobel hay Pulitzer.

Nhật báo Los Angeles Times số ra ngày 10 tháng 5, 1993, đã tường thuật những trường hợp cấm sách đang ngày càng gia tăng ở các trường học Mỹ, nhất là những trường trong tiểu bang California. Lý do các phụ huynh đưa ra để yêu cầu nhà trường rút tên những sách mà họ cho là nói nhiều về tính dục, về sự kỳ thị màu da, về những định kiến trong xã hội ra khỏi danh sách những sách cần đọc. Những người có trách nhiệm về giáo dục như các hiệu trưởng, thầy và cô giáo, các quản thủ thư viện đành phải chịu theo lời yêu cầu của phụ huynh.

Việc cấm sách đã gia tăng rất nhiều trên toàn quốc trong năm qua. Việc xảy ra gần đây nhất là tập thơ "I Know Why the Caged Bird Sings" của Maya Angelou, một thi sĩ da đen đã được Tổng thống Clinton mời đọc thơ nhân lễ nhậm chức hồi tháng giêng vừa qua, đã bị cấm. Bà mẹ của một học sinh ở trong vùng Banning thấy con mình đọc tập thơ đó, rồi đem chuyện nói với một phụ huynh khác, và cứ thế, sự việc đã trở thành lớn chuyện. Họ cho rằng tập thơ nói nhiều về những liên hệ tình dục, về các vụ hiếp dâm và bạo dâm trẻ con, và không muốn những đứa trẻ con họ đọc những thứ rác rưởi đó. Cả ban quản trị nhà trường đành phải theo lời yêu cầu của họ. Đối với thi phẩm đầu tay này của Angelou, đây không phải là trường hợp duy nhất bị cấm. Từ miền Tây như ở California và Washington, đến miền trung Tây như Minnesota, qua miền nam North Carolina, sách của bà đều bị than phiền là đã có những đoạn mô tả lộ liễu cảnh hiếp dâm. Câu chuyện dựa trên việc chính tác giả đã bị hiếp dâm từ lúc còn bé, để rồi bà bị câm đến hơn mười năm.

Ngoài ra, những sách bị cấm rải rác nhiều nơi trên toàn quốc gồm những tác phẩm xưa nay được liệt vào hàng classic trong văn chương Mỹ như những tác phẩm sau:

The Adventures of Huckleberry Finn, của Mark Twain,
Of Mice and Men, của John Steinbeck
Bury My Heart at Wounded Knee, của Dee Brown
The Prince of Tides, của Pat Conroy
As I Lay Dying của William Faulkner
One Hundred Years of Solitude, của Gabriel Garcia Marquez
Catcher in the Rye, của J. D. Salinger.

Giáo sư Trần Đức Thảo từ trần

Tin từ Paris cho hay triết gia Trần Đức Thảo đã từ trần tại Paris Pháp quốc ngày 24-4-1993 vừa qua vì bệnh sưng màng óc, hưởng thọ 76 tuổi.

Sinh năm 1917 tại Bắc Ninh, Trần Đức Thảo du học tại Pháp vào thời kỳ số sinh viên Việt Nam tại Pháp còn hết sức ít ỏi. Ông đậu vào trường Cao đẳng Sư phạm, một học viện danh tiếng qui tụ hầu hết những người ưu tú về văn chương và triết học của Pháp, đã thế, ông còn tốt nghiệp thủ khoa văn bằng thạc sĩ triết học. Nhưng vì không phải là công dân Pháp và bị ngờ có tư tưởng khuynh tả, Trần Đức Thảo không được bổ dụng làm giáo sư đại học thực thụ, ông kiếm sống vất vả bằng cách xin dạy giờ tại vài Đại học ở Paris. Trong khi đó, các công trình nghiên cứu triết học, nhất là chủ nghĩa Marx, đã khiến ông trở nên một khuôn mặt uy tín trong giới triết gia Pháp đương thời.

Jean-François Revel, triết gia uy tín nhất hiện nay tại Pháp, trên tuần báo Le Point cho biết rằng năm 1943 lúc Revel thi đậu vào Cao đẳng Sư phạm, Trần Đúc Thảo vừa tốt nghiệp thủ khoa và đã trở thành một khuôn mặt sáng chói của học viện, nhờ luận án xuất sắc "La phénomènologie de Husserl". Revel ngày nào cũng đến thăm Trần Đức Thảo để học hỏi bậc đàn anh danh tiếng. Để cải chính dư luận đương thời tại Paris cho rằng Trần Đức Thảo đã liên hệ với Cộng sản Quốc tế từ thời sắp tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm (từ đó chính quyền Pháp từ chối bổ dụng ông vào những chức vụ xứng với tài học), Jean-François Revel nói rằng vì cần nghiên cứu các di cảo của Husserl bấy giờ lưu trữ tại Đại học Louvain nên mùa đông 1941-1942 Trần Đức Thảo mới qua Bỉ, và mãi đến năm 1946, khi Hội nghị Fontainebleau thất bại, Trần Đức Thảo mới bắt đầu hoạt động chính trị. Do ngộ nhận, nước Pháp đã bạc đãi một nhân tài, hoặc như lời Jean-François Revel, bạc đãi "một trong những nhà nghiên cứu lịch sử triết học chính xác nhất, một trong những người vô cùng thông minh mà Revel được biết trong đời".

Năm 1952, Trần Đức Thảo về nước, tưởng rằng với cái vốn triết học Marxist vững vàng và lòng yêu nước, ông sẽ đóng góp được phần mình cho cuộc đấu tranh chống thực dân giành độc lập. Theo hồi ký "Cát bụi chân ai" của Tô Hoài, ở chiến khu Việt Bắc lúc ấy, Trần Đức Thảo hết sức nhiệt thành, cứ áy náy là chưa chia sẻ gian

khổ với nhân dân, đến nỗi không chịu ngủ mùng, sau bị sốt rét rừng nặng mới bỏ cái lối biểu lộ lòng yêu nước lãng mạn đó. Revel viết rằng đảng Cộng sản Việt Nam ép buộc Trần Đức Thảo phải phản lại tư tưởng nguyên thủy của ông, gượng gạo chứng minh rằng tư tưởng của Husserl đã dẫn tới tư tưởng Marx. Có lẽ Jean-François Revel đánh giá đảng Cộng sản Việt Nam quá cao về khả năng triết học, chứ thực tế thì Trần Đức Thảo về nước cũng không được giao cho việc gì quan trọng. Sau vụ Nhân Văn Giai Phẩm, như Nguyễn Mạnh Tường, ông bị cô lập, sống cuộc đời nghèo đói cơ cực. Ông có viết vài công trình biên khảo nhưng không ai dám dùng, không ai chú ý.

Tháng 4-1991, do bạn bè cũ ở Pháp vận động, ông được cử qua Pháp công tác. Hết hạn, ông cố ở nán lại Pháp để viết cho xong một cuốn sách triết học. Tòa đại sứ Việt Nam tại Paris cho ông ngụ tại một căn phòng thuộc nhà khách của Tòa đại sứ, và theo tin từ Paris, mặc dù Trần Đức Thảo già yếu bệnh tật, không một xu dính túi tại kinh đô ánh sáng, Tòa Đại sứ cứ tìm cách quấy nhiễu ông, thậm chí cúp cả điện nước căn phòng ông ở. Bất nhẫn, Hội các khoa học gia Pháp quyết định trợ cấp vô hạn định cho Trần Đức Thảo mỗi tháng mười nghìn francs để tỏ lòng ngưỡng mộ một nhân tài mà nước Pháp có thời đã hất hủi. Trần Đức Thảo nhận được tấm chi phiếu trợ cấp đầu tiên một ngày trước khi từ trần, chưa kịp tiêu số tiền lớn lao.

Cuối cùng, một vài tin vui!

Cuộc đời triết gia Trần Đức Thảo là một chuỗi chuyện buồn, là thân phận truân chuyên của người trí thức trong giai đoạn lịch sử đầy bạo động, dối trá, bất trắc, tráo trở. Chuyện không vui.

Người ghi nhận chuyện văn chương đó đây muốn kết thúc các ghi chép tháng này bằng một vài mẩu tin vui vui một chút. Chẳng hạn:

Nhà thơ Huy Trâm đã cho ra mắt thi tập thứ nhì xuất bản ở hải ngoại, tập *Đồng Xanh* tại Phòng Sinh hoạt Thế Kỷ thành phố Westminster tiểu bang California vào chiều thứ bảy 17-4-1993.

Nhà thơ Nguyễn Bá Trạc cũng họp mặt thân hữu giới thiệu tác phẩm thứ nhì tại San Jose tiểu bang California, tập "Chuyện một người di cư nhức đầu vừa phải". Nhân cuộc họp mặt ngày 21-5-1993 này, giới cầm bút hai miền Nam và Bắc California tổ chức một cuộc

hội luận bàn về "Hoàn cảnh và tâm tình giới cầm bút Việt Nam tại hải ngoại"

Nhà văn Đinh Phụng Tiến, tác giả "Cơn lốc" và "Hòn bi" xuất bản tại Sài Gòn trước 1975, sau thời gian học tập cải tạo rồi được phóng thích mưu sinh vất vả tại quê nhà, đã qua định cư tại Hoa Kỳ theo chương trình H.O. Vốn tính trầm tĩnh kín đáo, anh Đinh Phụng Tiến về ở ngay tại khu Little Sàigòn từ chín tháng nay mà giới cầm bút nay mới biết tin. Trên Văn Học số này, Đinh Phụng Tiến gửi tới bạn đọc truyện ngắn "Thảm đỏ cho người về".

Gia đình nhà thơ Cung Trầm Tưởng cũng vừa tới Hoa Kỳ tháng vừa qua, định cư tại thành phố Saint Paul tiểu bang Minnesota. Bạn văn nghệ láng giềng với Cung Trầm Tưởng ở Minnesota đã có sẵn nhạc sĩ Cung Tiến và nhà thơ Thanh Tâm Tuyền.

Văn Học xin chúc mừng hai anh Đinh Phụng Tiến và Cung Trầm Tưởng.

THƯ BẠN ĐỌC

Bắt đầu từ số này, Văn Học mở mục Thư bạn đọc để mối liên lạc giữa tác giả và bạn đọc, giữa Tòa soạn và bạn đọc được chặt chẽ thường xuyên hơn. Từ lâu, Văn Học có khuyết điểm là liên lạc với bạn đọc thất thường, chậm trễ, thư từ phúc đáp chậm. Ban đầu, Văn Học chủ trương chỉ liên lạc với bạn đọc và văn hữu bằng thư riêng, nhưng càng ngày càng thấy không thể thực hiện được vì số thư nhận hàng tuần quá nhiều. Công khai hóa các lá thư bạn đọc viết cũng có nhiều bất tiện, nhưng ngoài cách này, không còn cách nào khác để trao đổi ý kiến giữa Tòa soạn và thân hữu được kịp thời.

Sau đây là phần thư tín Văn Học nhận được gần đây nhất.

Thư anh Nguyễn Anh Thăng, Houston, Texas.

Nhân đọc truyện ngắn "Tôi không muốn làm loài người nữa" của tác giả Nguyễn Minh Đức trên Văn Học số 82, tôi có vài ý kiến về nội dung của truyện.

Trang 45, tác giả viết: "Năm Ất Dậu hả? Vậy thời huynh lớn hơn tôi hai con giáp". Diễn nghĩa ra, có nghĩa nhân vật xưng tôi trong truyện sinh vào năm: 1945 (Ất Dậu) + 24 năm (hai con giáp) = 1969. Theo nhân vật chính trong truyện, ông có cha mẹ và hai người

chị, hai người em gái, cộng với ông là bảy người, đi vượt biển năm 1978 như ông viết ở trang 45, "tôi vượt biển bạn à, hồi 78 cả gia đình tôi gồm bảy người", như thế lúc năm 78 nhân vật xưng tôi được mười tuổi. Nhân vật xưng tôi vượt biển, gia đình bị tai nạn dọc đường chỉ còn cha mẹ và ông thoát, "côi cút chỉ có hai ông bà với nhau", trang 45. Trang 44, ông viết: "nhưng hồi tôi mới lớn, tuổi mười ba, mười bốn gì đó, lúc chị Hai tôi về nhà chồng". Nếu lúc mười tuổi chị Hai của nhân vật chính bị nạn trên đường vượt biển, thì làm sao còn sống tiếp thêm ba năm nữa để làm đám cưới?

Trang 46 ông viết: "lại còn hồi nhỏ tôi thích nuôi gà, nuôi gà Mỹ trong chuồng mà. Tôi ham nuôi chim cút nữa. Vụ nuôi chim cút hồi đó lỗ lã quá trời."

Chắc có lẽ ai cũng còn nhớ vào cuối thập niên 60, tại Sài gòn dậy lên phong trào nuôi gà Mỹ, rồi sau đến chim cút, và xẹp xuống vào đầu thập niên 70. Nhân vật chính trong truyện sinh năm 1969, nếu đã sinh ra thì có lẽ còn quá nhỏ để dự vào hai phong trào nuôi gà Mỹ và chim cút thời đó.

Đọc xong truyện ngắn tôi nghĩ nếu tác giả đặt số tuổi nhân vật chính trong truyện lớn hơn thì thứ tự những sự kiện xảy ra trong truyện sẽ hợp lý hơn. Tuy nhiên, đây là "độc thoại của một người điên", tôi lại tự hỏi có lẽ đây là chủ ý người viết sắp xếp không hợp lý để cường điệu thêm "tâm tình của một người điên"? Xin quí vị cho biết rõ.

Văn Học trả lời: *Nhận thư anh, chúng tôi có liên lạc bằng điện thoại với tác giả, và được giải đáp như sau: Tuy tác giả là một bác sĩ chuyên khoa thần kinh từng có nhiều kinh nghiệm về những trường hợp tâm thần mâu thuẫn phức tạp, nhưng khi viết truyện, tác giả không cố ý tạo ra những chi tiết phi lý về tuổi tác và thời gian mà anh Nguyễn Anh Thăng đã nêu ra. Các chi tiết trên đều do sơ ý của tác giả. Anh Nguyễn Minh Đức cũng xin Toà soạn gửi lời cảm ơn anh Nguyễn Anh Thăng.*

Thư của cô Phương Thảo, Irvine, California.

...Dạo này, tôi đọc nhiều hơn viết, thành ra đọc kỹ hơn. Tiện đây, tôi cũng xin ghi lại một vài cảm nghĩ của tôi về một số chuyện...Văn học.

Văn Học số Xuân sao có nhiều nét ảm đạm quá, ít phần tươi sáng. Trong tổng số 13 truyện ngắn, có đến 9 truyện (khoảng 70%)

thảm. Tôi không đồng ý với Vũ Quỳnh N.H. là tác giả của những câu chuyện buồn thảm ấy đã không thành thật với chính mình, đã đóng kịch giả dối. Nhưng, có những cách diễn tả nỗi buồn khác nhau. Có những nỗi buồn sâu sắc vượt hẳn lên trên những than khóc bình thường, để từ đó, chính nỗi buồn trở thành nét đẹp đáng trân trọng trong đời sống. Người ta sẽ thấu hiểu được lẽ trời đất hơn, sẽ thấy đau khổ cũng là một cái gì rất tự nhiên, như thiên nhiên, như cây cỏ. Tôi thấy số Xuân Văn Học có quá nhiều những kể lể kém phần tươi sáng. Và, điều này ám ảnh tôi nhiều hơn là những tình tiết buồn thảm trong các câu chuyện ấy. Lẽ dĩ nhiên, vì tôi và có lẽ, cả Vũ Quỳnh N.H. nữa, chưa hề bao giờ thực sự nếm mùi đau khổ nên nói thì...dễ lắm, phải không, thưa các ông?

Tôi rất thích các sáng tác của nhà văn Mai Kim Ngọc, thích tâm tình của ông qua các sáng tác ấy. Nhưng, tôi không hiểu sao lần này, truyện dài Chị Em của ông tạo cho tôi một cảm giác như mình phải chạy đua đi đâu không rõ. Truyện chạy nhanh quá, như đang rượt đuổi ai, qua cách dẫn chuyện cùng các phần đối thoại như chưa hết ý. Tôi ước phải chi không khí trong truyện có thể... khoan thai, chầm chậm lại một chút (hay là do sự cố ý của tác giả?).

Còn riêng nhân vật Lương, tôi không hiểu là tác giả có ý xếp anh vào thành phần những nhân vật tốt (good guy) hay không nhưng, sao tôi không thể có cảm tình với anh Lương được. Đối với tôi, anh thật là một người đặc biệt xấu như chính anh ta đã mô tả ngay cả khi tác giả đã cố tình ngụy trang cho anh bằng những nỗi niềm rung động thanh cao: ăn nằm với người yêu để người ấy có con với mình, trở thành vợ mình, rồi trong khi vợ mình đau nặng, lại đi ăn nằm với người ở làm cho người ta mang bầu nên phải lấy người ta, nghĩa là chẳng có chút gì đạo lý...

Trong hai số vừa rồi, tôi rất thích các bài viết của Hoàng Từ Quyên, Dương Như Nguyện, và lẽ tất nhiên, của họa sĩ Võ Đình. Tôi cũng thích loạt bài "Tôi viết văn" của Duy Lam vì những thổ lộ chân thành trong đó. Tôi quí ông vì những điều ông viết từ trước tới nay đều chân thành, chân thành đến độ làm cho tôi phải cảm động. Nhưng, tôi cũng phải thành thực mà nói rằng lối hành văn của ông đôi khi khó hiểu cho tôi quá. Thường ông hay viết những câu dài... kinh khủng, dài liên miên cả đoạn. Riêng còn một điều nữa mà mấy lần nói chuyện qua điện thoại tôi quên không nhắc tới. Đó là mấy

bài tạp bút của ông Đinh Trọng Hiếu khi về thăm quê nhà đăng trên Văn Học đã khá lâu. Tôi đã chảy nước mắt khi đọc "Chợ Hôm", và "Mưa Sài Gòn, mưa Hà Nội". Có lẽ ông thành công lớn nhờ vào lối hành văn như nói (như dân...Bắc hà nói!) mà lại thực văn vẻ, cảm động làm sao!

Thư của ông Dương Thanh Phong, Québec Canada:

Tôi đọc Văn Học, rất thích thú vì tạp chí có nhiều bài vở hay và có giá trị. Chúc Văn Học luôn luôn đứng vững và càng ngày càng phát triển như sự mong muốn và tin yêu của độc giả.Tôi xin gửi kèm theo đây phiếu mua báo dài hạn và một money order để mua một năm báo.

Chân thành cảm ơn lời khen ngợi nồng nhiệt của ông. Chúng tôi biết hiện Văn Học vẫn còn rất nhiều khiếm khuyết, cả nội dung lẫn hình thức, nhưng tự hẹn là cố cải tiến để mỗi ngày mỗi khá hơn. Chúng tôi đã gửi báo từ số 85 đến ông.

Thư của ông Minh Bảo, Houston, Texas:

Tôi là một độc giả của báo Văn Học. ở ngoại quốc, báo này là báo Việt ngữ đứng đắn và cao phẩm. Cảm ơn ông và các cộng sự viên đã lo lắng cho tờ báo, để chúng tôi có dịp thưởng thức văn hóa Việt Nam mình.

Thư của ông Khai T. Hoàng, Tustin, CA:

Tôi rất ái mộ Hoàng Chính qua những tác phẩm gần đây trên Văn Học. Xin quí báo cho biết sơ lược về thân thế, văn nghiệp của Hoàng Chính. Mong sẽ được đọc thêm những bài của Hoàng Chính trên những số báo tới. Cảm ơn.

Văn Học chỉ mới giao thiệp với anh Hoàng Chính qua thư từ và điện thoại, nên thân thế văn nghiệp của anh chúng tôi cũng chỉ biết qua lời giới thiệu của nhà xuất bản Làng Văn: Hoàng Chính, còn có bút hiệu khác là Ngọc Cung Hoàng, quê quán Hải Phòng, tốt nghiệp Y khoa Sài Gòn, hiện là công chức Sở Di trú Canada. Hoàng Chính viết cho tạp chí Làng Văn từ lâu, nhưng chỉ đăng thơ. Tập "Nửa đêm nghe mẹ thở dài" của anh do Làng Văn xuất bản năm 1991. Anh có viết truyện nhưng không gửi đăng ở báo nào cả. Gần đây, Hoàng Chính chọn Văn Học để thử giới thiệu các truyện ngắn của mình, và lập tức được nhiều bạn đọc ưa thích. Truyện của anh linh hoạt, dí dỏm dù chứa nhiều ý tưởng sâu sắc về thời thế. Cách đây hai ngày, nhà thơ Quản Thụy Hoài viết cho Toà soạn Văn Học: "Số báo vừa

rồi (số 85) có Hoàng Chính viết đối thoại rất dễ thương. Bởi vậy phải mua thêm một năm báo nữa đây".

TÒA SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

Ông L.T. Định, Atascadero, CA: VH đã nhận được tiền gia hạn. Xin lỗi ông về dòng chữ nhắc nhở ghi ở bì báo tháng 5. Chúng tôi cũng đã nhận được thư ông lưu ý về câu thành ngữ "Cha làm thầy con bán sách". Khi dùng câu đó làm tiểu mục trong phần Ghi Nhận Đó Đây, chúng tôi không ngầm ý về giá trị. Vả lại, thầy cũng lắm thầy, sách lắm loại. Không phải thầy nào cũng hay cả.

Anh Nguyễn Linh Quang, Paris: Nhận được thư và truyện "Bi kịch" của anh đã lâu, nhưng do sơ ý của Tòa soạn, bì thư ghi địa chỉ của anh đã thất lạc. Vội viết thư phúc đáp, nhưng không gửi thư đi được. Truyện sẽ đi trên số tới. Mong anh cho địa chỉ để Tòa soạn gửi báo biếu.

*

Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ: Khai Hoàng Tustin CA, Nguyễn Duy Công Úc, Khánh Dương Houston Texas, Trần Đình Bình Gardena CA, Đinh Hoang Phan Grand Prairie Texas, Quản Thụy Hoài Irvine CA, Nguyễn Xuân Hiếu Rancho Santa Margarita CA, Phan Anh San Jose, Ho Pho Lai Gatineau Quebec.

Bài vở nhận được trong tháng 4-1993: Thơ: Tháng tư bảy lăm, Dòng thơ cho vợ và con, Tôi làm thơ như thế đó, Bài cộng hưởng, Ngợi ca Nàng, Lại thơ mùa đông, Bày tỏ, Thông điệp, Về đâu cũng vậy mà thôi, Hãy rũ áo bụi mờ, Ta và em, Ăn năn, Cây đa bến cũ, Ba thước lụa đào, Tình si, Dường như, Đường lên trời, Bài song ca buổi sớm, Tình cầm trên tay, Nhìn gương, Về Cần thơ, Sinh nhật của cây đàn, Về đây, Tháng giêng có người ngồi nhớ, Theo vào trời xuân đất đỏ, Buổi trưa, Cái hay của con ốc, Hai nẻo đường, Đêm khuya đợi khách, Hàn Mặc Tử. Truyện: Bi kịch, Điều răn thứ sáu, Hái mận, Thủy quái, Ngược dòng. Biên khảo: Giải văn chương Anh năm 1992, Tô Đông Pha và Nghệ thuật viết văn, Tự điển Việt-Bồ và Bồ-Việt của Philiphê Bỉnh, Về "Hoa lang, Pha lang, Phật lang".

Bài vở nhận được trong tháng 5-93: Cánh lá diêu bông, truyện

ngắn; Cái điều, truyện ngắn; Dưới cành đào, tùy bút; Kẻ mất trâu, truyện ngắn; Những vui buồn trong Điểm người, Điểm sách, tiểu luận; ở nơi khác, thơ; Mưa chiều, thơ; Phiêu bạt, thơ; Phiêu linh, thơ; Tứ tuyệt, Nghe mưa, Tiếp theo bài thơ nắng, Thiền luận, Thứ bảy này thứ bảy nào, thơ; Tỏ tình, thơ; Các biên khảo pháp lý về truyện Kiều, Các từ Việt và Hoa về tục gửi rể, Nữ văn sĩ trực ngộn của nữ quyền, Bản chất thực của nhà Triệu, Có thực tên bà Triệu Ẩu là Triệu Ẩu hay không? biên khảo.

Xin cảm tạ sự cộng tác quí giá của các bạn. Ngoài thơ Văn Học sẽ lựa đăng dần, các bài khác nếu đăng được Tòa soạn sẽ liên lạc bằng thư hoặc điện thoại để quí bạn khỏi gửi đăng trùng ở các tạp chí khác. Mong nhận đều bài vở đóng góp của các bạn.

Bài sẽ đăng trên số sau: Vì giới hạn số trang, những bài sau đây phải gác lại đến số sau, Văn Học 87 tháng 7-1993: Đối thoại với Nguyễn Tất Nhiên của Lệ Hằng, Ngược dòng của Nguyễn Việt, Dưới cành đào của Võ Đình, Bi kịch của Cổ Ngư, Tô Đông Pha và Nghệ thuật viết văn của Hoàng Liên.

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- **bệnh nội khoa: tiểu đường - mấu cao...**
- **bệnh phổi: ho - suyễn - đau ngực - lao - khó thở**

NHẬN MEDICAL và BẢO HIỂM

giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)

ngày thường: 9 - 12 AM & 1 - 6 PM

thứ bảy: 9 AM - 1 PM

Tel: (714) 641-0263

Địa chỉ: 2740 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Đặt mua dài hạn Văn Học từ số . . . . . đến số . . . . . .

Mua một năm báo tại Hoa kỳ

Gửi hạng tư $36.00

Gửi hạng nhất $42.00

Mua một năm báo tại Canada

Gửi hạng tư $40.00

Gửi hạng nhất $46.00

Mua một năm báo tại Âu, Á và Úc châu

Gửi hạng tư $48.00

Gửi hạng nhất $84.00

Trả bằng Mỹ kim. Ngoài Hoa kỳ xin trả bằng International Money Order. Ngân chi phiếu đề Văn Học

PHIẾU TẶNG BÁO

Muốn mua một năm báo để tặng cho:

Họ và tên: . . . . . .

Địa chỉ: . . . . . .

. . . . . .

Zipe code . . . . . .

Country . . . . . .

Bác Sĩ BÙI THẾ HOÀNH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF FAMILY PRACTICE

801 W. Valley Blvd #203 lầu 2, Alhambra, CA 91803
Tel: (818) 570-1127

CHUYÊN TRỊ:

Bệnh toàn khoa người lớn, trẻ em
Bệnh ngoài da * Tiểu giải phẩu
Bệnh phụ nữ
Chích ngừa, khám bệnh nhập học, bông sữa WIC
NHẬN TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM HMO

Ngày Giờ Làm Việc:
Thứ hai - Thứ sáu: 9AM - 6PM
Thứ bảy: 9AM - 12 AM

Asian American Dental Center

PHẠM ĐÌNH TUÂN, D.D.S.

FAMILY DENTISTRY for CHILDREN & ADULTS

9306 Bolsa Avenue, Westminster, CA 92683
Tel: (714) 895 -5002 / 5003

Office Hours
Mon - Sat: 10AM - 7PM
Sunday by Appointment

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG
7309 Arlington Blvd, Suite 314
Falls Church, Va 22042
(703) 560-0388 / 560-0389

CHUYÊN TRỊ CÁC BỆNH NỘI THƯƠNG TAI NẠN XE CỘ

NHẬN MEDICAID, MEDICARE, VÀ BẢO HIỂM
LÀM VIỆC THEO HẸN:
Thứ 2-6: 9 giờ sáng đến 7 giờ tối
Thứ 7: 9 giờ sáng đến 2 giờ chiều

MINH VĂN
P.O. BOX 647, Oakton, VA 99214 - USA
Điện thoại: (703) 204- 9239
Chi phiếu, thư từ xin đề Minh Văn

Nhà Xuất Bản Minh Văn trân trọng giới thiệu những tác phẩm đã ấn hành của **Trần Long Hồ**:

Tập truyện ngắn	**NGÀY QUANH QUẨN**	$10.00
Truyện dài	**CÕI SA MÙ**	$18.00
(Quyển một trong bộ trường thiên **Dung Thân**)		
Tập truyện ngắn	**NIỀM VUI UNG THƯ**	$10.00

Và các tác phẩm sẽ xuất bản:
CHÂN TRỜI LAM NGỌC ký sự của **Hồ Trường An**
KẺ ĐÀO MỒ tập truyện ngắn của **Trần Long Hồ**
CỬA ĐỊA NGỤC truyện dài, quyển thứ hai trong bộ trường thiên **Dung Thân** của **Trần Long Hồ**

Đã phát hành khắp nơi:

CÂY TRÁI QUÊ MÌNH

của HUỲNH HỮU CỬU và NGUYỄN VĂN BA

Với các đoản văn nhan đề: *Mù U Nằm Ngoái, Xoài Tượng Nước Mắm Đường, Cây Trôm và Mủ Trôm Ngâm Đường Phèn, So Đũa và Nấm Mèo, Bông Giấy, Thịt Tam Tạng, Bông Jamaica, Dưa Hấu Cầu Đúc, Hoa Ưu Đàm, Lúa Thần Nông, Ở Quận Cam Nói Chuyện Bưởi, Hoa Mai Ngày Tết, Dưa Bồn Sông Hậu.*

Tựa của Phạm Hoàng Hộ
Bạt của Lê Văn Lân
Bìa bốn màu tuyệt mỹ của Lê Quang Xuân
Phụ bản Nguyên Khai, Lê Quang Xuân, Nguyễn Hợi, Lê Kim Sơn . . .

Giá bán 10 Mỹ kim
Hỏi mua tại các hiệu sách

ĐÃ PHÁT HÀNH KHẮP NƠI:
Đĩa nhạc CD Dương cầm

MUSIC OF THE NIGHT

trình tấu bởi:

TIEN NGUYEN

Gồm những nhạc khúc nổi tiếng từ Broadway như *The Phantom of the Opera, Cats, Miss Saigon, Les Miserables* . . . và đặc biệt bài *Half Moon Bay* do Yen Nguyen soạn dựa trên bài thơ *Trăng ở Half Moon Bay* của Vũ Quỳnh Hương.

Liên lạc:
TIEN NGUYEN P.O. Box 7717 Fremont, CA 94537

THANH G. PHUNG, M.D.

Diplomate American Board of Radiology

X-RAY . CAT SCAN . ULTRASOUND

MAMOGRAPHY . NUCLEAR MEDICINE

Magnolia Imaging Medical Group, Inc.

Magnolia Medical Imaging Center, Inc.

14571 Magnolia Ave., Ste. 101

Westminster, Ca 92683

Tel: **(714) 893-1915**

Fax: **(714) 898-8142**

Trung tâm chuyên về BỆNH TIM và CAO MÁU

Bác sĩ NGUYỄN QUANG THÁI, M.D.

Chuyên trị: BỆNH TIM & HUYẾT QUẢN . BỆNH NỘI THƯƠNG . CAO MÁU

Bệnh cao mỡ (cholesterol), ngăn ngừa nghẹt mạch máu tim.

Tức ngực, nghẹt thở, đứng tim, tim to, đau tim.

Tim đập thất nhịp, hồi hộp, xây xẩm, ngất xỉu.

Các bệnh tim bẩm sinh, bệnh van tim.

Bệnh cao áp huyết (cao máu).

Bệnh phong thấp, phổi, bao tử, gan.

Bệnh tiểu đường, bướu cổ, tuyến nội tiết, thiếu máu.

Xin lấy hẹn trước: **(714) 531-5056**

14558 Brookhurst St.

Westminster, Ca 92683

TÔ HOÀI

CÁT BỤI CHÂN AI

HỒI KÝ

NHÀ XUẤT BẢN THANH VĂN

Sách có bày bán tại các nhà sách hoặc liên lạc về:

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel: (714) 527-5761

Giá: US$12.00

SÁCH MỚI TÁI BẢN

TỰ DO TRONG LƯU ĐÀY

(Tự truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma)
Chân Huyền dịch, Chân Văn nhuận sắc

Người Tây tạng tin rằng đức Đạt Lai Lạt Ma là hóa thân đời thứ mười bốn của Bồ Tát Quán Thế Âm. Nhưng chính đức Đạt Lai Lạt Ma, ngài có nghĩ rằng chính ngài là Phật Sống hay chăng? Năm ngài lên ba tuổi, một phái đoàn trong hàng giáo phẩm cao cấp đã tìm được ngài từ một gia đình nông dân nghèo nàn, để đưa về kinh đô Lhasa nối nghiệp vị tiền thân của ngài là đức Đạt Lai Lạt Ma đời trước. Năm 15 tuổi, Ngài trở thành nhà lãnh đạo tôn giáo và chính trị của Tây tạng, vừa lúc Cộng sản Trung hoa xâm lăng tổ quốc ngài để thi hành một chính sách diệt chủng. Đức Đạt Lai Lạt Ma đã đối phó với quân xâm lược như thế nào? Nhờ phép lạ nào đức Đạt Lai Lạt Ma cùng đoàn tùy tùng trốn khỏi kinh đô Lhasa và vượt biên sang Ấn độ trong khi quân Trung cộng bủa vây?

Trong cuốn tự truyện Tự Do Trong Lưu Đày chúng ta sẽ nghe đức Đạt Lai Lạt Ma nói về các điều trên. Ngài cũng nói về các hiện tượng thần bí của xứ Tây tạng, về việc các Bồ Tát hóa thân, các lối tu thiền định của Mật Tông, chuyện các thiền sư luyện lửa Tam Muội... Nhưng ngài còn nói về cả các vấn đề của thời đại: chủ nghĩa Cộng sản, nền văn minh duy vật Tây phương, vấn đề chính trị, vấn đề tình dục, sự cảm thông giữa các tôn giáo, chuyện người ta có nên bỏ tôn giáo mình để theo đạo Phật hay chăng v.v...

Nhưng cuốn tự truyện của đức Đạt Lai Lạt Ma, trước hết cho chúng ta được dịp nhận thấy nhân cách đặc biệt của một Con Người. Đó là một con người ôn nhu, hòa nhã, giàu lòng từ bi, không có mảy may một chút Ngã mạn nào. Đó cũng là một con người thông minh, dí dỏm, đầy trí tò mò, không chấp nê, không lệ thuộc vào một tư kiến, một chủ trương nào. Một con người Tự Do tuyệt đối.

Trong lúc Phật giáo Việt nam đang nỗ lực chuyển hóa để vận động cuộc chuyển hóa của đất nước, tự truyện của ngài Đạt Lai Lạt Ma thật là một cuốn sách đáng đọc.

Sách dày 370 trang, bìa 4 màu. Giá 14MK, ngoài nước Mỹ 16MK.

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683
Tel. (714) 527-5761

Giá $3.50 MK